

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Mừng xuân an lạc/Bonne année 2012



Di Lạc thật Di Lạc
Hoá thân trăm ngàn ức
Thường chỉ dạy người đời
Người đời đều không biết.





Hình lễ Vu Lan Báo Hiếu 2011



Lá thư xuân

Đã lâu lắm rồi, kể từ khi tờ báo Phật Pháp ra đời đến nay đã 12 năm, chưa lần nào viết về lá thư của tờ báo, chỉ đăng những

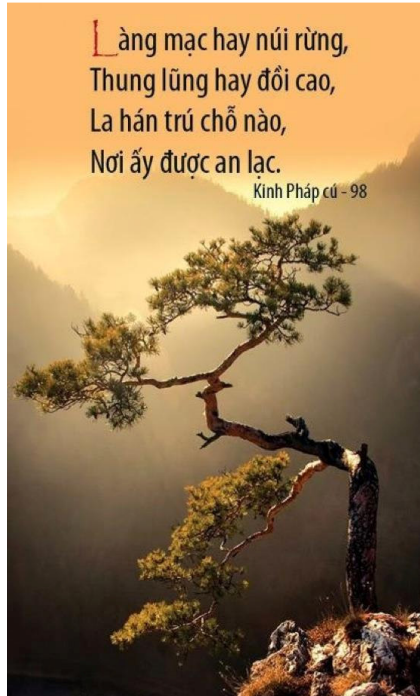
Kinh, Chú giảng giải, khai thị v.v... Đặc biệt năm nay hứng thú một chút, nên biên vài dòng "Lá thư xuân" đến với quý độc giả xa gần. Vì sắp đến "Tết Nhâm Thìn" nên lấy tựa đề là "Lá thư xuân".

Chùa được 12 năm thì tờ báo Phật pháp cũng được 12 năm, tờ báo gắn liền với sự ra đời của ngôi Chùa. Cũng trải qua sự thăng trầm, và cũng nhờ những sự đóng góp và nhiều bàn tay công quả của ban phát hành để hình thành tờ báo. Nhưng khâu nặng nhất vẫn là khâu chuyên tờ Báo đến tay Quý vị độc giả, vì khâu này không thể nào làm công quả được, chứ nếu làm công quả được thì chắc Phật tử cũng không nề hà. Những người ở gần thì được, chứ ở xa xôi nửa vòng trái đất, thì phải nhờ những cô chú phát thơ rồi.

Trong tờ báo phần nhiều là những dòng Kinh kệ của Phật nói và sự giảng giải của cô Hoà Thượng Tuyên Hoá, hết sức rõ ràng mạch lạc, nhưng có nhiều người chắc cũng không đọc hết các bài, vì nhân duyên chỉ có thể thôi. Phật pháp là vậy đó, phải có nhân duyên thâm sâu lắm mới có thể đọc hiểu những những Kinh điển đại thừa, chứ chẳng phải ai cũng đọc hiểu được. Ngay cả những hàng Thanh Văn, cũng có những vị không hiểu, không tin được Kinh điển đại thừa, vì không có nhân duyên. Những bài Kinh, Chú giảng giải, hoặc những bài khai thị rất là tuyệt vời, chỉ cần chúng ta rảnh rỗi, đọc từng bài, từng câu, từng chữ, từng lời, từ từ sẽ thấm vào trong tâm, trong từng tế bào của chúng ta. Giúp cho những tế bào chưa thức tỉnh, sẽ hiểu biết nhiều hơn về Phật pháp, sẽ giúp chúng ta sống an vui, vượt qua những trở ngại khó khăn trong cuộc đời, chuyển hoá phiền não đau khổ thành bờ đề an vui, đưa đẩy chúng ta trên con đường Bồ Tát đạo, vì Kinh điển đại thừa phần nhiều nói về Bồ Tát đạo.

Hơn nữa, chỉ cần chúng ta đọc một bài kệ bốn câu Kinh điển đại thừa, sẽ gieo xuống hạt giống bờ đề, tương lai nhân duyên chín mùi, cũng sẽ gặp

chư Phật ra đời, hành Bồ Tát đạo và rốt ráo giải thoát giác ngộ. Chư Phật Bồ Tát thuở xưa cũng vậy đó, nhân duyên bắt đầu có thể là một câu Kinh, một bài kệ Phật ngôn, rồi dần dần tích lũy công đức, hành Bồ Tát đạo, lợi lạc chúng sinh mà các Ngài đã giác ngộ thành Phật.



Nói đến Xuân trong đạo Phật, thì không thể nào không nói đến hình ảnh quen thuộc, gần gũi nhất với hàng Phật tử chúng ta, chưa nói ra chắc các vị cũng đã biết rồi, đó là "Phật Di Lạc". Vị Phật mà hầu như mọi người đều biết qua hình ảnh nụ cười bất hủ, miệng luôn tươi cười. Nụ cười của Ngài từ trong tâm, từ trong những tế bào, từ trong các lỗ chân lông đều vui vẻ, nên toát ra một nụ cười bất hủ như thế. Nụ cười trên gương mặt của Ngài rất đặc biệt, cười một cách hoan hỉ, an lạc, không cách gì diễn tả được. Cũng dễ hiểu thôi, vì Ngài không còn mọi vướn mắc, phiền não, đau

khổ nữa. Ngài đã hoàn toàn buông bỏ xuống hết mọi chuyện, nên Ngài thông dong tự tại trong thế gian để độ người đời, qua hình ảnh "Bồ Đại Hoà Thượng" mập mập, tay cầm cái túi vải to tướng, cũng từ hình dáng đó mà ngày nay các Chùa đều tạc tượng "Bồ Đại Hoà Thượng" để tôn thờ.

Phật Di Lạc Ngài thị hiện ra đời vào đúng khuya mùng Một Tết, lúc giao thừa, nên Tết đến cũng là ngày mà các Chùa đón giao thừa và rước vía Di Lạc. Hơn nữa hình ảnh vui cười của Ngài rất hợp với năm mới, ai ai cũng đều vui vẻ, tươi cười, quên đi những mệt nhọc của một năm cũ sắp qua, để đón mừng một năm mới tươi sáng hơn.

Xuân nhân gian và xuân trong Đạo Phật đã gắn liền với nhau từ rất lâu rồi, đã thấm vào trong tâm khảm của mỗi người con Phật. Ý nghĩa xuân trong đạo Phật rất đẹp, hình ảnh rất quen thuộc, là đi lễ Phật, hái lộc, lì xì đầu năm. Những ngày đầu năm, thường Phật tử hay đến Chùa lễ Phật, tụng Kinh, cầu cho gia đình một năm mới an khang thịnh vượng, an lạc hạnh phúc và còn cầu cho thế giới hoà bình chúng sinh an lạc, cùng nhau hưởng một mùa Xuân Di Lạc an vui hạnh phúc.

Chủ nhiệm

Kinh Hoa Nghiêm

Đại Phương Quảng Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch: Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định
Tiếp theo kỳ trước

Tôi Thắng Tịnh Quang Thiên Vương, được môn giải thoát, phát sinh lòng tin sâu, ưa thích sức thế nguyện của Như Lai.

Vị Tôi Thắng Tịnh Quang Thiên Vương, đắc được cảnh giới, sự phát nguyện tại nhân địa của chư Phật trong quá khứ. Sức thế nguyện này khắp cùng pháp giới, chẳng có một chỗ nào mà chẳng phải chỗ tồn tại nguyện lực của Phật. Tất cả các cõi nước thường chuyển bánh xe pháp. Vị này hiểu được sức lực này rồi, bèn phát sinh vui mừng, tin sâu cảnh giới của Phật, chẳng có hoài nghi, mà còn ưa thích, học theo đại pháp tạng của Phật. Đó là môn giải thoát của vị Thiên Vương này đắc được.

Bấy giờ, Khả Ái Lạc Quang Minh Thiên Vương, nương oai lực của đức Phật, quán khắp tất cả Thiên chúng trời Thiếu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Cực Quang mà nói kệ rằng.

Lúc này vị Khả Ái Lạc Quang Minh Thiên Vương, cõi trời Nhị Thiên thuộc về sắc giới, nương đại oai thần lực của chư Phật, quán sát khắp tất cả Thiên chúng trời Thiếu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Cực Quang (trời Quang Âm). Vị này dùng kệ để diễn nói, khiến cho chúng sinh thấu hiểu đạo lý này.

Trời Nhị Thiên gọi là Định Sinh Hỷ Lạc. Ở cõi trời này, thường ở trong định thì tâm càng hỷ lạc. Gồm có ba cõi trời :

1. Trời Thiếu Quang : Thiên chúng cõi này, ở trong định phóng quang từ thân, miệng, tâm chẳng có vọng tưởng, miệng chẳng nói năng, dùng quang minh để thay thế lời nói.
2. Trời Vô Lượng Quang : Thiên chúng cõi này,

không những thân và miệng phóng quang, mà tâm cũng phóng quang để chiếu khắp chúng sinh.

3. Trời Quang Âm (trời Cực Quang) : Thiên chúng cõi này dùng trí huệ quang phóng ra từ thân, miệng, tâm để làm đại Phật sự, giáo hóa chúng sinh.

Tôi nhớ xưa kia Như Lai tu Cúng dường vô lượng các đức Phật Là gốc tâm tin nghiệp thanh tịnh Nhờ thần lực Phật nay thấy được.

“Tôi nhớ xưa kia Như Lai tu.” Vị Khả Ái Lạc Quang Minh Thiên Vương này nói : “Tôi nhớ trong quá khứ Như Lai tu các công đức lành.” Công đức gì ?

“Cúng dường vô lượng các Đức Phật.” Trong quá khứ cúng dường vô số Đức Phật, và tu các công đức lành. Đức Phật Thích Ca tại nhân địa tu hành, gặp Đức Phật Nhiên Đăng ra đời, Ngài cúng dường năm cành hoa sen và dùng tóc trải dưới bùn, thỉnh Đức Phật bước qua, cho nên được thọ ký vị lai sẽ thành Phật.

Cúng dường mới là y giáo phụng hành, y pháp tu hành mới có công đức. Một số người cho rằng trang nghiêm đạo tràng, cúng dường pháp cụ, hương đèn hoa quả thì có công đức. Tuy nhiên có công đức nhưng công đức nhỏ.

- Vua Lương Võ Đế hỏi Tổ Bồ Đề Đạt Ma : “Tôi tạo rất nhiều chùa, biên chép rất nhiều Kinh, Luận, độ rất nhiều Tăng, Ni, có công đức gì chẳng ?”

- Tổ Đạt Ma đáp : “Chẳng có công đức gì hết !”

- Vua Lương Võ Đế lại hỏi : “Tại sao chẳng có công đức ?”

- Tổ đáp : “Công đức này, bất quá là quả báo nhỏ ở cõi trời cõi người, là nhân hữu lậu, là nhân thế tục, giống như bóng theo hình, xem thì có nhưng thực tế là hư vọng.”

- Vua lại hỏi : “Chân công đức là gì ?”

- Tổ đáp : “Công đức chân chánh là trí huệ thuần tịnh, thần diệu và viên dung, bản tính của nó là không tịch. Công đức này chẳng phải dùng phương pháp thế tục mà có được.”

“Là gốc tâm tin nghiệp thanh tịnh.” Cúng dường mười phương chư Phật, là dùng gốc để sinh ra tâm tin, thì tu gì cũng đều là nghiệp thanh tịnh, mà chẳng phải là nghiệp nhiễm ô, tức cũng là thân thanh tịnh, miệng thanh tịnh, ý thanh tịnh, ba nghiệp thanh tịnh chẳng có một chút nhiễm ô.

“Nhờ thần lực Phật nay thấy được.” Hiện tại nhờ đại oai thần lực của Phật, mới hiểu được cảnh giới này. Nhờ Phật gia bị cho nên thấu hiểu được hạnh môn của Như Lai tu trong quá khứ.

Thân Phật vô tướng lìa cấu nhiễm Thường trụ từ bi thương chúng sinh Ưu hoạn thế gian thấy tiêu trừ Giải thoát này Diệu Quang đặc được.

“Thân Phật vô tướng lìa cấu nhiễm.” Pháp thân của Phật là khắp pháp giới. Tuy nhiên đầy khắp pháp giới, nhưng chẳng có hình tướng. Vì chẳng có hình tướng, mới đầy khắp pháp giới. Nếu có hình tướng thì có giới hạn, có bờ mé. Vì vô hình tướng cho nên tất cả trần cấu chẳng nhiễm ô. Nếu như có hình tướng thì sẽ có trần cấu. Vô tướng thì tự nhiên chẳng dính bụi trần.

Trần cấu là gì ? Trần cấu này chẳng phải trần cấu có hình tướng, mà là vô minh phiền não cấu, tức cũng là khởi vọng tưởng. Phạm là trong tâm chẳng thanh tịnh, tư tưởng không chân chánh, đều là hiện tượng của sự dơ bẩn.

Đức Phật thì chẳng còn tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng. Bốn tướng này đều không, muốn có trần cấu cũng chẳng có được. Cho nên nói lìa cấu nhiễm, tức cũng là lìa tất cả pháp ô nhiễm.

“Thường trụ từ bi thương chúng sinh.” Thường trụ đại từ, đại từ là thương xót chúng sinh. Tóm lại, Phật dùng đại từ đại bi luôn luôn thương xót chúng sinh, luôn luôn phát nguyện cứu chúng sinh, khiến cho chúng sinh thoát khỏi sự khổ trong tam giới, đặc được sự vui sướng Niết Bàn.

“Thế gian ưu hoạn thấy tiêu trừ.” Thế gian tức là thế giới, ưu hoạn tức là ưu sầu hoạn nạn. Ưu hoạn thế giới này quá nhiều. Vì quá nhiều cho nên chúng sinh ở trong biển ưu hoạn, chìm đắm không ngộ. Song, Phật dùng tâm từ bi, tâm thương xót để giải thoát ưu hoạn, khiến cho không tồn tại nữa.

“Giải thoát này Diệu Quang đặc được.” Môn giải thoát tam muội này vị Vua Trời Thanh Tịnh Diệu Quang đặc được.

Phật pháp rộng lớn không bờ mé Tất cả các cõi hiện ở trong Các tướng thành hoại đều chẳng giống Tự Tại Âm Thiên ngộ môn này.

“Phật pháp rộng lớn chẳng bờ mé.” Ở trên vị Thanh Tịnh Diệu Quang Thiên Vương, thấy được cảnh giới của Phật là vô hình tướng, là lìa cấu nhiễm. Bây giờ vị Tự Tại Âm Thiên Vương, thấy được cảnh giới của Phật rộng lớn không bờ mé.

Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, đối trị tám vạn bốn ngàn bệnh phiền não. Tóm lại, chúng sinh có bao nhiêu phiền não, thì chư Phật có bấy nhiêu pháp môn để đối trị. Mỗi một pháp môn trị một thứ phiền não, cho nên mới nói Phật pháp rộng lớn không bờ mé.

“Tất cả cõi nước hiện ở trong.” Tất cả cõi nước đều hiện ra ở trong Phật pháp, lại có thể nói tất cả Phật pháp hiện ra ở trong các cõi nước.

“Các tướng thành hoại đều chẳng giống.” Thế giới có thành, trụ, hoại, không bốn tướng. Chúng sinh có sinh, già, bệnh, chết bốn tướng. Tâm niệm có sinh, trụ, dị, diệt bốn tướng, tất cả đều là vô thường.

Mỗi thế giới đều có thành, trụ, hoại, không bốn giai đoạn. Mỗi giai đoạn đều có hai mươi tiểu kiếp ; tám mươi tiểu kiếp làm một đại kiếp. Tóm lại, một thế giới từ thời kỳ thành cho đến diệt vong, phải trải qua tám mươi tiểu kiếp. Trong mỗi đại kiếp bao gồm thành, trụ, hoại, không. Thế giới này thành thì thế giới kia hoại. Thế giới kia thành thì thế giới này hoại. Khi thành thì địa cầu sinh tồn. Khi hoại thì địa cầu hủy diệt. Địa cầu này diệt thì địa cầu khác lại sinh. Ở trong hư không có vô lượng thế giới, vô lượng cõi nước. Thế giới này chẳng giống thế giới kia, cõi nước này khác với cõi nước kia. Thế giới Ta Bà mà chúng ta đang ở, chẳng giống thế giới Cực Lạc. Thế giới Ta Bà thì cực khổ còn thế giới Cực Lạc thì cực lạc. Trong mỗi thế giới có rất nhiều quốc gia, mà mỗi quốc gia lời nói, văn hóa, phong tục đều chẳng giống.

“Tự Tại Âm Thiên ngộ môn này.” Cảnh giới môn giải thoát này là vị Tự Tại Âm Thiên Vương đặc được.

Thần thông của Phật không nghĩ bàn Hiện khắp mười phương cõi rộng lớn Thấy đều nghiêm tịnh thường hiện tiền Thắng Niệm ngộ môn giải thoát này.

“Thần thông của Phật không nghĩ bàn.” Phật là bậc Đại Giác. Ai chân chánh giác ngộ thì người đó là Phật. Nếu ai hồ đồ thì người đó là chúng sinh. Do đó, biết chúng sinh và Phật khác biệt

giữa mê và giác. Mê là chúng sinh, giác là Phật. Lục Tổ Huệ Năng nói :

"Pháp vốn chẳng đốn tiệm,
Mê ngộ có sớm muộn".

Nghĩa là pháp bản thể chẳng có đốn và tiệm (đốn pháp là do tiệm mà thành đốn, tiệm pháp là do đốn mà thành tiệm). Chỉ là chúng sinh mê và giác, có sớm có muộn, bất quá là thời gian sớm muộn mà thôi. Thân thông lục của Phật là gì ? Tức là ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông.

Ba thân là :

1. Pháp thân
2. Báo thân và
3. Ứng hóa thân.

Bốn trí là :

1. Thành sở tác trí
2. Diệu quán sát trí
3. Bình đẳng tánh trí
4. Đại viên cảnh trí.

Năm nhãn là :

1. Nhục nhãn
2. Thiên nhãn
3. Pháp nhãn
4. Huệ nhãn
5. Phật nhãn.

Sáu thông là :

1. Thiên nhãn thông
2. Thiên nhĩ thông
3. Tha tâm thông
4. Túc mạng thông
5. Thần túc thông và
6. Tật tận thông.

Cho nên nói thân thông lục của Phật không thể nghĩ bàn.

"Hiện khắp mười phương cõi rộng lớn." Phật ở trong một niệm, hiện khắp cõi nước chư Phật trong mười phương, đi giáo hóa chúng sinh. Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, tuy nhiên là ngồi dưới cõi bồ đề, nhưng pháp thân đến cõi nước chư Phật, đồng thời diễn nói giáo lý viên đốn.

"Thầy đều nghiêm tịnh thường hiện tiền." Phật có thể làm cho tất cả cõi nước chư Phật hoàn toàn trang nghiêm thanh tịnh, cảnh giới này luôn luôn hiện tiền.

"Thắng Niệm ngộ môn giải thoát này." Vị Tội Thắng Niệm Thiên Vương, đắc được phương tiện môn giải thoát này.

Hạt bụi số cõi trong mười phương Thầy đều cúng dường các Như Lai Nghe pháp lìa nhiễm không quên mất Diệu Âm Thiên Vương thấy môn này.

"Hạt bụi số cõi trong mười phương". Tất cả Như Lai, số nhiều như hạt bụi trong biển cõi đều phải kính phụng, đều phải cúng dường, đều phải lễ bái.

"Thầy đều cúng dường các Như Lai." Đức Phật Thích Ca khi còn tại nhân địa, thì cung kính cúng dường các Như Lai, nhiều như số hạt bụi biển cõi.

"Nghe pháp lìa nhiễm không quên sót." Khi Phật tại nhân địa tu hành, thì nghe tất cả các pháp, xa lìa tất cả vô minh, tất cả nhiễm ô, không bỏ qua tất cả các pháp, dù pháp rất vi tế, pháp không quan trọng cũng không quên được, cũng đặc biệt chú ý không bỏ sót. Vì y theo pháp tu hành, cho nên lìa nhiễm, không quên sót.

"Diệu Âm Thiên Vương thấy môn này." Pháp môn đại dụng này, vị Khả Ai Lạc Thanh Tịnh Diệu Âm Thiên Vương minh bạch được.

(còn tiếp)

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch: Thật Xoa Nan Đà

Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Trong hàng chúng Thanh Văn Phật nói con hạng nhất.

Nay con nường trí mình

Nghi hoặc chẳng hiểu được

Đâu là pháp cứu kính?

Đâu là đạo Phật hành ?

Con tử miệng Phật sinh !

Chấp tay chiêm ngưỡng chỏ

**Xin nói pháp vi diệu
Liên vì nói như thật.
Các Trời Rồng Thần thấy
Số đông như Hằng sa
Các Bồ Tát cầu Phật
Số nhiều đến tám vạn.
Và vạn ức cõi nước
Chuyển Luân Thánh Vương đến
Chấp tay lòng cung kính
Muốn nghe đạo đầy đủ.**

"Trong hàng chúng Thanh Văn, Phật nói con hạng nhất" : Ở trong hàng chúng Thanh Văn, Phật nói con Xá Lợi Phất, là người có trí huệ đệ nhất. "Nay con nương trí mình, nghi hoặc chẳng hiểu được". Tuy con là trí huệ đệ nhất, nhưng cũng nghi hoặc chẳng hiểu ? "Đâu là pháp cứu kính" : Cứu kính thì pháp nào là pháp cứu kính ? Là vì pháp cứu kính vi diệu thâm sâu. "Đâu là đạo Phật hành" : Và đâu mới là đạo bồ đề viên mãn của Như Lai tu ? "Con từ miệng Phật sinh" : Tất cả Bồ Tát là chân tử của Phật, từ miệng Phật sinh ra. "Chấp tay chiêm ngưỡng chờ" : Đều chấp tay lại, chiêm ngưỡng đức Phật mắt chẳng tạm rời, đợi Phật nói pháp thâm sâu vi diệu, trí huệ chân thật. "Xin nói pháp vi diệu, liên vì nói như thật". Bây giờ mọi người đều mong đợi Đức Thế Tôn ban pháp âm vi diệu, đạo lý chân thật. "Các trời, rồng, thần thấy, số đông như Hằng sa, các Bồ Tát cầu Phật, số nhiều đến tám vạn" : Thiên, Long bát bộ số đông như số cát sông Hằng, còn có các vị Bồ Tát cầu Phật đạo, đông nhiều đến tám vạn. "Và vạn ức cõi nước, Chuyển luân thánh vương đến" : Và tất cả hàng vạn ức cõi nước khác, có các vị Chuyển luân thánh vương đều đến. Chuyển luân thánh vương lại phân ra Kim luân vương, Ngân luân vương, Đồng luân vương, Thiết luân vương. "Chấp tay lòng cung kính, muốn nghe đạo đầy đủ". Mọi người đều chấp tay lại, cung kính muốn nghe Đức Thế Tôn diễn nói nghĩa lý chân thật đầy đủ viên mãn vô thượng bồ đề đại đạo của đức Phật tu.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Xá Lợi Phất rằng: Thôi đi ! Thôi đi ! Đừng nói nữa! Nếu nói việc đó, thì tất cả

trời, người thế gian đều sẽ kinh sợ nghi ngờ.

Xá Lợi Phất lại bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Cúi xin nói cho, cúi xin nói cho ! Tại sao ? Vì vô số trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ chúng sinh, đã từng gặp các đức Phật, các căn đều lanh lợi, trí huệ sáng suốt, nghe đức Phật nói chắc sẽ cung kính tin nhận.

"Lúc bấy giờ, Phật bảo Xá Lợi Phất : Thôi đi ! Thôi đi ! Đừng nói nữa" : Đây là pháp không thể nói, không cần nói. "Vì sao ? Nếu nói việc đó, thì tất cả trời, người thế gian, đều sẽ kinh sợ nghi ngờ" : Người ở trên trời và người ở nhân gian đều sẽ kinh sợ hoài nghi. Tại sao ? Nếu bạn nói pháp phương tiện quyền xảo, thì họ tin sâu chẳng nghi hoặc, nếu bạn nói pháp chân thật thì họ chẳng tin. Ví như bạn kêu họ đừng có tâm dâm dục thì họ nói : chẳng có tâm dâm dục thì còn có ý nghĩa gì ? Mọi người đều sinh ra tâm nghi hoặc, vì họ cho rằng thứ hành vi đó là khoái lạc nhất. "Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng" : Đức Phật vốn chẳng muốn nói pháp này, chẳng nói bộ Kinh Pháp Hoa này, nhưng Ngài Xá Lợi Phất nài ni khẩn cầu Đức Phật nhất định phải nói, đây gọi là thỉnh pháp. Giảng Kinh vốn phải có người thỉnh pháp mới giảng, bắt quá ở những nơi chẳng hiểu Phật pháp, nếu phải đợi người thỉnh, thì dù đợi đến năm sáu năm, cũng chẳng có người thỉnh.

"Đức Thế Tôn ! Cúi xin nói cho, cúi xin nói cho" : Ngài Xá Lợi Phất lại gọi Đức Thế Tôn hãy nói cho. "Xin vì đại chúng mà diễn nói diệu pháp ! Xin vì đại Chúng mà nói diệu pháp" ! Do đó, thỉnh pháp tổng cộng có ba lần, đó là biểu thị khẩn thiết chí thành, nhất tâm cầu pháp. Vì sao ? Tại sao phải ba lần thỉnh Phật nói pháp này ? Vì vô số trăm ngàn vạn ức A Tăng Kỳ chúng sinh. "Trong pháp hội này có vô lượng vô số chúng sinh. Đã từng gặp các Đức Phật" : Trong quá khứ họ đã từng gặp các Đức Phật, bây giờ cũng gặp được Đức Thế Tôn. "Các căn lanh lợi" : Căn tính của họ đều lanh lợi thông minh phi thường. "Trí huệ sáng suốt" : cũng đều có trí huệ. Nghe pháp của Phật nói, chắc sẽ cung kính tin nhận. Nếu

Phật nói ra chắc chắn họ đều sinh tín tâm, thỉnh Phật từ bi diễn nói pháp thâm sâu vi diệu này.

Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa này, mà nói bài kệ rằng :

**Đấng Pháp Vương vô thượng
Xin nói chỗ do dự
Vô lượng chúng trong hội
Có người sẽ kính tin.**

Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất vì biểu thị sự khẩn thiết chí thành thỉnh pháp của Ngài, mới dùng kệ thuật lại ý nghĩa trường hàng ở trên. "Đấng Pháp Vương Vô Thượng" : Chỉ có Phật là bậc tôn kính nhất của thế gian và xuất thế gian. "Xin nói chỗ do dự" : Hy vọng Đức Thế Tôn nói pháp này, đừng do dự. "Vô lượng chúng trong hội, có người sẽ kính tin". Vì ở trong đại hội này, tất cả người có thể tiếp nhận cung kính thọ trì. (còn tiếp)

Chú Lăng Nghiêm giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

110. Bàn đà na.

Kệ :

Kiết giới thanh tịnh thắng đạo tràng
Pháp hội trang nghiêm niệm Phật đường
Tán thán thường chuyển vô thượng luân
Chân đế lý thú phá hồng hoang.

Tạm dịch :

Kiết giới thanh tịnh thắng đạo tràng
Pháp hội trang nghiêm niệm Phật Đường
Khen ngợi thường chuyển pháp vô thượng
Chân lý vi diệu phá hồng hoang.

Giảng giải : Bàn Đà Na tức là "kiết giới". Sao gọi là kiết giới ? Phạm là kiến lập đạo tràng, trước hết

phải kiết giới. Vậy giới bên ngoài là đời ác năm trước, giới bên trong là đạo tràng thù thắng trang nghiêm thanh tịnh. Kiết giới có khi dùng Chú Đại Bi, mặt hướng về tám phương, người chủ trì pháp hội dùng sức lực quán tưởng, quán tưởng xa bao nhiêu thì giới liền lớn bấy nhiêu.

Người chủ trì nếu tâm lượng lớn, thì tận hư không biên pháp giới đều kiết giới ở trong đó ; nếu tâm lượng nhỏ thì giới cũng nhỏ. Câu Bàn Đà Na này tức là kiết giới. Kiết giới, giới quán tưởng xa bao nhiêu thì đắc được thanh tịnh xa bấy nhiêu. Cho nên nói : "Kiết giới thanh tịnh thắng đạo tràng." Đây là một đạo tràng thù thắng, đại chúng dụng công tu hành.

"Pháp hội trang nghiêm niệm Phật Đường." Pháp hội thì không thể cầu thả được. Tụng Kinh, trì Chú, lễ sám, lạy Phật, giảng Kinh, thuyết pháp đều phải thận trọng mọi việc, tất cung tất kính, tư hào không giải đãi không cầu thả. Trong pháp hội phải quán tưởng chính mình đối trước Phật, đối trước trời, đối trước sư phụ, đối diện với tất cả tôn trưởng. Như thế thì không dám giải đãi lười biếng, làm qua loa cầu thả, mà rất thành tâm tham gia pháp hội đạo tràng. Cho nên nói "Pháp hội trang nghiêm niệm Phật Đường." Niệm Phật Đường không phải nhất định niệm Phật mới gọi là Niệm Phật Đường, bạn thanh tịnh trang nghiêm thì là niệm Phật, tức là niệm Phật tại đó.

"Khen ngợi thường chuyển pháp vô thượng." Câu Chú này là tán thán Phật chuyển pháp luân vô thượng.

"Chân lý vi diệu phá hồng hoang." Dùng chân đế lý thể thực tế chân thật nhất phá trừ tất cả vô minh phiền não. Hồng hoang như đồng với trời đất chưa khai phá. Phải khai thiên mở địa, tức cũng là nói phá vô minh, hiển lộ tự tính pháp thân huệ mạng.

111. Mục xoa ni.

Kệ :

Tối thắng giải thoát Đạt Ma bảo
Diệu cát huy kim thậm hy thiêu
Siêu việt nhất thiết chư khổ nạn
Tốc chúng bồ đề ly điên đảo.

Tạm dịch :

Pháp bảo giải thoát tối thù thắng
Chiếu cổ soi kim rất ít có
Siêu việt tất cả các khổ nạn

Sớm chứng bồ đề hết đảo điên.

Giảng giải : Mục Xoa Ni dịch là "thắng giải thoát". Gì gọi là thắng giải thoát ? Thắng là thù thắng, khác với các giải thoát khác. Đó là dùng sức ít mà thành công cao, một thứ pháp môn thù thắng nhất cho nên nói "Pháp bảo giải thoát tối thù thắng." Giải thoát là pháp không quái ngại, cũng không chấp pháp ; ngã, pháp đều quên. Đạt Ma Bảo là Pháp bảo.

"Chiếu cổ soi kim rất ít có." Pháp bảo này chiếu cổ soi kim, sáng chói muôn đời, nhưng cũng khó mà gặp được, càng không dễ gì hiểu được.

"Siêu việt tất cả các khổ nạn." Đây tức là thực hành sâu vào trí huệ Ba La Mật thì soi thấy năm uẩn đều không, độ tất cả khổ ách, siêu việt tất cả khổ, tất cả ách nạn. Cho nên nói "Sớm chứng bồ đề hết đảo điên." Câu này là nói xa lìa điên đảo vọng tưởng, cứu kính Niết Bàn. Tất cả điên đảo đều chẳng còn, chứng được trí huệ Bát Nhã vốn có. Trí huệ này dùng không hết được. Pháp này nếu không phải có căn lành, đại nhân duyên trong quá khứ, thì không thể gặp được.

112. Tát la bà.

Kệ :

Giải trừ khổ ách đắc an lạc
Tiêu diệt nhiệt não đắc thanh lương
Chú trừ độc cổ chư tà thuật
Nhất thiết vô năng hại thân giả.

Tạm dịch :

Giải trừ khổ ách được an lạc
Tiêu diệt nóng bức được mát mẻ
Chú trừ các độc và tà thuật
Tất cả không thể hại người trì.

Giảng giải : Tát La Bà tức là "giải trừ tất cả khổ não", cho nên nói : "Giải trừ khổ ách được an lạc." Phiền não không còn nữa thì sẽ an lạc.

"Tiêu diệt nóng bức được mát mẻ." Niệm câu Chú này thì tất cả nhiệt não nóng bức đều chẳng còn, thì sẽ được mát mẻ tức là đắc được tự tại.

"Chú trừ các độc và tà thuật." Chú trừ được hết thảy, như niệm tà chú, bỏ cổ độc .v.v... các loại tà thuật, pháp thuật không chánh đáng.

113. Đột sắt trá.

Kệ :

Chưong não biệt kiến giá tánh minh
Phú tàng phát lộ ám đắc đăng
Phán bản quy nguyên quán tự tại
Phóng hạ phạm tình Phật tức thành.

Tạm dịch :

Chưong não biệt kiến che quang minh
Che lấp phát lộ tối được đèn
Trở về nguồn cội quán tự tại
Buông bỏ phạm tình liền thành Phật.

Giảng giải : Đột Sắt Trá dịch là "chưong não", "biệt kiến". Chưong não, biệt kiến che lấp tự tính quang minh. Tự mình sinh ra một thứ chưong ngại, tà tri tà kiến, che lấp tự tính quang minh. "Che lấp phát lộ tối được đèn." Bạn bị tội nghiệp che lấp, nếu phát lộ sám hối thì giống như trong chỗ tối được đèn sáng.

"Trở về nguồn cội quán tự tại." Bạn trở về nguồn cội thì sẽ nhận rõ bộ mặt thật của bạn, sẽ luôn luôn quán tự tại, rất khoái lạc.

"Buông bỏ phạm tình liền thành Phật." Buông bỏ phạm tình thì sớm sẽ thành Phật.

Hiện tại tôi giảng Chú Lăng Nghiêm cho các bạn nghe. Chú Lăng Nghiêm này trăm vạn ngàn kiếp cũng chẳng có ai giảng một lần nữa, cũng không dễ giảng một lần nữa. Lúc tôi giảng cho các bạn nghe, tôi biết chẳng ai nghe hiểu được. Tức là có người tự cho là hiểu được, cũng chẳng phải thật hiểu. Có người tự cho là hiểu rồi, cho nên không chú ý, vậy cũng giống như không hiểu. (còn tiếp)

Chú Đại Bi giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

7. Án.

Chữ "Án" này dịch ra gọi là "bổn mẫu", "bổn" tức là căn bổn, mẫu tức là mẫu thân. "Bổn mẫu" này tức cũng là "Chú mẫu"; "Chú mẫu" tức cũng là "Phật mẫu"; "Phật mẫu" tức cũng là "tâm mẫu của chúng sinh". Vì tâm mẫu của chúng sinh đầy đủ bổn mẫu trí huệ; nhờ sức của Chú này mà hay

sinh ra mười thứ pháp môn :

- Thứ nhất là "tự".
- Thứ hai là "cú", tức là Kinh điển hoặc là Chú, từng câu từng câu.
- Thứ ba là "quán", quán xem; bạn dùng sự quán sát để tu hành.
- Thứ tư là "trí", trí huệ; dùng kiếm trí huệ chặt đứt tất cả phiền não. "Trí" là Bát Nhã Ba La Mật môn, "quán" tức cũng là thiền Ba La Mật môn.
- Thứ năm là "hành", tu hành; chiếu theo pháp này để tu hành.
- Thứ sáu là "nguyện", bạn phải phát nguyện chiếu theo pháp này để tu hành.
- Thứ bảy là phải "y giáo tu hành" ; y chiếu theo Phật Giáo để tu hành. Nếu bạn chẳng y chiếu theo Phật Giáo để tu hành thì dù bạn tu hành trải qua số kiếp nhiều như cát như bụi, cũng giống như nấu cát muốn thành cơm, chẳng khi nào thành tựu. Nếu bạn muốn y giáo tu hành thì phải minh bạch giáo lý.
- Thứ tám là "lý", đạo lý; nếu bạn hợp với diệu lý Phật pháp thì mới minh bạch. Nếu bạn chẳng hợp với diệu lý Phật pháp thì bạn như người mù luyện đui, tu đến lúc nào cũng chẳng ích gì, cũng không thể thành tựu.
- Thứ chín là "nhân"; bạn còn phải trồng nhân tốt, trồng nhân lành, trồng nhân thù thắng, trồng nhân thanh tịnh thì tương lai mới có kết quả tốt.
- Thứ mười là "quả"; tức là kết diệu quả, kết Thánh quả, kết quả giác cứu kính.

Từ chữ "Úm" này mà sinh ra mười thứ pháp môn thù diệu. Cho nên khi bạn niệm Chú Đại Bi, một khi niệm đến chữ "Úm" này thì tất cả quỷ thần đều phải chấp tay lại cung kính, một chút cũng không dám giải đãi, một chút cũng không dám câu thả để nghe bạn tụng Chú Đại Bi. Cho nên khi bạn tụng Chú Đại Bi đến chữ "Úm" này thì bất cứ là ác thần, ác quỷ, ác phong gì cũng đều phải giữ quy cụ, tức có oai lực như thế.

8. Tát Bàn La Phật Duệ.

"Tát Bàn La": Dịch là "tự tại". Bạn tụng trì câu Chú này thì Tứ Đại Thiên Vương đều đến làm hộ pháp. "Phật Duệ": Nghĩa là "Thê Tôn", cũng gọi là "Thánh Tôn". Đây là Tự Tại Phật, câu Chú này

là Phật Bảo.

9. Số Đát Na Đát Toả.

"Số Đát Na": Là "Pháp". Pháp gì ? Tức gọi là "diệu thắng xứ", tức cũng là "diệu thắng pháp". Lại gọi là "cao thượng thắng sinh". Cao ở đây chẳng có gì cao hơn được ; thượng cũng chẳng có gì sánh với Pháp thượng thắng này; thắng sinh là do thắng lực sinh ra pháp. Đây là một lỗi phiên dịch.

Còn có lỗi phiên dịch khác, tức là "diệu thắng, thắng thân". Diệu thắng này là thắng vi diệu, thắng thân là một pháp.

Còn có lỗi phiên dịch khác gọi là "tôi thượng thừa địa". Sẽ đắc được cảnh giới thập địa tôi thượng thừa này về sau.

Ở trước, "Tát Bàn La" là Phật Bảo, "Số Đát Na" là Pháp Bảo, "Đát Toả" là Tăng Bảo; đây cũng là Tam Bảo, tức là thỉnh mời hết Tam Bảo đến gia hộ cho bạn, ai tụng trì Chú này thì thỉnh nguyện Tam Bảo đến bảo hộ cho người đó.

"Đát Toả": Tức là dùng giáo lý để sai khiến tất cả quỷ thần, tức cũng là dùng câu Chú này để sai bảo tất cả quỷ thần, tức có hai ý nghĩa.

10. Nam Mô Tát Kiết Lật Đỏa Y Mông A Lợi Gia.

Câu này nói về ý nghĩa gì ? Trên cũng Nam Mô, dưới cũng Nam Mô, Nam Mô, Nam Mô, cứ Nam Mô người mà chẳng Nam Mô mình. Người tu đạo chẳng cần đi Nam Mô người mà phải Nam Mô chính mình. Nam Mô ở đây vẫn là chính mình tự quy y mười phương vô tận Tam Bảo. "Tát Kiết Lợi": Là "hoàn toàn"; nghĩa là "hoàn toàn đánh lễ".

"Đỏa Y Mông": Nghĩa là gì ? Tức là "ta"; kêu bạn hoàn toàn đánh lễ bạn. Cái "ta" ở đây là "ta" chẳng phải ta (vô ngã), chẳng phải ta "có cái ngã". Sao chẳng có bạn ? Tức là họ đánh bạn, bạn cũng chẳng biết đau; họ mắng bạn, bạn cũng vẫn tự nhiên, cũng giống như chẳng có việc gì xảy ra, không nhất định phải nhẫn, nếu bạn dùng "nhẫn nhục" thì đã rơi vào 'đệ nhị nghĩa'; cho dù nhẫn cũng chẳng cần, căn bản chẳng có nhẫn để nhẫn, đó gọi là ta chẳng phải ta.

"A Lợi Gia": Ở trước đã giảng qua, tức là "Bạc Thánh"; nghĩa là phải hoàn toàn đánh lễ Bạc Thánh của ta, tức là tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát, tất

cả Thiên Long Bát Bộ. Nghĩa là phải đánh lễ Bậc Thánh của ta chẳng phải ta. Bậc Thánh đó rất nhiều, là ai ? Sẽ nói với bạn ở sau.

11. Bà Lô Kiết Đê Thất Phậ La Lăng Đà Bà.

"Bà Lô Kiết Đê": Nghĩa cũng là "Quán"; "Thất Phậ La": Là "Tự Tại", còn gọi là "Thế Âm". Câu này nghĩa là "Quán Thế Âm", cũng là "Quán Tự Tại". "Quán Tự Tại", "Quán Thế Âm" này, không nhất định nói Quán Thế Âm Bồ Tát mới gọi là Quán Thế Âm, Quán Tự Tại. Nếu bạn tự tại thì bạn là "Quán Tự Tại"; nếu bạn hay cứu độ chúng sinh thì bạn là "Quán Thế Âm". Cho nên nếu bạn hay chiếu theo pháp học này thì bạn là hóa thân của Quán Thế Âm; tôi chiếu theo pháp học này thì tôi là hóa thân của Quán Thế Âm.

"Lăng Đà Bà": Dịch là "hải đảo", tức là nơi trụ xứ của Bồ Tát Quán Thế Âm, tức cũng là "Phổ Đà Sơn" ở Trung Quốc.

Phổ Đà Sơn dịch là "Tiểu Bạch Hoa Sơn", vì trên núi đó có loài hoa tiểu bạch nở. Nơi đây có một tảng đá tạo cung điện gọi là "cung từ ái", tức là cung điện chỗ ở của Bồ Tát Quán Thế Âm, ở bên trong thánh diệu trang nghiêm giống như ở thiên cung, làm bằng bảy báu, song, không dễ gì đến được nơi đó.

Những gì nói ở trước là 'người từ bi', "Lăng Đà Bà" ở sau tức là 'cung từ bi'; cung điện từ bi, là cung điện trụ xứ của Bồ Tát Quán Thế Âm.

12. Nam Mô Na La Căn Trì.

Đây là nói về mười thứ tâm của "Đại Bi Tâm Đà La Ni". Trong Kinh ở trước nói có mười thứ tâm, là tướng mạo của "Đà La Ni", nên y chiếu mười thứ tâm này để tu hành.

"Nam Mô": Ở đây vẫn là "quy mạng kính đầu". "Na La" dịch là "hiền"; "Căn Trì" dịch là "ái". Đây gọi là người tu hành hiền ái thiện hộ. Hiền ái thiện hộ tức cũng là đại từ bi tâm, tức cũng là tâm cung kính, tức cũng như ở trước có nói về vô thượng bồ đề tâm.

Na La Căn Trì : Là đại từ bi tâm, Na La Căn Trì cũng là tâm cung kính, Na La Căn Trì còn là vô thượng bồ đề tâm. Ý nghĩa câu này đại biểu cho ba thứ tâm. (còn tiếp)

KINH BÁT NHÃ

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Bốn như ý tức tức là dục như ý tức, tinh tấn như ý tức, niệm như ý tức, tư duy như ý tức. Bốn niệm xứ tức là thân, thọ, tâm, pháp. Quán thân bất tịnh. Quán thọ là khổ. Quán tâm vô thường. Quán pháp vô ngã. Bốn chánh cần là điều lành chưa sanh khiến cho sanh khởi, điều lành đã sanh khiến cho tăng trưởng. Đó là giảng về phương diện điều lành. Những điều ác chưa khiến cho không sanh khởi. Những điều ác đã sanh khởi khiến cho chúng đoạn diệt. Đó là nói về phương diện điều ác.

Năm căn là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Năm căn này phát sinh ra năm lực. Tín có tín lực. Tấn có tấn lực. Niệm có niệm lực. Định có định lực. Huệ có huệ lực. Cộng năm căn năm lực lại thành mười. Bốn niệm xứ, bốn như ý tức, bảy phần bồ đề, tám chánh đạo cộng chung là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

"Nhất đản quán thông thành thánh quả, (một lần quán thông thành thánh quả)".

Chư vị tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, thì một ngày nào đó sẽ đột nhiên quán thông, minh bạch, hiểu rõ. Lúc ấy, chư vị chứng được quả thánh.

"Thiên chân hữu dư nữi hoá thành, (lệch chân hữu dư nữi hóa thành)".

Chư vị chớ nghiêng trụ tại niết bàn hữu dư, thiên chân hữu dư niết bàn chính là hóa thành, nghĩa là thành này do biến hóa mà có, không phải là thật. Đạt đến thiên chân hữu dư niết bàn, tức là không phải niết bàn cứu cánh, nên phải còn tu thêm nữa.

"Vô trí diệt vô đắc, (không trí cũng không đắc)".

*"Tạng giáo bồ tát sự lược độ
Viên tu diệu giác lý đốn minh
Vô trí phá chấp không chư tướng
Bất đắc phi chứng liễu pháp dung
Ư nhất mao đon hiện bảo sát
Tọa vi trần biểu chuyển pháp luân
Thử ngôn thuyết xuất tiên thành tín
Vị tất tri âm hữu cơ nhân*

Dịch:

*Tạng giáo Bồ Tát hành sáu độ
Tròn tu diệu giác lý rõ ràng
Vô trí phá chấp không các tướng
Không đặc không chứng rõ pháp dung
Nơi một đầu lông hiện bảo tòa
Ngồi trên hạt bụi chuyển pháp luân
Lời nói ra người liền tin ngay
Nào hay tri âm có mấy ai".*

Không trí cũng không đặc. Trí là trí huệ. Đặc là chứng đắc quả vị. Đạt đến cảnh giới đó, trí huệ cũng không cần, quả vị chứng đắc cũng không có, hy vọng điều gì cũng không có. Chúng ta học Phật pháp, đều muốn đạt được trí huệ; có trí huệ rồi thì chứng đắc được quả vị Phật. Nay trí bát nhã cũng không có, muốn đắc được Phật quả cũng không thể đắc. Đây là lạc vào không à? Không phải vậy. Chẳng đạt được trí huệ, chẳng chứng đắc được tức là trí huệ không chấp trước. Không có chấp trước rằng mình có chỗ chứng đắc.

"Tạng giáo Bồ Tát sự lục độ, (tạng giáo Bồ Tát hành sáu độ)".

Tạng giáo Bồ Tát tức là ba tạng kinh điển giáo huấn Bồ Tát. Pháp tu hành của Bồ Tát là pháp môn có trí huệ, có chứng đắc. Hành sáu pháp ba la mật tức có chấp trước. Chấp chúng sanh có thể độ được, tức là có trí huệ. Chấp trước Phật đạo có thể thành được, tức là có chứng đắc.

Sao gọi là làm sáu độ? Sáu độ tức là hành bố thí thì cứu độ tham lam. Phải hành bố thí thì mới không còn tham lam. Một lần bố thí thì là một lần dẹp bỏ tham lam. Trì giới thì độ hủy phạm. Chư vị trì giới thì tâm được thanh tịnh, như ánh sáng tinh khiết trong sạch của hạt minh châu. Trì giới thì không có ô nhiễm. Ô nhiễm thì dơ bẩn, không tinh khiết, không trong sạch. Không trì giới giống như tờ giấy trắng bị lấm mực đen, càng lấm mực càng đen thì càng đen càng dơ. Chư vị trì giới tức phải như tờ giấy, xưa nay vốn đã trắng sạch.

Nhẫn nhục độ sân hận. Chư vị tu nhẫn nhục thì không có nóng giận. Nếu có nóng giận thì không có nhẫn nhục. Chư vị tu nhẫn nhục thì sân hận sẽ không còn.

Tinh tấn độ giải đãi, làm biếng. Phải nên tinh tấn hằng ngày, luôn luôn tinh tấn, dũng mãnh tinh tấn. tinh tấn thì không có giải đãi làm biếng.

Thiên định độ tán loạn. Ngồi thiền hồi lâu thì có công phu tức là định trụ. Có định lực rồi thì không có tán loạn.

Bát nhã độ ngu si. Bát nhã khiến dẹp trừ ngu si.

Đây là sáu độ, cũng là sáu sự tướng có thể thấy, có hình tướng nên biểu hiện được. Ví như bố thí thì không còn tham lam. A! Vẫn còn chấp trước là nhờ bố thí mà không còn tham lam. Vì vậy, bảo rằng sáu độ tức là tạng giáo chư Bồ Tát phải nên tu.

"Viên tu diệu giác lý đốn minh, (tròn tu diệu giác lý rõ ràng)".

Viên giáo Bồ Tát tu hành sáu độ. Viên giáo Bồ Tát tức là Diệu Giác Bồ Tát. Biệt giáo Bồ Tát cũng tu hành sáu độ. Sáu độ chỉ có lý, không có sự tướng, không có chấp trước. Gọi lý đốn minh (lý lẽ chỉ rõ minh bạch), nghĩa là tức khắc minh bạch, hiểu rõ đạo lý bố thí mà chưa từng bố thí, hành sáu độ mà chưa từng hành, vốn không chấp trước vào sự của sáu độ. Không chấp trước vào chi hết, nên gọi là không trí cũng không đặc.

Lý sáu độ có nhiều loại. Tu theo viên giáo không tạo sáu độ, làm bất cứ việc gì cũng không chấp trước, tạo việc gì ra cũng như không tạo. Tuy nhiên, chưa tạo việc thì không thể nói đã tạo việc. Nói thí mà chưa thí. "Tôi chưa bố thí mà cũng như đã bố thí".

Không thể nói như thế được. Chỉ có bố thí rồi thì mới nói rằng chưa có bố thí, mà không thể bảo rằng chưa bố thí cũng là đã bố thí.

"Vô trí phá chấp không chư tướng, (vô trí phá chấp không các tướng)".

Vô trí phá chấp tức là phá chấp trước về những phần còn lại của bát nhã. Không chư tướng tức là tất cả tướng đều là không. Mọi tướng đều là không, nên bảo rằng vô trí cũng vô đặc.

"Bát đặc phi chứng liễu pháp dung, (không đặc không chứng rõ pháp dung)".

Bát đặc tức là không có chi để chứng đắc, cũng là không chấp trước vào chứng đắc quả vị Phật. Trên, không Phật đạo có thể thành. Dưới, không chúng sanh có thể độ. Chẳng phải nói rằng không chúng sanh có thể độ, nhưng là độ mà chưa từng thấy có độ. Tuy diệt độ hết tất cả chúng sanh mà thật không có chúng sanh nào được diệt độ hết. Chẳng phải là không chúng sanh đã được độ, mà

là không có chấp trước. Không nên chấp trước vào trí huệ và chứng đắc. Không này cũng chính là đại viên cảnh trí, mà trong đó không có chấp trước nào hết, nên liễu đạt pháp dung.

"U nhất mao đọa hiện bảo sát, (nơi một đầu lông hiện bảo tòa)".

Chứng đắc được cảnh giới này rồi thì chỉ vừa ngồi xuống liền xuất hiện một tòa bảo vương. Trong tiêu hiển đại.

"Tọa vi trần biểu chuyển pháp luân, (ngồi trên hạt bụi chuyển pháp luân)".

Ngồi trên hạt bụi mà chuyển đại pháp luân. Đó là đạo lý trong kinh Thủ Lăng Nghiêm.

"Thử ngôn thuyết xuất tiên thành tín, (lời nói ra người liền tin tưởng)".

Lời này vừa nói ra thì ít nhiều người đều tin tưởng.

"Vi tất tri âm hữu cơ nhân, (nào hay tri âm có mấy ai)".

Một vài người tin tưởng rồi thì không biết có bao nhiêu người tri âm (nhớ tưởng), lại cũng không có bao nhiêu người hiểu rõ đạo lý.

Hư Vân lão hòa thượng bảo:

*"Tẩu biến thiên nhai tầm tri kỷ
Vị tri nhược cá thị tri âm".*

Dịch:

*"Lên tận cõi trời tìm tri kỷ
Vẫn chưa biết được kẻ tri âm".*

Thiên nhai tức là cõi trời. Tri kỷ tức là bạn thân của mình. Lên tận cõi trời tìm tri kỷ, mà không biết ai là người tri âm. Sao gọi là tri âm? Tức là hiểu được ý phát xuất từ lời nói của mình. Không có tri âm, tức là mình có nói ra lời gì nhưng không có ai hiểu hết. Có người hiểu lời mình tức là có người tri âm.

Chư vị bảo: "Pháp sư! Ngài giảng con đều hiểu cả. Ngài là người bạn tri âm của con. Ngài thuyết mà con không hiểu rõ, nên không phải là người tri âm. Ngài thuyết, con không hiểu và lại hiểu, con tri âm và lại không tri âm".

Tri âm và không tri âm xuất phát từ đâu? Tôi thuyết một bài kệ, ai y chiếu theo đó mà tu hành thì người đó là tri âm. Ai không y chiếu theo đó mà tu hành thì không phải là tri âm. Tin lời tôi

nói đạo lý tức là tri âm, còn ngược lại thì không phải là tri âm. Đạo lý gì? Nơi một cọng lông, ngồi xuống liền hiện bảo sát. Ngồi trên hạt bụi, chuyển đại pháp luân. Ngồi trên một cọng lông, xuất hiện các cõi Phật. Bảo vương sát tức là cõi nước mà Phật thường giáo hóa chúng sanh. Ngồi trên hạt bụi mà chuyển đại pháp luân, giáo hóa chúng sanh. Cảnh giới này là trong tiêu mà hiển đại. Chư vị nếu hiểu rõ cảnh giới này thì là tri âm. Chư vị không hiểu rõ nhưng lại muốn tu hành. Đợi khi chư vị ngồi trên hạt bụi mà chuyển pháp luân thì liền hiểu rõ.

(còn tiếp)

pháp ngữ của H.T Hư Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

2. Ngày thứ hai, (23.2)

Đã thất là pháp khắc kỳ thủ chứng. Người xưa vì căn tánh lạnh lợi nên không thường dùng pháp này, nhưng qua đời Tống (960-1278) thì từ từ được áp dụng. Đến đời Thanh (1662-1912), vào triều vua Ung Chánh, pháp này lan rộng khắp nơi. Vua Ung Chánh rất tôn trọng Thiền tông, nên tại hoàng cung cũng thường đả thất. Đồng thời, công phu thiền định của ông ta rất phi thường. Dưới tay ông có hơn mười người ngộ đạo. Tổ Thiên Huệ Triệt ở chùa Cao Mân tỉnh Dương Châu cũng ngộ đạo dưới pháp hội của ông ta. Tất cả quy củ pháp chế thiền môn đều do ông chấn chỉnh. Do đó, tông phong được chấn hưng mạnh mẽ, và nhân tài xuất hiện rất nhiều.

Vì vậy, quy củ tông phong rất thiết yếu và hệ trọng. Pháp thức khắc kỳ thủ chứng tựa như thí sinh nhà nho lúc vào trường khảo hạch, theo đề mục mà làm thơ, theo thơ mà được khảo thí trong một thời gian hạn định. Đề mục đả thất của chúng ta gọi là "Tham Thiền", nên điện đường đều gọi là "Thiền Đường". Chữ Thiền vốn là tiếng Phạn, dịch là thiền na, nghĩa là tĩnh lự. Trong thiền lại có thiền Đại Thừa, thiền Tiểu Thừa, thiền cõi hữu sắc, thiền cõi vô sắc, thiền Thanh Văn, thiền ngoại đạo v.v...

Thiền trong tông môn, gọi là "Vô Thượng Thiền". Nếu như trong thiền đường có người tham thấu nghi tình, ngôi tọa thiền cắt đứt mệnh căn, tức đồng Như Lai không khác. Thế nên, thiền đường cũng gọi là "Tuyên Phật Trường", tức là trường tuyên làm Phật, hay "Bát Nhã Đường". Sở học nơi các thiền đường đều là pháp vô vi. Vô vi tức là không có hành động tạo tác, không pháp để chứng đắc, không pháp để làm. Nếu là hữu vi thì đều nằm trong sanh diệt. Nếu có chứng đắc thì cũng có mất mát. Kinh nói: "Nếu còn lời nói đều là không thật nghĩa".

Ví như, tụng kinh, lễ sám v.v..., tất cả đều là pháp hữu vi của ngôn giáo phương tiện quyền xảo, còn tông môn dạy quý vị trực nhận thẳng vào nguồn tâm, không có chỗ để dùng ngôn ngữ. Xưa kia, có một học nhân, tham vấn lão nhân Nam Tuyên:

- Bạch Hòa Thượng! Đạo là gì?

Ngài Nam Tuyên đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

Thường ngày, ăn cơm mặc áo, ra vào làm lụng nghỉ ngơi, đều không hợp với đạo, do vì chúng ta tùy theo cảnh mà đắm nhiễm chấp trước, không nhận ra tự tâm mình vốn là Phật. Thuở trước, thiền sư Pháp Đường ở núi Đại Mai lúc mới gặp Mã Tổ bèn hỏi:

- Bạch Hòa Thượng! Phật là gì?

Mã Tổ đáp:

- Tâm tức là Phật.

Ngài liền đại ngộ, rồi lễ bái từ biệt Mã Tổ, đến núi Mai Tử ở huyện Tứ Minh, kết am ẩn tu. Đời Đường, niên hiệu Trinh Quán (785-804) dưới hội của thiền sư Giám Quan, có một vị tăng nhân đi vào rừng lượm cây làm tích trượng mà bị lạc đường, nên đến am Ngài, bèn hỏi:

- Bạch Hòa Thượng! Ngài ẩn tu nơi đây đã bao lâu rồi?

Ngài đáp:

- Chỉ thấy núi bên phía tây xanh rồi lại vàng.

- Bạch Hòa Thượng! Vậy đường nào dẫn ra khỏi núi này?

- Ông cứ men theo con suối này mà ra.

Vị tăng trở về thuật lại cho thiền sư Giám Quan nghe. Giám Quan bảo:

- Tại Giang Tây, Thầy từng gặp một vị tăng, nhưng bấy lâu nay không nghe tin tức, vậy chắc là Ngài đó rồi.

Sau đó thiền sư Giám Quan liền bảo tăng đi thỉnh ngài Pháp Đường về chùa. Ngài Pháp Đường làm kệ:

"Cây khô cần trong rừng lạnh lẽo,
Mây độ xuân về tâm nào chuyển,

Lão tiêu phu chẳng màng nhìn đến,
Dinh nhân truy tìm chi nhọc mệt,
Trong hồ sen nở vô số y,
Hoa từng ăn mãi vẫn còn dư
Nay bị thế nhân biết nơi ở
Phải dời am vào tận núi sâu!"

Mã Tổ nghe Ngài đang trú trong núi, nên bảo tăng đến chỗ đó mà hỏi:

- Bạch Hòa Thượng! Ngài gặp Mã Đại Sư, được sở đắc gì mà trụ nơi đây?

Ngài đáp:

- Mã Đại Sư dạy rằng tức tâm tức Phật, nên tôi mới đến đây.

- Gần đây Mã Đại Sư giảng thuyết Phật Pháp có khác.

- Khác như thế nào?

- Mã Đại Sư dạy rằng phi tâm phi Phật.

- Lão già làm mê loạn người chưa có ngày nào thôi. Mặc lão phi tâm phi Phật, còn tôi chỉ biết tức tâm tức Phật.

Vị tăng trở về, thuật lại sự việc này cho Mã Tổ nghe. Mã Tổ bèn bảo:

- Trái mai đã chín.

Qua câu chuyện này, chúng ta thấy rõ tín tâm của người xưa thật là kiên cố. Vì căn cơ chúng ta quá kém cỏi, và vọng tưởng quá nhiều, nên chur đại tổ sư mới dạy tham quán câu thoại đầu. Thật là một việc làm miễn cưỡng. Tổ Vĩnh Gia nói:

"Chứng thật tướng,
Không người không pháp,
Sát na diệt,
Hết nghiệp nơi ngục A Tỳ
Nếu lấy lời giả, dối chúng sanh,
Tự chiêu địa ngục cắt lưỡi hàng sa kiếp!"

Tổ Cao Phong bảo:

- Người học đạo, như lấy một viên đá, liệng thẳng xuống tận đáy hồ. Chúng ta tham khán thoại đầu, tức là phải khán xem nó đến tận cùng, cho tới khi thấy vỡ nó ra mới thôi.

Tổ Cao Phong lại phát nguyện:

- Nếu người học đạo, khi khởi câu thoại đầu, mà không có hai niệm, thì trong bảy ngày, nếu không ngộ đạo, tôi nguyện sẽ mãi bị đọa trong địa ngục cắt lưỡi!

Vì lòng tin của chúng ta không kiên cố, và tu hành không chân thật, nên vọng tưởng không thể xả bỏ. Nếu có tâm thiết tha vì sự sanh tử, thì một

câu thoại đầu quyết không để quên mất. Tô Quy Sơn bảo:

- Đòi đòi nếu không thói chuyển, quả vị Phật quyết định sẽ đạt được.

Người mới phát tâm học đạo, nói chung vọng tưởng rất nhiều. Chân cảnh thường bị đau nhức, và không biết phải dụng công như thế nào. Thật ra, chỉ quan trọng nơi tâm tha thiết vì sự sanh tử, cứ bám chặt vào câu thoại đầu, mà không phân biệt đi đứng nằm ngồi. Từ sáng đến tối, xoay chiếu lại nó mãi như ánh trăng thu vàng vạc, rõ rõ ràng ràng không lạc vào hôn trầm, không mê trong trạo cử, thì quả vị Phật sao lo không có phần! Nếu hôn trầm nổi lên, quý vị phải mở mắt thật to, và nói rộng dây lưng, thì tinh thần sẽ tự phần chấn trở lại. Khi ấy, đừng khởi câu thoại đầu quá vi tế, vì dễ lạc vào hôn trầm và không vọng. Nếu để tâm tự nhiên thì chỉ còn một mảnh thanh tịnh tràn đầy, thân tâm sáng khoái. Lúc đó, chớ để mất câu thoại đầu thì mới tiến bộ. Song, nếu lạc vào không vọng tức chẳng phải là cứu cánh. Nếu khởi thoại đầu quá thô thiển, thì vọng tưởng dễ dàng sinh lên. Lúc đó, khó mà điều phục được trạo cử. Thế nên, khi ấy phải dụng hòa là trong thô thiển có vi tế, trong vi tế có thô thiển, thì công phu mới đắc lực, khiến đạt đến cảnh giới động tịnh nhất như.

Xưa kia, những khi chạy hương ở chùa Kim Sơn và các chùa khác, thầy Duy Na dâng hương xong, liền cùng đại chúng chạy như bay. Khi nghe tiếng mõ đánh, bèn đứng khựng lại như người chết. Như thế thì còn đâu vọng tưởng hôn trầm? Nào phải như ngày nay chúng ta chạy hương đâu?

Khi ngồi thiền, quý vị đừng đề câu thoại đầu quá cao, vì dễ bị phù trầm. Lại nữa, không nên giữ câu thoại đầu trước ngực vì sẽ sanh bệnh. Ngoài ra, đừng đề nén xuống. Nếu đề nén xuống đan điền, bụng sẽ phình to, dễ lạc vào cảnh năm mươi âm ma, phát sanh nhiều bệnh tật. Chỉ thiết yếu là tâm bình khí tĩnh, tham khán chữ "Ai" mãi như gà ấp trứng, mèo rình chuột. Lúc xoay lại phản chiếu được rồi, mạng căn tự nhiên cắt đứt.

Đương nhiên, người mới học pháp này, làm sao sánh bằng với những vị đã từng tham học lâu năm, nhưng quý vị cũng nên cố gắng dụng công trong mọi thời khắc.

Tu hành giống như mài đá lấy lửa, phải có phương pháp rõ ràng, bằng không thì cho dầu đập

nát đá ra vẫn không có lửa. Cách thức là phải có một thanh sắt và môi lửa. Để môi lửa ngay dưới cục đá, rồi lấy thanh sắt cọ vào đá. Khi lửa từ viên đá cháy nháng lên, môi lửa liền bắt được ngọn lửa. Đó là phương pháp lấy lửa duy nhất. Hiện tại, chúng ta biết rằng tự tâm là Phật, nhưng lại không chịu thừa nhận, nên phải dùng câu thoại đầu làm môi lửa. Lý dùng môi lửa là như thế. Hiện tại đối với cách lấy lửa, chúng ta chưa biết đến, nên không thể nhận ra tự tánh. Tự tánh của chúng ta đồng với chư Phật không khác. Song, vì vọng tưởng chấp trước, nên không thể giải thoát. Do đó, Phật vẫn là Phật, và mình vẫn là mình. Chúng ta hôm nay đã biết mình là con của bậc Pháp Vương, thì hãy nên tự tham cứu, vậy có hay lắm không! Hy vọng mọi người hãy cố gắng nỗ lực. Trên đỉnh trụ cây trăm thước, hãy tiến thêm một bước, để được trúng tuyển tại đạo tràng này, mới mong rằng trên đáp đền ơn chư Phật, dưới làm lợi ích cho loài hữu tình. Trong Phật pháp, không có nhân tài xuất hiện vì mọi người không dám nỗ lực tinh tấn tu hành. Nói ra thật đau lòng! Giá như tin sâu vào lời dạy của tổ Vĩnh Gia và Cao Phong, thì quyết chắc rằng ai ai cũng sẽ ngộ đạo. Mọi người hãy nên dụng công tham thiền!

(còn tiếp)

Hám Sơn

đại sư tự truyện

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Pháp Hội Cầu Thái Tử

Năm ba mươi sáu tuổi, Ngài kiến lập pháp hội Vô Giá. Xưa kia, thầy Diệu Phong cũng phát nguyện lấy máu viết kinh Hoa Nghiêm như Ngài. Nay, Ngài cùng thầy Diệu Phong đồng phát nguyện kiến lập một đạo tràng viên mãn, gọi là pháp hội Vô Giá (được tổ chức vào mỗi năm, với mục đích ban phát của cải cho người nghèo. Đây cũng là pháp hội sám hối. Ở Ấn Độ, pháp hội Vô Giá thường được nhà vua tổ chức để cúng dường thức ăn cho chư tăng và phân phát đồ đạc cho người nghèo). Trong quyển 'Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ', trang 157, ông

Nguyễn Hiến Lê viết: "...Huyền Trang, nhà sư đi thỉnh kinh nổi tiếng nhất của Trung Hoa, bảo rằng vua Harsha cứ năm năm lại tổ chức một đại lễ để bố thí. Ông mời đại diện tất cả tôn giáo, gọi tất cả những người nghèo khổ trong nước lại. Ông có thói quen, trong quốc khố còn chứa bao nhiêu tiền thuế dành dụm từ đại lễ lần trước (nghĩa là năm năm trước), lần này đem ra bố thí hết. Huyền Trang ngạc nhiên thấy biết bao nhiêu vàng bạc, tiền và nữ trang, tơ lụa gấm vóc chất đống trong một khoảng rộng, chung quanh có cả trăm cái lều chứa cả ngàn người. Ba ngày đầu cúng bái, tụng kinh; ngày thứ tư bắt đầu bố thí. Theo lời vị cao tăng đó - có vẻ không tưởng tượng nổi - hàng vạn tăng được cấp thức ăn uống, rồi được tặng mỗi người một viên ngọc trai, y phục, hoa, dầu thơm và trăm đồng tiền. Các tu sĩ Bà La Môn cũng được hậu tặng gần như vậy, rồi tới các tu sĩ Jain, rồi tới các giáo phái khác, sau cùng tới lượt các người nghèo không theo một tôn giáo nào, những trẻ mồ côi trong nước. Có khi bố thí tới ba bốn tháng mới hết. Sau cùng chính nhà vua Harsha coi hết y phục rực rỡ, lột hết vàng bạc châu báu đeo trong mình để phân phát."

Pháp hội này trở nên thịnh hành tại Tàu kể từ đời vua Lương Võ Đế. Pháp hội Vô Giá thường bị hiểu lầm là pháp hội cúng Mông Sơn Thí Thực. Có thể pháp hội Vô Giá gần như giống pháp hội Thủy Lục, vì khi chuyên đổi đề cầu nguyện Thái Tử thì pháp hội Vô Giá trở thành pháp hội Thủy Lục. Sau khi thầy Diệu Phong đi hóa duyên tiền bạc và lương thực đầy đủ, năm trăm đại đức danh tăng từ Bắc Kinh được thỉnh đến núi Ngũ Đài. Những việc cần thiết đã được chuẩn bị, sắp đặt đầy đủ tại đạo tràng. Ngay khi đó, hoàng đế sai quan thỉnh các đạo sĩ tại núi Võ Đang làm lễ cầu thái tử. Lý thái hậu cũng sai quan triều đình đến núi Ngũ Đài, yêu cầu chư tăng làm lễ cầu Thái Tử.

Tại chùa, Ngài suy nghĩ rằng giữa những lễ nghi, làm Phật sự để cầu quốc thái dân an thì việc cầu Thái tử nối tiếp ngôi vua là quan trọng nhất. Thế nên, thay vì tổ chức pháp hội Vô Giá (pháp hội sám hối của các tỳ kheo và cũng là pháp hội bố thí thức ăn tiền bạc cho người nghèo) đã được xếp đặt hoàn tất, Ngài đổi ngược lại thành pháp hội cầu nguyện chư Phật ban cho hoàng đế một thái tử để nối ngôi.

Thầy Diệu Phong không hề hiểu ý Ngài. Lý thái hậu phái quan mật sử đến bàn chuyện với Ngài.

Đương thời, quyền hành đã nằm hết trong tay hoàng đế. Tuy là người của Lý thái hậu, nhưng quan mật sử lại không dám làm trái ý của hoàng đế vì sợ sau này sẽ liên lụy tánh mạng. Do đó, đến núi Ngũ Đài, quan mật sử bàn với Ngài rằng hãy lập đàn tràng pháp hội cầu thái tử cho qua loa thôi, chớ nên tổ chức rườm rà. Ngài biết rõ hoàng đế không có ý ủng hộ Phật pháp, nên công việc hoàng dương chánh pháp sau này chắc sẽ bị cản trở. Ngược lại, Lý thái hậu vốn là Phật tử thuần thành. Bà đã từng dựng chùa lập tháp tại hoàng cung, nên Ngài có ấn tượng tốt đối với bà. Vì vậy, Ngài nhất quyết không nghe lời phân bua của quan mật sử.

Đương thời, thế lực Minh triều suy vi, nhân dân thường khởi nghĩa. Lúc pháp hội Vô Giá chưa khai mở, quân phiến loạn chống triều đình tại Giang Nam thường vào núi Ngũ Đài. Trong triều nội, những quan lại ganh ghét Lý thái hậu và Ngài, lấy lý do đó để phản đối pháp hội Vô Giá. Song, vì Ngài hết sức kiên quyết, nên pháp hội Vô Giá vẫn được chuẩn bị. Năm đó, sửa chữa tháp viện hoàn tất xong, Ngài đặt kinh Hoa Nghiêm do chính Ngài viết bằng máu và bài phát nguyện để vào trong đó. Ngài góp nhặt tạng kinh Hoa Nghiêm Thế Giới Chuyển Luân và tất cả kinh điển dùng để tụng đọc trong chùa cùng những pháp khí trong dịp cử hành pháp hội, như pháp cụ, vật tế, pháp khí. Thầy Diệu Phong đang ở tại Bắc Kinh để cung thỉnh năm trăm vị danh tăng. Trong chín mươi ngày đêm Ngài không chợp mắt vì chuẩn bị những pháp khí, kinh điển cho pháp hội. Theo đúng thời hạn, đến tháng Mười, thầy Diệu Phong hướng dẫn hơn năm trăm vị cao tăng từ Bắc Kinh đến Ngũ Đài. Như thế, tập họp chúng tăng ở núi và ở kinh đô lại khoảng hơn một ngàn vị. Ngài cung cấp chỗ ăn nơi ở đầy đủ, không thiếu thốn lộn xộn. Chư khách tăng lấy làm ngạc nhiên vì không biết những nơi ăn chỗ ở này từ đâu mà có đủ. Pháp hội Thủy-Lục-Không kéo dài liên tục trong bảy ngày đêm. Vào thời gian đó, tuy không ăn một hạt cơm mà chỉ uống nước, nhưng Ngài vẫn lo lắng chu toàn pháp hội. Mỗi ngày thay đổi hoán chuyển thức ăn cúng dường chư Phật chư Bồ Tát hơn năm trăm bàn mà không thiếu thốn sai chạy. Người đến xem và tham dự rất ngạc nhiên, nghĩ tưởng những đồ vật cúng dường như thế không biết từ đâu ra, chắc là do thần thông mà có. Tuy nhiên, Ngài biết rõ, mọi việc đều do chư Phật chư Bồ Tát gia hộ hết.

* Lời chú giải của Phước Chung * :

Một bên, hoàng đế sai quan triều đến núi Võ Đang để mời các đạo sĩ cầu Trịnh Quý Phi sanh thái tử. Một bên, Lý thái hậu gọi quan nội sử đến núi Ngũ Đài, thỉnh tăng chúng làm lễ, cầu nguyện Vương Cung Phi sanh thái tử (Theo phong tục, dầu cung phi hay quý phi, ai sanh thái tử trước thì sẽ làm hoàng thái hậu sau này). Như thế, chúng minh hoàng đế và Lý thái hậu tin tưởng khác tôn giáo và khác sự mong cầu. Quan nội sử được Lý thái hậu sai đến núi Ngũ Đài. Vì sợ liên lụy và không muốn làm nghịch lòng hoàng đế, ông ta không trung thành với Lý thái hậu, nên khuyên Ngài hãy làm lễ đơn sơ thôi.

Đôi với Diệu Phong, thầy không hiểu vì lý do gì mà việc cầu thái tử lại xảy ra trong pháp hội Vô Giá. Ngài Hám Sơn giữ vững lập trường trong việc cầu thái tử, vị hoàng đế tương lai cho quốc gia, là quan trọng hơn hết. Cá nhân, trong chín mươi ngày đêm không chợp mắt, Ngài chuẩn bị sửa soạn kinh điển, pháp khí cho pháp hội. Trong bảy ngày của pháp hội, Ngài không ăn một hạt cơm nào, chỉ uống nước lã. Mọi Phật sự gồm có cúng dường hơn năm trăm bàn thức ăn mỗi ngày, không thể làm được nếu không có sự gia bị của chư Phật và trí huệ sáng suốt của Ngài. Sau này, khi việc rắc rối xảy ra tại triều đình, hoàng đế bảo: "Cả triều đình đều theo tăng sĩ. Riêng một mình ta, theo đạo sĩ." (Câu này nói tóm gọn chuyện cầu thái tử tại núi Võ Đang và núi Ngũ Đài.)

Sau khi pháp hội Vô Giá hoàn tất, danh tiếng của Ngài vang lừng khắp nơi. Khách thập phương lũ lượt đến viếng núi Ngũ Đài. Thấy thời cơ hoàng pháp đã đến, Ngài dâng đàn giảng kinh. Năm 1572, Ngài giảng Hoa Nghiêm Huyền Đàm (do quốc sư Thanh Lương chú giải). Mỗi ngày, có hàng ngàn người đến nghe giảng kinh thuyết pháp. Con số này nhiều hơn số người tham dự pháp hội Vô Giá. Vì ngưỡng mộ danh đức của Ngài và núi Ngũ Đài, tổng cộng có trên trăm ngàn tăng tục đến nghe thuyết pháp, khiến khí thế của đạo tràng Ngũ Đài cực thịnh. Trong sử Phật giáo, ít có những pháp hội hy hữu này. Trong một trăm ngày, tăng chúng và cư sĩ nhóm họp đông đảo để nghe giảng kinh. Hằng ngày, phải cung cấp thức ăn cho hơn mười ngàn người đến nghe giảng kinh. Lúc thọ trai, mọi người rất theo thứ tự. Trong những buổi giảng kinh, không nghe những tiếng ồn náo. Mọi việc đều do Ngài xếp đặt và quản lý. Không ai biết làm sao Ngài tổ chức được như thế. Mọi khí lực Ngài đều dồn vào

pháp hội giảng kinh. Sau khi pháp hội giảng kinh Hoa Nghiêm chấm dứt, mọi người đều trở về quê quán. Tiền tín thí cúng dường được hơn mười ngàn đồng. Số tiền này được sung vào công quỹ thường trụ để trang trải cho chi phí của pháp hội.

Năm đó, vào tháng Tám, Vương cung phi hạ sanh thái tử Chu Thường Lạc, tức vua Quang Tông sau này (Lý thái hậu rất cảm kích chư tăng tại núi Ngũ Đài về việc tổ chức pháp hội cầu thái tử thành công viên mãn.) Theo sử triều Minh, sau khi hoàng đế đến khuê phòng, Vương cung phi liền mang thai, nhưng hoàng đế lại cố tình không chấp nhận. Lý thái hậu nhắc lại ngày giờ mà hoàng đế đến đó và khuyên ông hãy chấp nhận việc Vương cung phi mang thai. Vì thế, hoàng đế mới chính thức nhìn nhận Chu Thường Lạc vào tháng Tư âm lịch năm 1582.

Ngài đến chùa Trung Phong, phía tây Bắc Kinh, trông nom việc khắc bản Trung Phong Quảng Lục. Mùa đông, Ngài làm lễ Thủy Lục tại thạch thất.

Năm ba mươi tám tuổi, vào tháng giêng, đàn tràng Thủy Lục được chấm dứt. Do được nổi tiếng vì pháp hội cầu thái tử được kết quả như ý, nên danh tiếng núi Ngũ Đài vang dội khắp nơi. Bên trong triều nội, ai ai cũng biết đến danh Ngài cùng núi Ngũ Đài. Bên ngoài, quần chúng Phật tử cũng đều nghe danh Ngài. Tám năm trú tại núi Ngũ Đài, Ngài tu hành, khai ngộ, thành thực, thậm chí đạt đến đỉnh cao danh vọng.

Biết rõ thanh danh thường làm chướng ngại cho việc tu hành, và nhận thấy rằng khó lòng ở dài lâu tại Ngũ Đài, nên Ngài qua Đông Hải ẩn cư. Từ đó, Ngài chính thức bỏ hiệu Trưng Ấn mà dùng pháp hiệu Hám Sơn. Chỉ mang một bình bát, Ngài cùng thầy Diệu Phong bắt đầu cuộc hành trình dài dằng. Thầy Diệu Phong đến Lô Nha, còn Ngài vì bị bệnh nên qua Chân Định, Chưởng Thạch Nham để điều dưỡng. Khi đó, Ngài viết kệ:

"Vót núi dựa bầu trời,
Mặt trời bị che khuất
Vách núi cắt đường lộ
Chỉ còn cây thang bay."

Khi xưa, chùa Báo Ân bị cháy, Ngài đã từng phát nguyện trùng hưng lại. Trong tám năm trú tại Ngũ Đài, Ngài có rất nhiều cơ hội để thực hiện. Vì sợ nếu đi chỗ xa xôi sẽ bỏ lỡ cơ hội, nên Ngài quyết định ẩn cư tại Đông Hải. Ngày tám tháng

Tư, Ngài đến núi Lao Sơn. Trước khi chia tay, thầy Diệu Phong bảo đệ tử là Đức Tông, đi theo Ngài làm thị giả vì sợ Ngài bệnh hoạn, không thể đi một mình. Ngài liền chấp thuận. Nơi đó, Ngài bắt đầu duyệt sổ sao kinh Hoa Nghiêm của quốc sư Thanh Lương. Một hôm, Ngài duyệt đến phẩm Bồ Tát Trụ Xứ: "Nơi Đông Hải có một chỗ gọi là động Na La Diên. Từ xưa đến nay, chư Bồ Tát thường đến trụ nơi đó." (còn tiếp)

Cuộc đời của h.t

Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

27- Cầu con được mãn nguyện.

Phan Tế Thời là người giàu có ở Huyện Song Thành, hai vợ chồng đã ngoài bốn mươi mà vẫn chưa có mụn con nối nghiệp nên rất buồn rầu. Vì ngưỡng mộ đức hạnh của Ngài nên họ

tìm đến Quy y và chuyên cần học Phật pháp với Ngài. Ông bà thường cầu nguyện trước Bồ Tát Quán Thế Âm gia bị cho họ có một đứa con để nối dõi. Ông Phan cũng thành tâm khấn thiết cầu Ngài điu dắt, Ngài bảo:

- Ông phải nên làm nhiều việc lành, ông có thể bỏ thí phân nửa gia tài của ông không? Nếu làm được như thế ông sẽ tích tụ được nhiều công đức. Khi nhân duyên thành thực, tôi tin chắc rằng ông sẽ được mãn nguyện.

Nghe Ngài nói thế ông liền y lời, đem tiền của ra tu sửa chùa chiền, tạo tượng Phật, cúng dường Tam Bảo, bố thí vật thực cho các hội từ thiện, giúp người nghèo khổ không nơi nương tựa. Một năm sau quả nhiên vợ ông sanh được một bé trai, đặt tên Thí Đức. Đứa bé chóng lớn, thiên tánh thông minh lanh lợi. Sau khi sanh được con trai, ông lại càng tin tưởng Phật Pháp, ngày ngày tụng kinh niệm Phật chuyên cần tu hành thiện pháp.

28. Thấu suốt nhân quả.

a) Sám hối giải nghiệp.

Theo lời dạy của Lão Hòa Thượng Thường Nhân, Ngài trở về Chùa Tam Duyên giúp đỡ tăng chúng xây cất Tự viện. Tất cả vật liệu như cây cối, ngói

gạch đều phải chuyên chở bằng xe, nhưng nhằm vào mùa thu hoạch, nên Chùa không thể mượn xe được. Ngài đích thân lặn lội tìm đến nhà ông Trưởng khu Lưu Trung Cần mượn xe, tiếc thay ông Lưu từ chối rằng:

- Bạch Thầy đây là việc thiện con muốn làm lắm, nhưng ngặt vì lúc này đúng vào mùa gặt lúa, nên con không có cách chi giúp Thầy!

Khi ấy người em dâu của ông từ trong phòng bước ra thấy Ngài, bà liền cầu Ngài cứu vớt con bà, thằng bé đang bệnh nặng sắp chết.

Sau một hồi quán sát Ngài nói:

- Bà có biết vì sao con bà sắp bị chết không?

- Dạ con không biết.

- Vì bà không hiểu thảo với cha mẹ chồng, nếu bà tin lời tôi mà đến trước cha mẹ chồng quỳ lạy sám hối tội lỗi, thì mới mong cứu vãn tánh mạng đứa nhỏ.

Vì thương con nên bà đã làm y theo lời dạy, nhưng bệnh tình con bà vẫn không thuyên giảm. Ngài bảo rằng hãy đem đứa bé đến, khi bà mang con đến, Ngài vỗ trên đầu đứa bé ba lần và đứa bé bắt đầu khóc. Bệnh của bé cũng tự nhiên phục hồi. Ông Lưu chính mắt thấy rõ sự tình lòng rất thán phục nên chủ động chiêu tập tất cả xe cộ lớn nhỏ trong toàn khu để chở vật liệu xây cất cho Chùa luôn mấy ngày liền. Sau đó bất luận Ngài đi đâu cũng có người tranh nhau cho mượn xe chở. Chỉ trong vòng một tháng người ta đã cho mượn đến tám trăm chiếc xe.

b) Tiên đoán.

Chuyện Ngài cứu sống em bé truyền ra rất mau nên Lý Thanh Sơn ở thôn Dương Gia Điềm, có một người em bị bệnh nặng bèn đến cầu Ngài cứu giúp. Ngài đáp ứng, cùng theo về nhà ông; khi vừa vào đến cửa, Ngài liền nói với Lý Thanh Sơn:

- Ám khí trong nhà ông quá nặng, tôi không đủ khả năng để cứu giải. Vài ngày tới đây e rằng trong nhà ông sẽ xảy ra chuyện không may.

Qua bảy ngày sau, quả nhiên Lý Thanh Sơn vì bực tức người em mà tự tử. Chẳng bao lâu, người em của ông và người cháu gái cũng bị bệnh mà chết.

c) Tiên căn.

Cùng Thôn Dương Gia Diêm có em Vương Thân mười hai tuổi bị bệnh lao đã ho ra máu và còn bị đau bụng. Cha mẹ em tìm đến Ngài xin cứu sống con mình.

Sau khi xem đứa bé, Ngài bèn hỏi ông Vương một câu hỏi lạ lùng:

- Ông có muốn cho con ông sống không? Tôi không thể cứu con ông được, chính ông phải cứu nó.

- Tôi muốn nó sống nhưng làm cách nào mà tôi có thể cứu nó? Tôi không biết phải làm sao đây?

- Đây là phương pháp: nếu ông muốn con ông sống thì ông phải cho nó xuất gia, quy y cửa Phật. Nếu nó xuất gia, nó sẽ sống bằng không nó sẽ chết. Hai đường phải lựa một và chẳng có cách nào khác.

Cha mẹ em liền đồng ý. Chẳng bao lâu sau, em hết bệnh hẳn. Thấy con mình mạnh khỏe trở lại, hai vợ chồng hối tiếc và không cho em đi tu, mặc dầu Ngài viết thư ba lần khuyên họ phải giữ lời hứa. Trong lá thư cuối cùng Ngài cảnh tỉnh họ: Nếu ông bà không tức khắc cho con mình xuất gia tu đạo thì e rằng bệnh tình của em sẽ bộc phát trở lại, khi ấy khó mà trị được. Cha mẹ em vẫn không quan tâm đến lời nhắc nhở trong thư.

Qua hơn một năm sau bệnh của em bỗng tái phát, cha mẹ em lo lắng, chạy chữa biết bao bác sĩ, thuốc men nhưng đều vô phương cứu chữa, mấy ngày sau em qua đời.

Dù hai ông bà có khóc lóc thảm thiết thế nào đi nữa, đứa bé cũng không sống lại. Cả hai người lại khẩn cầu Ngài cứu sống cho đứa con họ một lần nữa, nhưng Ngài nói:

- Cái phương pháp làm cho nó sống là của ông bà. Tôi đã cho ông bà cái phương pháp ấy. Chính ông bà đã không dùng, tôi không thể làm gì khác hơn.

Cha mẹ em Vương Thân thật tâm hối hận vì trước kia đã không tin lời của Ngài.

Tại sao Ngài dạy đứa trẻ xuất gia? Vì nó có cái đức tướng của một người xuất gia, và trong các kiếp trước, nó đã phát nguyện sẽ xuất gia trong mỗi kiếp sống.

29- Tham phương hành cước.

Sau khi Nhật Bản đầu hàng, sự giao thông giữa vùng Đông Bắc và nội địa Đại lục được dễ dàng, nên Ngài đến Quảng Đông đánh lễ Hòa Thượng Hư Vân, vị Hòa Thượng mà Ngài đã ngưỡng mộ từ lâu. Đến mùa thu năm 1946 từ Chùa Tam Duyên tại Hợp Nhĩ Tân, Ngài cất bước đi tham bái vị đại thiện trí thức, không quản đường xá xa xôi vạn dặm. Khi đến Chùa Bát Nhã ở Trường Xuân, hai đệ tử của Ngài là Quả Năng và Quả Thuần ở lại nơi đó thọ giới Tỳ-kheo, còn Ngài một mình tiếp tục trên cuộc hành trình mà thẳng bước về phương Nam, Ngài chỉ mặc một bộ y phục, ngoài ra không có hành trang chi, tiền thì chỉ đủ chi tiêu vào vé tàu. Khi đến Thiên Tân, Ngài tạm trú tại Viện Đại Bi. Nơi đây có Lão Hòa thượng Đàm Hư, đang giảng Kinh Lăng Nghiêm và Lão Hòa Thượng Định Tây (Như Quang) thì từ Viện Đại Bi trở lại Đông Bắc.

Hoàn mãn các thời kinh này, Ngài cùng với Lão Pháp sư Thế Kính và mười ba vị Tăng khác đáp tàu đi Thượng Hải. Khi thuyền đi ngang qua Hoàng Hải, bỗng nhiên một cơn bão lớn thổi đến; những đợt sóng vĩ đại đánh vào làm thuyền chao động không thể tiến tới mà cơ hồ như sắp lật úp. Mưa bão và sóng bề kéo dài mười mấy ngày làm cho thức ăn, nước uống trên thuyền đều cạn. Tám phần mười người trên thuyền đều bị say sóng ngất xỉu kể cả Ngài. Ngài nôn tất cả thức ăn và mưa ra cả mặt xanh mặt vàng. Ai ai cũng đều hoảng hốt lo sợ và nghĩ rằng: Chắc không thoát khỏi cơn hoạn nạn này.

Dưới đây Ngài làm bài “Kệ Nôn Mưa” (Âu Thơ Tụng) để tường thuật lại cảnh hiểm nạn lúc bấy giờ. Xem đây cũng sẽ rõ được lòng từ cảm ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Kết bạn nam hành thập tứ tăng
Hồ tử trường lão, Sa di thanh
Bích hải tiếp thiên thiên vạn lý
Hắc ba trực lẫm lẫm thiên trùng
Pháp hàng yêu tà chu vị phúc
Luân phụng thánh trợ ầu phương ninh
Hi chỉ Hồ Hải trừ cơ khát
Võ Xương Chánh Giác bảo loa minh.

Tạm dịch:

Kết bạn nam hành mười bốn Tăng
Trường lão râu dài, Sa di trẻ
Biển trời xanh biếc tiếp vạn dặm
Sóng đen lớp lớp lẫm thiên trùng
Đối pháp hàng tà thuyền không ngã
Ăn triêm thánh đức ói mưa ta

Mừng đến Hồ Hải trừ đói khát
Võ Xương Chánh Giác bảo âm vang.

Kết bạn nam hành mười bốn Tăng nghĩa là: Trên thuyền đi từ Thiên Tân đến Thượng Hải có mười bốn vị Tăng gồm mười vị Tỳ kheo và bốn Sa di.

Trưởng lão râu dài Sa di trẻ: Ngài là một trong bốn Sa di trẻ trên tàu. Trưởng lão râu dài tức Lão Pháp sư Thê Kính, Trưởng chúng của nhóm này, ra lệnh cho chư Tăng phải nộp tất cả tiền bạc cho Sư trước khi lên tàu. Sư bảo:

- Không ai được giữ tiền riêng.

Biển trời xanh biếc tiếp vạt dậm: Khi ấy biển trời đồng một màu xanh, nhìn xa không bờ mé, chỉ có thuyền lướt trên sóng gió thổi.

Sóng đen lớp lớp lăm thiên trùng: Đột nhiên, sóng nước biến thành màu đen, sóng nổi cuộn cuộn cao năm, sáu thước. Theo bình thường cuộc hành trình từ Thiên Tân đến Thượng Hải mất khoảng một tuần lễ, nhưng lần này đi phải mất hai tuần vì nạn phong cuồng bão táp này.

Đôi pháp hàng tà, thuyền không ngã: Trước kia vì phải cứu bệnh cho Quả Tá và loài Thủy quái bị động nên mới oán ghét Ngài. Xưa kia ở làng Đông Tỉnh chúng muốn trả thù Ngài và đã muốn Ngài cùng cả dân làng đều bị chết trong cơn lụt. Nào ngờ nay chúng muốn lật úp chiếc tàu và nhận chìm Ngài để báo thù. Ngài đã bị say sóng mưa ra mặt xanh, mặt vàng, mặt hết sức lực và gần như sắp chết, nhưng Ngài vẫn âm thầm không ngừng niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm, cầu nguyện Bồ Tát cứu giúp: “Nếu con sống mà không lợi ích chi cho chúng sanh thì con nguyện tiếp thọ tất cả.” Trong cơn bão tố thuyền lung lay thế nào cũng không lật được.

Ân triêm Thánh đức ỏi mưa tan: Bồ Tát Quán Âm thật đại từ, đại bi, đáp ứng sự thành khẩn vô bờ của Ngài, cơn bão đã ngưng, Ngài và mọi người trên thuyền được bình an vô sự.

Mừng đến Hồ Hải trừ đói khát: Khi thuyền vừa cập bến, Lão Pháp Sư Thê Kính bảo mua mì về cùng ăn. Lúc mọi người đã ăn no rồi còn dư lại chút ít, họ định đổ xuống biển. Thầy trai soạn liền hỏi Ngài có muốn ăn không? Ngài tuy không ăn quá Ngộ nhưng lại nghĩ: Đã hơn mười mấy ngày trời trên thuyền không có đủ để ăn, nay họ có ý đổ thức ăn xuống biển, chắc sẽ gieo thêm nghiệp dữ. Nghĩ thế mà Ngài bụng uổng luôn hai tô canh mì. Vị thầy kia thấy thế liền vội báo với lão Hòa

Thượng: Ông Thầy nó đó nói là không ăn quá Ngộ, thế mà ông lại trộm ăn vụng đó.

Ngài bị Lão Hòa Thượng la mắng thậm tệ nhưng không hề biện giải.

Võ Xương, Chánh Giác bảo âm vang: Từ Thượng Hải Ngài đến tỉnh Võ Xương, Hồ Bắc và tạm trú tại chùa Chánh Giác, ngày đêm mặc bộ y phục củi trăm miếng vá, ngồi thiền ở cạnh cánh cửa ra vào chánh điện, lúc bảy giờ Ngài phụ trách hương đăng khi rảnh việc thì dụng công tu thiền. Chánh điện nơi đây thường tỏa mùi hương lạ. Tất cả công việc trong chùa Ngài đều từng đảm trách như: nấu ăn, gánh nước, lau nhà, quét dọn nhà vệ sinh...

Năm 1947 Ngài đến Đạo tràng của Bồ Tát Quán Thế Âm ở núi Phổ Đà thọ Cụ-túc giới. Sau khi thọ giới xong Ngài đi về miền Tây và tu tại Chùa Linh Nham Sơn gần Tô Châu. Nơi đây Ngài tham dự các lớp thuyết giảng và nghiên cứu kinh điển. Mùa Thu năm ấy Ngài tới núi Không Thanh tham gia mười tuần thiền thất. Ngài đã gặp Lão Hòa Thượng Liễu Thừa và Hòa Thượng Minh Quán trong khóa thiền này. Lão Hòa Thượng Liễu Thừa là Phương Trượng của Không Thanh Sơn Tự. Trong thiền đường duy chỉ có Lão Hòa Thượng Minh Quán và Ngài đã miên mật thiền quán suốt bảy mươi ngày không hề nằm nghỉ.

Sau đó vào một đêm Ngài từ Long Đàm trở về Chùa Không Thanh bỗng có một đàn sói ngoan ngoãn đi theo, chẳng những chúng không hề tấn công Ngài mà còn tỏ vẻ quy phục nữa, thấy thế Ngài liền Quy y cho chúng. Vì vậy trong số đệ tử của Ngài, nay lại được thêm hai mươi mấy chú sói nữa. (còn tiếp)

? trong Phật pháp có cảnh giới không thể nghĩ bàn xuất hiện. Nếu lìa khỏi pháp đối đãi, thì không cách chi có thể minh bạch nó như thế nào.

Có câu chuyện của bà Triều Quả Tướng ở tại Los Angeles, chồng bà ta là một bác sĩ. Bà ta có một chứng bệnh kỳ lạ, trong da ngoài thịt của bà ta nổi lên nhọt sù sù, khắp cùng mình. Sáng sớm dậy thì phải hoạt động một lúc mới dậy được. Chồng bà ta chữa cũng không hết. Sau đó bà ta đến Đài Loan, tìm danh y chữa trị, thì họ nói là bệnh này thuộc về tạp chứng kỳ lạ, sử dụng châm cứu để chữa trị. Do đó, châm cứu hơn ba tháng, mà

không thấy hiệu quả gì cả, bà ta bèn trở về Mỹ. Song, hành động rất bất tiện.

Lúc đó, có người bạn giới thiệu quy y Tam Bảo, kỳ tích liền xuất hiện. Bà ta đến Chùa Kim Sơn ở San Francisco tham gia thiền thất, khi ngồi ở trong thiền đường, thì cảm giác có trăm ngàn vạn đèn sáng chiếu đến thân bà ta, có một sức nóng từ đầu chạy xuống chân, rất là dễ chịu thoải mái. Khi từ thiền đường ra nhà bếp, thì sức nóng đó không còn nữa. Trở lại thiền đường thì lại có sức nóng, rất nhiều lần đều như vậy. Kết quả bệnh của bà ta không thuốc mà khỏi, thật là không thể nghĩ bàn, diệu không thể tả. Do đó, con người không thể dùng tư tưởng của phàm phu để nghiên cứu nghĩa chân thật của Phật pháp. (còn tiếp)

Tu hành cần phải nhẫn nại

Đức Phật Thích Ca, từ lúc xa xưa còn tu phước và tu huệ, đã trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp (vô lượng kiếp) mới thành Chánh Giác. Ngài đã:

"Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi,
Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi."

Đừng cho việc thiện nhỏ mà không làm,
Đừng cho việc ác nhỏ mà cứ làm.

Lúc Đức Phật Thích Ca hành đạo Bồ-tát, Ngài chẳng bao giờ bỏ qua việc thiện dù nhỏ như sợi tóc và cũng chẳng bao giờ làm việc ác, dù nhỏ như hạt bụi. Do đó, phước huệ công đức viên mãn rồi thì Ngài thành Lương Túc Tôn (đáng có đầy đủ phước và huệ).

Quý vị hãy chú ý! Việc thiện tuy nhỏ, quý vị cũng phải tu, bởi vì tích lũy từng hạt bụi hạt cát có thể xây dựng ngôi tháp, tức thành việc thiện lớn. Việc ác tuy nhỏ, nhưng nếu cứ làm mãi thì "tích tiểu thành đại," trở thành đại ác, rồi mãi mãi không sao thành Đạo được. Tu hành là:

"Chớ làm các việc ác, hãy làm mọi việc lành."

Nếu không làm việc ác thì phước càng ngày càng nhiều. Nếu làm mọi việc lành thì trí huệ càng ngày càng tăng. Càng tăng thì chúng ta càng phải

tiếp tục tu hành, đừng để gián đoạn, mới thành tựu được.

Bây giờ ở trong Thiên-đường, khi quý vị đi rồi ngồi, ngồi xong lại đi, dụng công tu hành, chính là tu phước huệ. Tu phước ra sao? Tức là "không làm điều ác." Tu huệ thế nào? Tức là "làm mọi điều lành." Đến khi phước báo viên mãn, mà trí huệ cũng viên mãn, thì quý vị sẽ thành tựu Phật đạo rất nhanh chóng, chẳng cần phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật khi xưa, trong lúc tu hành Ngài đã đi làm đường rất nhiều lần, song Ngài vẫn kiên nhẫn, chẳng chịu thua, cứ tiếp tục tinh tấn, siêng tu Giới Định Huệ, chầm dứt tham sân si, cuối cùng đạt thành quả vị Phật.

Giờ đây chúng ta tu hành Phật-pháp, so với Đức Thích Ca, chúng ta thật may mắn vô cùng. Đức Phật đã truyền lại cho chúng ta con đường chân chính, chỉ cần theo đó mà bước tới, thì chúng ta có thể đạt được mục tiêu (tới bờ bên kia, cõi Tịnh-độ) rất mau chóng.

Tiền thân của Phật Thích Ca là Bồ-tát Thường Bất Khinh, chuyên tu hạnh nhẫn nại. Gặp ai Ngài cũng lạy và nói rằng: "Tôi không dám khinh rẻ các vị. Các vị đều là Phật sẽ thành." Có người không ưa cử chỉ đó nên khi Ngài lạy thì họ đánh chửi Ngài.

Có lần, khi thực hành đạo Bồ-tát, Ngài đang lạy thì bị đá gãy hai răng cửa. Song Ngài chẳng sân hận, vẫn tiếp tục thực hành khổ hạnh lễ lạy. Nhưng học được kinh nghiệm đó rồi, nên về sau hễ thấy ai đi tới thì Ngài chỉ ở xa xa mà lạy và nói: "Tôi không dám khinh rẻ các vị. Các vị đều là Phật sẽ thành." Nói và lạy xong là Ngài lập tức bỏ đi. Do đó ai muốn đánh Ngài cũng không sao đuổi kịp!

Bồ-tát Thường Bất Khinh dùng tinh thần "Vô Ngã Tướng" (không có quan niệm về cái tôi, về mình) để tu phước, tu huệ. Ai dạy Ngài tu như thế? Chẳng ai dạy Ngài phải lạy cả, chính Ngài cam tâm tình nguyện tu hành như thế. Dù bị đánh đập, bị chửi mắng, Ngài cũng chẳng sinh lòng giận dữ. Đó chính là tu pháp môn Nhẫn nhục Ba-la-mật.

Pháp môn quan trọng nhất của người tu hành là pháp nhẫn nại. Khi gặp hoàn cảnh chẳng được như ý thì phải ráng nhẫn nại, nhường nhịn, đừng tranh giành với ai cả. Nếu không thể nhẫn nại

được, cứ thường nóng giận bực dọc, thì tất cả công đức khổ nhọc để tu hành sẽ bị tiêu tan.

Quý vị hãy tự hỏi: "Nếu mình cúi đầu lạy người mà lại bị người đánh đập thì mình có đủ sức chịu đựng mà không sân hận chăng? Nếu quý vị chịu được thì quý vị là đệ tử của Phật; bằng không thì quý vị phải nhiếp phục thân tâm, tiếp tục dưỡng dưỡng tinh tấn tu hành. Ngược lại, quý vị chỉ lãng phí thời giờ mà thôi, chẳng thành tựu được gì cả. Người tu hành cần phải chịu lạnh chịu nóng, chịu gió chịu mưa, nhịn đói nhịn khát, nhận chửi nhận đánh. Hãy bắt chước tinh thần của Thường Bất Khinh Bồ-tát: "Bất luận ai đối xử xấu với ta, ta cũng không tức giận hay oán hận. Ta phải dùng lòng thành mà đối xử thì đối phương sẽ tự nhiên được cảm hóa, và kẻ thù sẽ trở thành quý vị tốt của ta."

Người tu hành phải tu làm sao để dẹp bỏ "cái tôi" (ngã tướng). Nếu không còn "cái tôi" thì chuyện gì cũng nhẫn nại, cam chịu được. Cảnh giới có tới, quý vị cũng chẳng động tâm. Hãy xem mình như hư không. Cảnh vừa lòng tới, cũng cứ tu hành. Cảnh nghịch ý tới, cũng cứ tu hành. Nói cách khác, gặp cảnh vừa lòng cũng đừng sinh tâm hoan hỷ vui mừng, gặp cảnh trái ý cũng chớ lo âu sầu muộn. Bất luận là thuận hay nghịch, đều phải nhận thức cho rõ ràng. Nếu quý vị có thể "như như bất động" (không khởi tình cảm, vọng tưởng hay chấp trước), thì sẽ không bị cảnh giới làm cho lay chuyển. Nếu lúc nào cũng "liều liểu thường minh" (sáng suốt chiếu soi nhân quả mọi sự), thì sẽ xoay chuyển được cảnh giới.

Ngày xưa, Đức Phật Thích Ca chuyên tu pháp môn Nhẫn-nhục, do đó Ngài được gọi là Nhẫn-nhục Tiên-nhân. Một bữa nọ, vô duyên vô cớ Ngài bị vua Ca-Lợi chặt đứt chân tay. Song, Ngài vẫn không sinh lòng oán hận, mà ngược lại, Ngài thương xót vua Ca-Lợi đã si mê. Do đó Ngài nói với vua rằng: "Khi tôi thành Phật, trước hết tôi sẽ độ cho Ngài tu Đạo." Vua Ca-Lợi nghe xong liền phát tâm đại sám hối, xin quy y với Nhẫn-nhục Tiên-nhân, và về sau chính là Tôn-giả Kiều Trần Như (một trong năm vị Tỳ-kheo đầu tiên). Sau khi Đức Phật thành Đạo, Ngài vì năm vị Tỳ-kheo mà thuyết pháp Tứ Đế, chuyển Pháp-luân ba lần, và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Đức Thích Ca là Tổ-sư của Phật-giáo. Hạnh nhẫn nhục của Ngài đã rớt ráo nên gặp bất kỳ chuyện gì Ngài cũng không tức giận bực dọc. Chúng ta là đệ tử Phật thì cần phải học tập công phu nhẫn nhục của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Nói tóm lại thì nhẫn

nại, chịu đựng là phép tu then chốt nhất, không thể coi thường được. Cổ nhân có câu:

Nhẫn phiền khắc, phong bình lãng tĩnh,
Thối nhất bộ, hải khoáng thiên không.

Nghĩa là:

Nhẫn một giây, gió im sóng lặng.
Lùi một bước, biển rộng trời trong.

Bởi vậy cho nên: "Nhẫn nhục là viên ngọc quý vô giá." Nếu ai đập nát Vạn Phật Thánh Thành thì tôi cũng chẳng chấp trách, chẳng bận tâm, cũng tuyệt đối chẳng oán giận. Nếu ai ai cũng như vậy, thiên hạ mới được thái bình.

Người tu hành thì không thể thiếu nhẫn nại! Có sức nhẫn nại thì mới tu nổi. Không có sức chịu đựng thì khỏi nói tới. Những điều tôi nói hôm nay rất là tầm thường, giản dị, lạt lẽo, không mùi vị gì, song chính là Phật-pháp vi diệu và hy hữu. Tuy tầm thường, nhưng Đạo luôn từ chỗ bình thường mà phát sinh. "Đạo" (con đường) là do người dùng chân bước tới. Pháp Vô-vi (không có hình tướng, không có tạo tác) này, trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được, cho nên quý vị chớ để lỡ cơ duyên. Nếu quý vị cho là "gió thổi qua tai," nghe rồi chẳng ghi nhớ, thì sau này hối hận sẽ không kịp nữa. Nếu những điều tôi giảng hôm nay, quý vị có thể vận dụng thì bất luận là chuyện gì, cảnh giới gì, quý vị đều chẳng sinh phiền não. Nếu quý vị lại biết vận dụng trí huệ để phán đoán cảnh giới này, thì bất luận là chuyện gì cũng sẽ tự nhiên hóa giải, chẳng chút rắc rối. Cuối cùng, cầu mong quý vị nỗ lực tham Thiền, tham "Niệm Phật là ai?" Chưa tìm ra được "Ai" thì hãy tiếp tục và nhẫn nại tu hành.

H.T Tuyên Hoá giảng vào khoá Thiền thất 12/1980

Tham thiền

là phương pháp khai ngộ

Phật-giáo sau khi được truyền sang Trung Quốc thì phân làm năm tông phái là Thiền, Giáo, Luật, Tịnh, Mật. Thiền là Thiền-định; Giáo là Giáo-lý; Luật là Giới-luật; Tịnh là Tịnh-độ; Mật là trì Chú. Lúc này là lúc đã Thiền-thất, nên chỉ giảng về Lý Thiền, còn bốn tông phái kia thì tạm thời không đề cập đến.

Thiền-na, dịch là "Tu Duy Tu," nghĩa là thường tư duy, suy gẫm về một việc. Việc gì? Tức là thoai đầu. Xem xét "Ai Niệm Phật?" gọi là tham Thiền. Kỳ thật, tham thoai đầu cũng chỉ là vọng tưởng; bất quá chúng ta dùng vọng tưởng để chế phục vọng tưởng, "dĩ độc công độc," tức là lấy một vọng tưởng để tiêu diệt nhiều vọng tưởng khác. Công phu tham thoai đầu đòi hỏi phải trải qua thời gian dài thì mới thành tựu, do đó nói: "Tham cứu lâu mới có Thiền."

"Tham" cũng giống như lấy cái khoan đục vào gỗ vậy. Chưa đục xuyên thủng thì chưa ngừng, chẳng thể nửa đường bỏ phé; bởi nếu thế thì công phu từ trước hoàn toàn vất bỏ. Tham Thiền, quan trọng nhất là nhẫn nại đượ. Khi nhẫn nại đến chỗ tốt đỉnh thì có thể chẳng nảy sinh một vọng niệm nào cả. Khi "một niệm chẳng sinh" thì có thể khai ngộ. Có câu:

"Đầu sào trăm thước, dấn thêm một bước."

Nghĩa là khi quý vị ở đầu ngọn sào dài trăm thước, quý vị vẫn tiếp tục bước thêm một bước nữa. Lúc ấy, "mười phương thế giới đều hiện toàn thể." Song, pháp môn này mỗi niệm lúc nào cũng tu trì thì mới có hiệu quả; không thể lười biếng, không thể buông lung. Trong *Chứng Đạo Ca* có nói rằng:

Đốn giác liễu Như Lai Thiền
Lục Độ Vạn Hạnh thể trung viên
Mộng lý minh minh hữu Lục Thú,
Giác hậu không không vô đại thiên.

Nghĩa là:

Thiền Như Lai thoát hiểu rồi.
Lục Độ, vạn hạnh, thể tròn đầy.
Mộng thì rõ ràng có sáu nẻo,
Ngộ xong trống rỗng, chẳng đại thiên.

"Đốn" tức là lập tức giác ngộ một đạo lý. Rằng:

Lý khả đốn ngộ, sự tu tiệm tu.

(Lý có thể hiểu ngay lập tức, song sự thì phải từ từ tu.)

Về "sự" thì chúng ta cần phải tu từng bước một, còn về "lý" thì cần phải hiểu rõ ngay tức khắc. Khi đốn-ngộ thì chúng ta biết giếng ở đâu để đi lấy nước; còn lúc chưa đốn-ngộ thì chúng ta chỉ nghe tiếng dây ròng rọc kéo nước mà không biết giếng ở đâu. Ví dụ này thuyết minh Phật-tánh từ đâu lại. Làm sao để chứng đắc Phật-tánh? Chứng Phật-tánh không có pháp gì khác, chỉ một cách là tham Thiền, ngộ Thiền.

Lục Độ là pháp môn Bồ-tát tu hành. Bồ thí thì "độ" tánh bản xén và tham lam. Trì giới thì "độ" việc hủy phạm. Nhẫn nhục thì "độ" tánh sân hận. Tinh tấn thì "độ" thói giải đãi, biếng nhác. Thiền định thì "độ" sự tán loạn. Trí huệ thì "độ" tâm ngu si. Khi Lục Độ tu đến viên mãn thì mới khai ngộ đặng.

Chúng ta lúc nào cũng ở trong mộng. Rằng:

Nhân sinh nhất trường mộng,
Nhân tử mộng nhất trường.
Mộng lý thân vinh quý,
Mộng tỉnh tại cùng hương,
Triều triều thị tác mộng,
Bất giác mộng hoàng lương,
Mộng trung nhược bất giác,
Uổng tác mộng nhất trường.

Nghĩa là:

Người sống: một tràng mộng,
Người chết: mộng một tràng.
Trong mộng thân vinh quý,
Tỉnh mộng vẫn nghèo xơ,
Ngày ngày cứ nằm mộng,
Chẳng biết mộng "kê vàng,"
Nằm mộng mà chẳng biết,
Uổng thay mộng một tràng.

Lúc mộng, chúng ta thấy rõ ràng có Lục-thú (sáu nẻo: trời, người, A-tu-la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục); đến lúc giác ngộ mới thấy tam thiên đại thiên thế giới đều chẳng có. Vì sao? Vì không còn chấp trước. Chẳng còn chấp trước thì đem vạn vật "phản bản hoàn nguyên"; như thế làm sao còn ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng đặng? Mọi thứ đều chẳng còn! Có người nghe rằng bốn tướng đều hết thì chẳng dám tu hành, vì ngộ nhận rằng: "Tu đến cực điểm thì người ta chẳng hiện hữu nữa, chúng sinh cũng hết sạch, thọ giả cũng không còn, vậy thì sao đây? Lúc ấy công việc làm cũng hết luôn, e rằng tôi sẽ thất nghiệp mất!"

Quý vị nhất định cần có việc làm sao? Vậy thì cứ tiếp tục điên đảo! Khi tu hành đến chỗ không còn bốn tướng, thì quý vị sẽ "quét sạch tất cả pháp, xa rời tất cả tướng," chứng đắc Thực-tướng của mọi sự. Rằng:

Nhất pháp bất lập, vạn pháp giai không.
(Một pháp chẳng lập, mọi sự đều không.)

Chẳng thể nói suông là mình hiểu đạo lý này, mà chúng ta bắt buộc phải chân chính chứng đắc cảnh giới "một pháp chẳng lập, mọi sự đều

không." Lúc ấy sẽ chẳng còn gì là khổ, chỉ hưởng thọ sự an lạc.

Người ta ở đời, nếu không chấp trước danh vọng thì cũng ôm chặt lợi lộc, không chấp trước tiền tài, thì lại mê đắm sắc đẹp, do đó không thể nhìn thủng (hiện tượng), chẳng thể buông bỏ (mọi chấp trước). Muốn nhìn thủng, muốn buông bỏ, song lại chẳng đặng. Vì sao chẳng kham? Bởi vì trong tâm có "con quỷ" tinh tế và "con sâu" linh lợi tác quái, do đó rất nhiều việc mình để lỡ cơ hội, đối diện với Đức Quán Âm mà chẳng nhận ra Ngài. Đức Quán Âm Bồ-tát ở ngay trước mặt, thế mà cứ đi tìm kiếm khắp nơi. Đó chính là bị điên đảo vọng tưởng chi phối vậy.

Chữ "tham" trong tham Thiên có nghĩa là quán chiếu, quan sát. Quán chiếu cái gì? Quán chiếu Bát-nhã. Nghĩa là trong mọi ý niệm, mọi thời điểm, quý vị phải quan sát chính mình ở đây (*tự tại*), đừng quan sát kẻ khác (*tha tại*). Hãy quán sát xem mình có ở tại đây hay chẳng-nếu mình ở đây thì có thể tham Thiên, dụng công tu hành; nếu mình chẳng ở đây, tức là mình khởi vọng tưởng lăng xăng, nghĩ ngợi vớ vẩn. Thân tuy ở trong Thiên-đường, nhưng tâm lại dong ruổi tận Nữ Ước hay Ý Đại Lợi. Tới đâu cũng phan duyên, thành ra không tự tại nữa.

Quán chiếu tự tại tức là Bồ-tát. Quán chiếu không tự tại tức là phàm phu. Quán chiếu tự tại là thiên đường. Quán chiếu không tự tại là địa ngục. Nếu chúng ta quán chiếu với sự tự tại, tâm không chạy ra ngoài, thì có thể "thực hành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu." Lúc tham Thiên, thân ngồi tại Thiên-đường, tâm miên mật tham cứu liên tục, không gián đoạn, thì mới đúng là thực hành Bát-nhã thâm sâu, tìm được trí huệ. Khi đắc đại trí huệ thì mới tới được bờ bên kia, bờ giải thoát.

Bí quyết tham Thiên là "*triều dã tư, tịch dã tư*" (ngày tham cứu, đêm cũng tham cứu). Tham cứu cái gì? Tham cứu "Niệm Phật là Ai?" Ngày nay tham cứu, ngày mai tham cứu. Ngày ngày tại Thiên-đường "thực hành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu," song không phải chỉ một thời gian ngắn là có thể nếm được mùi vị Thiên ngay đâu. Quý vị phải trải qua thời gian dài lâu mới được. Khi có công phu "thực hành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu" thì mới có thể "soi thấy năm Uẩn đều không."

Năm Uẩn còn gọi là năm Âm. "Uẩn" có nghĩa là tụ tập; "Âm" có nghĩa là che đậy, bao phủ. Vì sao chúng ta không được tự tại, không đắc giải thoát?

Bởi vì chúng ta bị năm Âm che phủ! Năm Uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, và thức.

1. Sắc-uẩn: Có chướng ngại thì gọi là sắc, có hình tướng cũng là sắc. Sắc-uẩn chẳng không thì thấy sắc sẽ bị sắc-trần mê hoặc, nghe âm thanh thì bị thanh-trần mê hoặc, ngửi mùi hương thì bị hương-trần mê hoặc, nếm mùi vị thì bị vị-trần mê hoặc, tiếp xúc với vật thì bị xúc-trần mê hoặc. Nếu khiến cho sắc-uẩn là không, thì bên trong không có tâm, bên ngoài không có hình tướng, xa gần không có vật thể. "Sắc" cũng có nghĩa là đủ thứ sắc đẹp, nhan sắc khiến mắt ta hỗn loạn, không nhận biết rõ ràng, mờ mịt giống như kẻ mù vậy. Trong Đạo Đức Kinh có nói:

Ngũ sắc linh nhân mục manh,
Ngũ âm linh nhân nhĩ lung,
Ngũ vị linh nhân khẩu sáng.

Nghĩa là:

Năm sắc khiến mắt người mù,
Năm âm khiến tai người điếc,
Năm vị khiến miệng người đờ.

Những thứ ấy đều do bị sắc-uẩn mê hoặc. Nếu phá được sắc-uẩn rồi, thì núi sông, đất đai, thành quách, nhà cửa đều rỗng *không* cả, chẳng còn gì rắc rối nữa. Do đó, sắc-uẩn chưa không, thì chúng ta còn chấp trước ở sắc. Khi chấp trước ở sắc thì không thể trừ khử được *kiến-hoặc* (sự mê muội của cái thấy).

Kiến-hoặc là do khi gặp cảnh thì khởi lòng tham ái. Cảnh giới tức là sắc. Khi đối trước cảnh giới nào cũng sinh lòng tham lam hay yêu thích, tức là có chấp trước. Kiến-hoặc có tám mươi tám phẩm; nếu chặt đứt hết được thì sẽ chứng Sơ-quả A-la-hán. Người tu Đạo chúng ta, trước tiên cần phải đoạn tám mươi tám phẩm kiến-hoặc vốn tồn tại trong Tam-Giới, rồi sau đó mới đoạn trừ tám mươi một phẩm *tư-hoặc* ở Tam-Giới.

Tư-hoặc là do mê muội chân lý nên khởi phân biệt, tức là đối với tất cả đạo lý mình không nhận thức được rõ ràng. Khi đoạn trừ hết tám mươi một phẩm tư-hoặc thì sẽ chứng Tứ-quả A-la-hán.

2. Thọ-uẩn: "Thọ" là lĩnh nạp lĩnh thọ, phát sinh cảm giác. Khi cảnh giới đến, chẳng cần suy nghĩ gì, liền tiếp thụ lĩnh nạp, phát ra cảm giác. Như ăn món gì, cảm giác thấy ngon, đó là "thọ." Mặc áo đẹp, cảm thấy vui, cũng là "thọ." Ở nhà tốt, cảm thấy thích, đó là "thọ." Ngồi xe tốt, có cảm

giác êm ái, đó cũng là "thọ." Khi thân tiếp thọ bất kỳ thứ gì, cảm giác ra sao, đều gọi là "thọ."

3. Tưởng-uẩn: tức là tư tưởng, ý niệm. Vì năm Căn tiếp xúc, lãnh thọ cảnh giới của năm Trần nên phát sinh ra đủ thứ vọng tưởng, đủ thứ ý niệm. Chúng thoát sinh ra thoát diệt mất, khởi lên tác dụng suy nghĩ đến sắc, đến thọ.

4. Hành-uẩn: Hành có ý nghĩa thiên lưu, dời đổi, lúc tới lúc đi, lúc đi lúc tới, chẳng khi nào ngừng nghỉ, trôi mãi không dừng. Động cơ làm ác làm thiện là ở trong tâm, song do vọng tưởng, suy tư chi phối và phản ảnh qua những hành vi, cử chỉ của thân khẩu ý (mọi hành vi ấy đều thuộc hành-uẩn).

5. Thức-uẩn. Thức có ý nghĩa phân biệt; cảnh giới tới thì sinh tâm phân biệt. Ví dụ: Thấy sắc đẹp thì sinh lòng vui thích, nghe lời ác thì sinh lòng ghét bỏ, v.v...

Nếu phá thủng được năm Uẩn thì sẽ vượt qua mọi khổ ách, cũng chẳng còn tai ách gì cả. Vì sao chúng ta có tai ách? Bởi vì chúng ta chưa dẹp bỏ được hai thứ chấp trước là chấp ngã và chấp pháp (mọi sự mọi việc).

Trong bài *Chứng Đạo Ca* của Đại sư Huyền Giác có nói:

Ngũ Uẩn phù vân không khứ lai;
Tam Độc thủy bào hư xuất một.

Nghĩa là:

Năm Uẩn như mây trời, chẳng đến đi,
Ba Độc như bọt nước, giả có, mất.

Năm Uẩn xưa nay vốn không có tự tánh, hết như đám mây trời, thoát nhiên có, thoát nhiên mất. Khi không rõ thấu đạo lý này, chúng ta sẽ mãi bị năm Uẩn che lấp, không thể tự tại, không đặng giải thoát. Người tu Đạo phải phá năm Uẩn. Như mây bay lại, mặc nó lại; nếu nó trôi đi, mặc nó đi. Không cần chú ý tới, không cần chấp trước nó. Ba thứ độc tham, sân, si thì giống như bọt nước, vốn không có thực thể. Chúng tự sinh ra rồi tự mất đi, nên đừng chấp trước vào chúng. Bài "Chứng Đạo Ca" lại nói:

Chúng Thực-tướng, vô nhân pháp,
Sát-na diệt khước A-tỳ nghiệp.

Nhược tương vọng ngữ cuồng chúng sinh,
Tự chiêu bạt thiết trần sa kiếp.

Nghĩa là:

Chúng Thực-tướng, không nhân, pháp,

Sát-na rũ sạch nghiệp A-tỳ.
Nếu đem lời dối, gạt chúng sinh,
Tự chịu cắt lưỡi hằng sa kiếp.

"Thực-tướng" tức là "vô tướng, vô sở bất tướng" (không có hình tướng gì, song không có gì chẳng phải là nó). Cũng có nghĩa là "tảo nhất thiết pháp, ly nhất thiết tướng" (quét sạch tất cả mọi pháp mọi sự; rời bỏ mọi hình tướng, mọi quan niệm). Có thể nói là "phản bản hoàn nguyên, chứng đắc tự tánh thanh tịnh." Tới được cảnh giới này thì cũng chẳng có người, chẳng có pháp. Nhân, pháp đều quên hết. Cũng không còn chấp người, hết luôn chấp pháp (mọi sự mọi việc). Đó là chứng đắc lý và thể của Thực-tướng. Lúc ấy chỉ trong sát-na, có thể tất cả tội nghiệp đọa địa ngục Vô-gián đã tạo ra trong vô lượng kiếp về trước lập tức tiêu diệt hoàn toàn. Đại sư Vĩnh Gia nói rằng: "Nếu tôi đem lời giả dối để gạt gẫm chúng sinh, tôi xin cam tâm tình nguyện xuống địa ngục rút lưỡi, chịu khổ trong vô số kiếp nhiều như cát bụi vậy."

Lúc ở Thiên-đường, quý vị hãy chân thật tu hành. Giống như kéo tầm, quý vị phải nhẫn nại, từ từ kéo từng sợi tơ thì mới không bị rối. Chớ nên tự cho mình là thông minh, muốn tìm đường tắt, muốn dùng phương pháp khoa học để khai ngộ; đó chỉ là suy nghĩ vớ vẩn. Nếu khoa học có thể làm cho khai ngộ, thì các nhà khoa học gia đã không tự chui vào thế kẹt, họ đã sớm khai ngộ từ lâu rồi và chẳng ai có thể dự phần để khai ngộ với họ đâu! Chớ nên nghĩ ngợi mông lung mà phải thành thật, đúng phép mà tham cứu "Niệm Phật là Ai?" Lung mồi cũng phải chịu, chân đau cũng phải nhẫn; nhẫn nại mãi sẽ tới lúc quý vị khai ngộ. Rằng:

Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt,
Châm đắc mai hoa phác ty hương?

Nghĩa là:

Không qua một lần lạnh buốt xương,
Sao được hoa mai tỏa ngát hương?

Quý vị hãy chú ý! Chớ quá thông minh rồi lại bị sự thông minh đánh lừa mình. Phải nhớ: Một phần nỗ lực tu hành là một phần công phu. Tu hành là chân thật công phu, không phải "khẩu đầu thiên" (thiên nói suông). Chỉ nói suông mà không thực hành, thì không ích lợi gì. "Thiên nói suông" chẳng những không giúp gì việc khai ngộ mà ngược lại còn chướng ngại là khác. Do đó nói: "Không nói, mới là Thiên."

Một niệm linh quang có thể triệt chiếu thiên địa, quý vị cùng mười phương ba đời chư Phật chẳng hề khác biệt. Vì sao chúng ta không thể chứng đắc Tam Thân, Tứ Trí, Ngũ Nhân, Lục Thông? Vì kẻ phàm phu chúng ta vọng tưởng quá nhiều, do đó trí huệ bị che khuất, chẳng có quang minh, thành ra vô minh. Cả ngày cứ khởi mê hoặc, tạo nghiệp, nên thọ nhận quả báo đau khổ trong vòng sinh tử.

Ba thân tức là:

1. Pháp-thân.
2. Báo-thân.
3. Ứng-thân (hoặc Hóa-thân).

Bốn trí tức là:

1. Thành-sở-tác Trí.
2. Diệu-quán-sát Trí.
3. Bình-đẳng-tánh Trí.
4. Đại-viên-kính Trí.

Năm nhãn tức là:

1. Nhục-nhãn.
2. Thiên-nhãn.
3. Pháp-nhãn.
4. Huệ-nhãn.
5. Phật-nhãn.

Sáu thông tức là:

1. Thiên-nhãn Thông.
2. Thiên-nhĩ Thông.
3. Tha tâm Thông.
4. Túc-mạng Thông.
5. Thần-túc Thông.
6. Lậu-tận Thông.

Khi quý vị không có vọng tưởng gì thì mới chứng đắc những cảnh giới này. Đây chẳng phải là thứ triết lý, lý luận huyền diệu bí ẩn gì cả, chỉ là một thứ hiện tượng tự nhiên, từ chân thật công phu mà chứng đắc. Chẳng có chút gì kỳ lạ, rất là bình thường.

Từ vô thủy kiếp đến nay chúng ta bị vô minh che phủ, chẳng gặp được bậc Thiên-tri-thức dắt dẫn, không biết thế nào là *minh tâm kiến tánh* (minh ngộ tự tâm, triệt kiến bản tánh), không biết thế nào là *phản bản hoàn nguyên* (trở về nguồn cội). Chúng ta tu Thiền chính là để minh tâm kiến tánh, để phản bản hoàn nguyên vậy. Nếu được giải thoát thì sẽ không còn quái ngại, ngăn trở, xa rời mọi *điên đảo mộng tưởng*, cuối cùng tới đặng Niết-bàn vậy.

H.T Tuyên Hoá giảng lúc khoá Thiền thất 12/1980

Ma tới để giúp

quý vị tu đạo

Trước đây tôi có nói: "Nếu ai tĩnh tọa được một chốc lát thì còn hơn là xây hằng sa tháp bảy báu." Có vị ngồi trong Thiền-đường, nghĩ vẩn vơ rằng: "Tĩnh tọa một giây phút mà công đức còn hơn xây tháp bảy báu"; rồi nghĩ lui nghĩ tới, nên dù là một tích tắc cũng chẳng tĩnh tọa đặng, do đó một tí công đức cũng chẳng có được! Vì sao? Thì cũng giống như nhận ngón tay làm mặt trăng, chỉ thấy ngón tay chỉ mặt trăng mà không nhìn thấy mặt trăng, rồi cho rằng có công đức vô lượng! Vô lượng ư? Quý vị chỉ ngồi đó với vô lượng vọng tưởng thôi!

Lại nói: "Tôi có thể phóng hào quang chiếu khắp vũ trụ! Tôi có thể phóng hào quang chiếu khắp vũ trụ!" Cảnh giới này chẳng cần quý vị nghĩ tới, chẳng cần quý vị nói ra, mà cần quý vị thực hành. Nếu quý vị có khả năng chân chính thanh tịnh nhập Định thì mới phóng đặng hào quang chiếu khắp vũ trụ. Không thể nhập Định, nghĩ ngợi vớ vẩn chẳng ích lợi gì. Nghĩ lui nghĩ tới thì cũng đều là vọng tưởng, cách xa thực tại đến tám vạn bốn ngàn dặm.

Lại có vị nghĩ rằng: "Làm sao để tôi nhập Định? Làm sao để tôi khai ngộ?" Nếu quý vị có vọng tưởng đó, thì làm cách gì quý vị cũng chẳng thể nhập Định, chẳng thể khai ngộ. Vì sao? Vì quý vị chỉ dụng công hời hợt ngoài da mà thôi, chứ chẳng phải dụng công nơi Trí Bát-nhã. Quý vị toàn là hướng ra ngoài tìm kiếm. Chẳng hướng nội mà tìm, thì mãi mãi chẳng tìm ra.

Quý vị hãy làm bác-sĩ điện liệu (electrotherapist) để giúp thế gian này. Hãy cứu giúp chúng sanh đang sống trong bầu không khí ô nhiễm này để họ có thể thành Phật trong một bầu không khí trong lành. Bây giờ quý vị phải ngồi tĩnh lặng, đừng có quá nhiều vọng tưởng, và tôi hy vọng quý vị biết rõ điều đó. Tôi đã giảng cho quý vị nghe về phương pháp điện liệu làm cho không khí trong sạch rồi. Quý vị hãy thử xem, coi hiệu quả ra sao? Hôm nay là ngày thứ hai của Thiền-thất, quý vị đã "lên đường" chưa? "Lên đường" có nghĩa là lên con đường Chánh-giác, con đường Bồ-đề. Quý vị đã đề khởi được câu "Niệm Phật là ai" chưa? Quý vị đã buông bỏ vọng tưởng chưa? Nếu chưa đề khởi được câu "Niệm Phật là ai?" thì hãy mau mau làm đi. Phải tập như "mèo rình chuột" vậy, kiên nhẫn chăm chú chờ chuột. Lại cũng giống như "gà mẹ ấp trứng," một lòng một dạ như

ngũ đến đám gà con sắp nở. Lại cũng giống như "ròng giữ hạt châu," cần thận chuyên nhất giữ chặt hạt bảo châu. Lúc nào cũng dụng công thì mới hy vọng thành tựu.

Chúng ta tu hạnh "ngày ăn một bữa, đêm chẳng nằm mà ngủ" là cách tu khổ hạnh mà tôi dám nói rằng hay nhất thế giới. Đặc biệt là lúc đả Thiên-thất, mỗi ngày ngồi mười hai giờ, đi nhiều sáu giờ. Sự thực hành khắc khổ này đòi hỏi Thiên-sinh phải ăn uống cho đầy đủ. Do đó tại Trung Quốc, khi nào có đả Thiên-thất, mỗi đêm mọi người đều được cho ăn hai cái bánh bao lớn nên ai cũng thích thú lắm. Song ở đây không có cái lệ này. Do đó bữa trưa, quý vị nên ăn thêm một chút, ăn cho no để đủ sức đi nhiều hoặc chạy.

Giới luật nhà Phật quy định "nhật trung nhất thực," tức là mỗi ngày chỉ ăn một bữa vào giờ Ngọ (mười hai giờ trưa) mà thôi. Về sau, lệ này đổi thành "quá Ngọ bất thực," tức là sau mười hai giờ trưa thì không được dùng bữa, nhưng buổi sáng có thể ăn cháo điểm tâm. Vì không phải ăn sau giờ Ngọ nên việc này không phải là phạm giới.

Trong khóa Thiên, nếu ăn không đủ no thì sẽ không có đủ sức ngồi Thiên, đi nhiều hay chạy, do đó có thể sinh ra thói chuyển. Vì sao? Nếu quý vị tham Thiên đến tối, bao tử quý vị sẽ còn cào và trách quý vị là đã quá ích kỷ, chỉ biết tu hành, chỉ chú tâm muốn khai ngộ, chẳng quan tâm đến nó, khiến nó phải đau khổ. Nó hỏi quý vị tu Đạo gì mà một chút từ bi cũng không có. Thế là nó chẳng hợp tác với quý vị nữa, khiến quý vị dễ thối tâm, không còn muốn tu hành, uổng phí công phu khi trước. Bởi vậy trong khóa Thiên, quý vị cần phải ăn cho đủ no mới có năng lực để mưu cầu trí huệ giải thoát.

Hôm nay tôi kể cho quý vị nghe câu chuyện "Ăn bánh bao lúc đả thất." Đây là chuyện có thật, không phải bịa đặt. Ở chùa Thiên Đồng tại tỉnh Ninh-Ba bên Trung Quốc, có vị phương trượng tên Mật Vân. Ngài là một vị Minh nhãn Thiện-tri-thức. Thầy Duy-na cũng là một vị Minh nhãn Thiện-tri-thức. Song lòng từ bi của Thầy Duy-na thì quá rộng lớn còn lòng từ bi của Phương-trượng thì lại hạn hẹp. Ngài Mật Vân thì có tác phong "Ma-ha-tát chẳng để ý đến ai cả," còn ngài Duy-na thì chủ trương "Bồ-đề Tát-đòa thích lo chuyện người." Vì hai vị có tư tưởng khác biệt nên lối cư xử cũng xung khắc.

Trong lúc đả Thất, ai cũng dũng mãnh tinh tấn ngồi Thiên, cầu trí huệ giải thoát. Một đêm nọ vị

Duy-na từ bi này thấy đại chúng vì quá đói bụng nên chẳng còn tinh thần nào ngồi Thiên được. Có vị bị hôn trầm, có vị thì tâm tán loạn, hoặc nếu không ngủ gật thì cũng "ngồi sụm." Bình thường, khi ngồi Thiên người ta cao khoảng ba thước tây, nhưng vì bụng đói quá, không ngồi thẳng lưng được, phải khòm xuống nên chỉ còn cao hơn một thước, do đó gọi là "ngồi sụm." Khi hiện tượng này xảy ra thì chẳng ai còn tiếp tục ngồi Thiên được nữa. Thầy Duy-na thấy vậy mới nảy lòng thương và muốn giữ sức khỏe cho đại chúng, Thầy bèn nhập Định, dùng thần thông vào nhà bếp lấy cắp một ít cơm cháy đem phân phát cho mỗi người một ít. Khi ngồi Thiên xong, mọi người mở mắt ra thì thấy trên đùi họ có một miếng cơm cháy, liền rón rén ăn hết. Bởi vì "người là sắt, cơm là thép," nên ai ăn vào cũng khôi phục lại tinh thần. Lúc đi nhiều, cũng không cảm thấy mệt mỏi. Chẳng còn như trước, vì bụng đói không thể đi nhiều được nên phải ngồi qua một bên để nghỉ mệt.

Sau khi Thầy Duy-na có lòng từ bi này lấy cắp cơm cháy liên tiếp hai ngày để cho đại chúng ăn điểm tâm, thì đến ngày thứ ba bị vị Phương-trượng phát giác ra chuyện ăn cắp nên bị đuổi ra khỏi chùa.

Sự việc này xảy ra như sau: Buổi sáng ngày thứ ba, Thầy quản lý nhà bếp phát hiện ra rằng cơm cháy ngày hôm qua đã biến mất và Thầy nghi rằng đã bị chuột ăn hết. Vì là nhiệm vụ của Thầy, nên Thầy mới báo cáo chuyện này lên ngài Phương-trượng để xin ý kiến. Ngài Phương-trượng dạy rằng: "Được rồi, phải bắt con chuột đó!" Đến tối, ngài Phương-trượng nhập Định quán sát mới phát giác là Thầy Duy-na đã trộm cơm cháy của nhà bếp trong lúc nhập Định. Nhân đó Ngài mới đem nhục thân của Thầy Duy-na giấu dưới ghé ngồi. Lúc Thầy Duy-na xuất Định thì không thấy "nhà" (nhục thân) của Thầy đâu nữa. Thầy tìm kỹ khắp nơi thì cuối cùng mới thấy nhục thân mình nằm ở dưới ghé nên kéo nó ra. Bấy giờ, Ngài Phương-trượng mới bảo: "Thầy làm gì vậy? Thầy quả là một con chuột lớn. Thầy dám ăn cắp cơm cháy ở nhà bếp há? Thầy có biết là Thầy đã phạm giới không? Ai phạm giới phải bị đuổi ra khỏi chùa! Ngày mai Thầy phải đi. Chúng tôi không thể lưu giữ Thầy ở đây nữa!"

- Thầy Duy-na thưa: "Bạch Ngài, Ngài đuổi tôi thì được rồi, song tôi muốn xin Ngài một việc, mong Ngài thuận cho."

- Vị Phương-trượng hỏi: "Thầy sắp ra đi, còn muốn yêu cầu gì nữa?"

- Thầy Duy-na thưa: "Các Thiên-sinh nhất định phải được ăn đủ no thì mới có thể dụng công tu hành. Nếu ăn không no, chắc chắn chẳng thể tu hành được. Do đó tôi mới vào nhà bếp lấy trộm cơm cháy để cho đại chúng dùng, chẳng phải để tôi ăn. Tôi hy vọng Ngài Phương-trượng từ bi, mỗi tôi cho mỗi người ăn hai cái bánh bao. Được vậy thì tôi xin cúi đầu đánh lễ Ngài. Tôi ra đi rồi, chẳng còn gì thắc mắc nữa!"

- Vị Phương-trượng suy nghĩ và thấy có lý: "Được rồi! Tôi sẽ thỏa mãn lời yêu cầu của Thầy." Từ đó về sau, khi nào đã Thiên-thất, mỗi người được ăn hai cái bánh bao vào buổi tối.

- Thầy Duy-na lại hỏi Phương-trượng: "Thưa Ngài, tôi nên đi về đâu?"

- Phương-trượng đáp: "Thầy hãy đến tỉnh Tứ-xuyên xây dựng đạo tràng. Các vị hộ pháp ở đó có thiện duyên với Thầy."

Bấy giờ Thầy Duy-na mới dùng phép Thần-túc-thông để đến tỉnh Tứ-xuyên. Thầy thấy hai cây quế cao to, cành lá sum sê, nên ngồi Thiền giữa hai cây quế ấy. Nhiều vị hộ pháp và cư sĩ thấy Thầy ngồi Thiền dưới gốc cây, nhận ra Thầy là bậc chân tu, một vị cao tăng đức hạnh, do đó họ xây một ngôi chùa dưới hai cây quế ấy lấy tên là "Song Quế Đường." Tại đây, Thầy truyền Pháp và thu nhận đệ tử. Về sau, rất nhiều người tham Thiền được khai ngộ và Thầy trở thành vị Tổ đầu tiên.

Tham Thiền cũng như uống nước, nóng hay lạnh chỉ tự mình biết lấy. Dụng công tới chỗ vững vàng thì mình tự biết; dụng công mà chưa thành thực thì cũng chỉ có mình tự hay. Ai dụng công đã vững, đã thành thực thì cần phải liên tục nỗ lực. Kẻ chưa dụng công tới đâu cả thì chớ biếng nhác. Trong lúc tham gia Thiên-thất, quý vị phải buông xả hết mọi thứ. Có câu:

"Đề khởi được, buông xả được."

"Đề khởi được" cái gì? Đề khởi được câu "Niệm Phật là ai?"

"Buông xả được" thứ gì? Buông xả được mọi vọng tưởng. Phải buông xả được vọng tưởng và sự nghĩ ngợi lăng xăng thì trí huệ mới nảy sinh. Không buông xả được vọng tưởng thì dụng công sẽ không có kết quả.

Trong bảy ngày này, quý vị phải dừng mãnh tinh tấn, đừng sinh một máy may tâm trạng biếng nhác hay một chút hoài nghi. Hãy cùng nhau dụng công. Khi dụng công tới chỗ "không thấy có mình, không thấy có người" thì sẽ khai ngộ. Nếu dụng công tới chỗ "phi sắc, phi không" thì sẽ hợp nhất với Đức Như Lai. Nếu quý vị chưa hiểu

được cảnh giới "phi sắc, phi không" thì thật đáng hổ thẹn.

Vì sao dụng công mà không được tương ưng? Vì thói quen, tập khí từ vô lượng kiếp đến nay quá sức sâu dày; do đó, tâm muốn hướng tới con đường Bồ-đề mà thân thì chẳng chịu tiến tới, cứ muốn thoái lui. Quý vị phải biết rằng hề tập khí, thói quen quá nặng nề, nghiệp chướng dày sâu, thì càng cần phải buông xả vọng tưởng. Buông xả vọng tưởng không khó, quý vị chỉ cần quên mình đi là vọng tưởng hết ngay. Chỉ vì còn có cái "tôi" nên quý vị mới không thể quên bằng được mình.

Khi tu hành ở Thiên-đường, quý vị phải tu làm sao cho "trên không biết có trời, giữa không biết có người, dưới không biết có đất." Trời, đất, người không còn, đông tay nam bắc cũng tiêu tan, thì lúc ấy một niệm cũng không khởi và toàn thể chân-tâm sẽ hiện bày. Quý vị sẽ đắc được "toàn thể đại dụng."

Nếu suốt ngày khởi vọng tưởng thì công phu sẽ không tương ưng. Do đó, phải dụng công tới chỗ không sinh khởi một niệm nào cả. Khi đi, không biết là mình đang đi; khi đứng, không biết là mình đang đứng; khi nằm, không biết là mình đang nằm; khi ngồi, không biết là mình đang ngồi. Đi, đứng, nằm, ngồi đều chẳng hay biết:

Cả ngày ăn cơm, nhưng chưa nuốt một hạt gạo.

Cả ngày mặc áo, nhưng chưa mặc một sợi tơ.

Lúc ấy, quý vị với hư không hợp làm một. Nếu hợp làm một với hư không thì mới hốt nhiên dung thông; đột nhiên quý vị sẽ hiểu rõ mọi sự. Đó là cảnh giới đốn ngộ.

Đốn ngộ là do bình thường dụng công, dụng đến chỗ tương ưng thì mới hốt nhiên khai ngộ. Nếu bình thường không dụng công thì không thể đốn ngộ được. Cũng như trẻ con sau khi sinh ra, nhờ ngày ngày được nghe tiếng nói nên tới một lúc nào đó chúng tự nhiên biết nói. Khi chúng thốt ra lời đầu tiên thì cũng tương tự như lúc chúng ta khai ngộ. Khi chúng bắt đầu biết đi, thì bước đầu tiên cũng có thể ví như lúc chúng ta khai ngộ vậy. Làm sao chúng đi được bước đầu tiên? Do bởi ngày nào chúng cũng nhìn thấy người lớn đi đi lại lại, cảnh tượng ấy huân tập vào đầu óc chúng, khiến chúng tự nhiên tập tễnh bước đi. Chúng ta dụng công cũng phải như vậy-hôm nay dụng công, ngày mai cũng dụng công. Tiếp tục như vậy, khi công phu chín muồi, không còn khởi ý tưởng gì, hết bật vọng niệm, thì quý vị sẽ khai ngộ.

Sự khai ngộ do ngày ngày dụng công tu hành hoặc do từng giờ từng phút dụng công tu hành rồi

đến khi công phu đã chín muồi thì chợt khai ngộ, là sự khai ngộ do dụng công tu hành trong đời này.

Có người hỏi: "Tôi thấy vị kia chẳng chịu dụng công tu hành gì cả, song tới Thiên-đường chưa được bao lâu thì bỗng nhiên khai ngộ. Đó là vì sao?" Trường hợp này khá đặc biệt đấy. Đó là vì kiếp này tuy y không dụng công tu hành, song kiếp trước y đã tu rồi. Không phải chỉ tu bình thường, mà từng giờ từng phút y đều tu, và chỉ thiếu một chút nữa là khai ngộ. Do đó, trong kiếp này gặp được hoàn cảnh y liền khai ngộ.

Đôn-ngộ tuy là tức khắc khai ngộ, song cần phải vun bồi thiện căn từ kiếp trước. Giống như làm ruộng vậy-mùa xuân gieo giống, mùa hạ cày cấy, thì mùa thu mới thu hoạch. Nếu mùa xuân không gieo hạt thì mùa thu làm sao có thu hoạch? Có câu:

"Một phần canh tác thì một phần thu hoạch."

Người tu Đạo chúng ta cũng phải như thế-bất luận là khai ngộ hay chẳng khai ngộ đều phải dũng mãnh tinh tấn, nỗ lực tiến tới. Hy vọng trong một phút giây tới hậu chúng ta sẽ đạt kết quả, nhận ra "bản lai diện mục" của mình.

Vì sao chúng ta không nhận ra được "bản lai diện mục" của mình? Bởi vì tướng Ngã (cái "tôi") chưa trừ, lòng ích kỷ chưa dứt. Nếu không còn tướng Ngã và lòng ích kỷ thì có thể nhận ra "bản lai diện mục" ngay.

Nếu quý vị không muốn nhận ra "bản lai diện mục" thì không thành vấn đề-tu cũng được, không tu cũng xong, bởi vì quý vị chẳng có hy vọng gì cả. Song, người tu Đạo nhất định cần phải có hy vọng. Đó là hy vọng hiểu rõ mình từ đâu tới, rồi đi về đâu, muốn biết được mình từ đâu sinh ra và chết rồi thì đi về đâu. Nếu muốn biết "bản lai diện mục" của mình ra sao, thì quý vị phải không sợ khổ, sợ khó, sợ gian nan-như thế thì mới có thể phản bản hoàn nguyên, đắc được "thân kim-cang bất hoại."

Chúng ta làm gì trong Thiên-đường? Chính là rèn luyện "thân kim-cang bất hoại." Một khi đã là "thân kim-cang bất hoại," thân ta ắt hẳn chẳng còn biết khổ sở, chẳng còn biết đau đớn. Do đó nếu chúng ta cứ sợ khổ sợ đau thì không làm sao thành tựu được "thân kim-cang bất hoại." Thân bất hoại này là do rèn luyện mà thành. Và công việc chúng ta đang làm đây chính là rèn luyện "thân kim-cang bất hoại"-rèn luyện thân này cho được kiên cố, vĩnh viễn không hư hoại.

Nghe vậy, có vị nghĩ rằng: "Tôi tu hành không phải vì cái 'túi da thối' này. Rèn luyện nó thành

bất hoại để làm gì chứ?" Không sai! Lý luận của quý vị đúng lắm; song, "thân kim-cang bất hoại" mà tôi nói đây không phải là "túi da thối" này. Vậy thì là gì? Là "thân kim-cang bất hoại" của tự-tánh, cũng là Pháp-thân và huệ-mạng, mà cũng chính là "thân kim-cang bất hoại" của tự-tánh nguyên thủy thanh tịnh.

Quý vị nên nhớ: Tu Đạo không phải là chuyện dễ. Hễ quý vị muốn tu Đạo thì có ma tới phá. Ma này không phải chỉ từ một nơi, mà từ bốn phương tám hướng kéo tới. Có thứ là ma bệnh, có thứ là ma phiền não; lại có thiên ma, nhân ma, quỷ ma và cả yêu ma nữa. Chúng ma kéo tới từ chỗ quý vị chẳng ngờ chẳng biết, làm cho Đạo-tâm của quý vị lung lay, khiến quý vị thối lui trên đường tu tập. Chúng dùng đủ cách để dụ dỗ, uy hiếp, đe dọa, khiến quý vị phải thối chuyển, mất Định-lực, rồi bỏ tu luôn.

Quý vị ngồi Thiền tới một trình độ kha khá thì sẽ có ma tới thử thách xem Đạo-lực của quý vị ra sao. Có khi chúng hóa hiện làm kẻ nam hay người nữ với dáng mạo đẹp đẽ để dụ dỗ-nếu không động tâm thì quý vị vượt qua được thử thách, nếu động tâm thì quý vị sẽ đọa lạc. Đây là điều vô cùng quan trọng, quý vị hãy nhớ cho kỹ! Hễ sẩy chân lỡ bước là ôm hận ngàn đời!

Khi cảnh giới hiện ra để thử thách kẻ tu hành, thì chúng ta cần phải xét xem cảnh giới ấy là giả hay thật. Dùng phương cách gì? Rất đơn giản: niệm "A Di Đà Phật," chuyên nhất không loạn, chẳng khởi vọng tưởng. Nếu cảnh giới ấy là giả thì nó sẽ từ từ biến mất. Nếu là cảnh giới thật thì càng niệm, cảnh ấy càng hiện ra rõ ràng. Ai ngồi Thiền không hiểu phương pháp này sẽ bị "tẩu hỏa nhập ma" và Đạo-nghiệp sẽ tiêu tan. Lại có kẻ tự cho rằng mình đã nhập ma-cảnh, do đó sẽ bỏ lỡ cơ hội khai ngộ.

Lúc còn trẻ tôi có nghe nói rằng: "Tu Đạo thì có ma." Tôi không tin, lại còn kiêu ngạo nói: "Ma gì tôi cũng không sợ! Tôi chẳng sợ bất kỳ thứ yêu ma quỷ quái nào!" Tôi cho rằng nói như thế cũng không sao, chẳng có gì đáng e ngại. Nào ngờ chẳng bao lâu quả có ma lại phá tôi. Ma gì? Ma bệnh! Lần ấy tôi bệnh nặng, hôn mê suốt bảy, tám ngày, chẳng hay biết gì cả. Bảy giờ mới biết là công phu tu hành chưa đủ nên không vượt qua được thử thách. Yêu ma quỷ quái, thiên ma ngoại đạo, tôi đều không sợ; chỉ sợ ma bệnh-không hàng phục được nó, mà cũng không chịu đựng nổi nó. Do đó, người tu Đạo chớ có khoe khoang, tự đắc, nói rằng mình chẳng sợ gì cả. Nếu quý vị tự mãn tự đắc thì rắc rối sẽ kéo tới ngay!

Người tu Đạo cần phải thế nào? Cần phải khiêm nhường, cần thận giống như đang đi trên bờ vực sâu, hay bước trên mặt băng mỏng vậy. Lúc nào cũng phải hết sức thận trọng, đề cao cảnh giác, thì mới tu Đạo được. Nói tóm lại, hãy "nói ít, ngồi thiền nhiều"; đó là căn bản của việc tu hành.

Người tu hành thành tựu được Đạo-nghiệp là nhờ ai trợ giúp? Chính là ma đấy! Cũng như muốn cho lưỡi dao được bén thì phải mài, người tu hành phát huy được ánh sáng trí huệ cũng là nhờ ma lại giúp. Do đó, quý vị hãy xem ma như là hộ pháp vậy. Cho nên có câu:

Kiến sự tỉnh sự xuất thế gian
Kiến sự mê sự đọa trầm luân.
(Thấy việc, hiểu rõ: xuất thế gian,
Thấy việc, si mê: chịu đọa lạc.)

Nếu quý vị có khả năng giác ngộ, gặp cảnh liên hiểu thấu suốt, thì quý vị sẽ siêu xuất thế giới. Nếu quý vị không thể giác ngộ, gặp chuyện gì thì mê mờ chuyện ấy, ắt sẽ đọa địa ngục. Cho nên, người tu Đạo không sợ gặp ma, chỉ sợ chẳng có Định-lực. Ma tới là giúp quý vị, thử thách quý vị, xem quý vị có công phu, có Định-lực hay không. Nếu quý vị có công phu, có Định-lực, thì bất luận là thử ma gì đi nữa, chúng cũng không làm quý vị dao động tinh thần được.

Người tu hành lúc nào cũng phải treo mấy chữ "vấn đề sống chết" ngang mày, lúc nào cũng nghĩ cách để liễu sinh thoát tử. Quý vị nên biết rằng không có việc gì trọng yếu hơn "sinh tử sự đại"; cả. Nếu chuyện sinh tử chưa giải quyết, quý vị sẽ không biết vì sao mình sinh ra và chết rồi thì đi về đâu. Do đó, chưa chân chính thông suốt "vấn đề sống chết" thì cần phải nỗ lực dụng công; bằng không thì sẽ vĩnh viễn bị vòng sinh tử luân hồi ràng buộc, không sao giải thoát được.

Trên đường Đạo, quý vị hãy nghĩ tới "vấn đề sống chết" này, xem chúng ma như là kẻ hộ pháp giúp mình tu hành. Ai chửi quý vị, đánh quý vị, chính là giúp đỡ quý vị tu hành. Ai nói thị phi về quý vị, gây khó khăn cho quý vị, cũng chính là để giúp quý vị tu hành. Nói tóm lại, khi nghịch cảnh kéo tới, quý vị cứ thuận theo nó mà nhẫn chịu. Hãy coi chúng như là những bạn bè tới để trợ giúp cho quý vị thì phiền não sẽ hết. Hết phiền não thì trí huệ phát sinh. Có trí huệ chân chính thì tất cả ma quái không còn cách gì làm cho tâm quý vị dao động nữa.

Vì sao chúng ta bị cảnh giới của yêu ma làm cho dao động? Bởi vì trí huệ của chúng ta chưa viên mãn. Vì trí huệ không viên mãn nên gặp việc gì cũng sinh mê muội, không nhận thức được rõ

ràng-ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng đều nảy sinh, và phiền não cũng theo đó mà trôi dạt. Nếu quả có trí huệ, thì không có những vấn đề ấy đâu!

H.T Tuyên Hoá giảng

Năm mới tuổi nào tốt, tuổi nào xấu?

Xin đáp: Tuổi nào cũng đều tốt hết, chẳng có tuổi nào xấu. Chỉ do phước nghiệp của mỗi người khác nhau, nên thế gian có sự phân biệt tuổi tốt, tuổi xấu (Sao, hạn). Đến đây người đã am hiểu Phật pháp, thì không còn thắc mắc nữa. Nếu còn thắc mắc, xin vui lòng đọc tiếp (hoặc có câu hỏi thì càng tốt).

Tại sao mỗi khi năm mới đến thì nhiều người cứ hỏi về tuổi tốt, tuổi xấu? Và tại sao năm đó, thì tuổi đó tốt, tuổi kia lại xấu, không giống nhau, có năm tốt, năm xấu? Như đã nói ở trên, là tại vì phước nghiệp của mỗi người mỗi khác, nên đưa đến có tốt, có xấu. Không ai hoàn toàn tốt hết, và cũng không có ai hoàn toàn xấu hết. Vì khi làm (tạo nghiệp) cũng có tạo nghiệp tốt, cũng có tạo nghiệp xấu, nên quả báo đến cũng có tốt, có xấu. Và quả báo đến thời gian khác nhau, có khi năm nay, có khi sang năm, hoặc những năm tới, hoặc có khi những kiếp sau, không nhất định được. Vì tùy theo nghiệp báo đến sớm hay muộn, có khi trong đời này, có khi những đời sau. Nhưng nhân quả không bao giờ mất, cho nên có câu:

"Sở tạo nghiệp bất vong
Nhân duyên hội ngộ thời
Quả báo hoàn tự thọ".

Nghĩa là:

Nghiệp tạo ra không bao giờ mất
Khi nào nhân duyên đầy đủ
Tự mình nhận lấy quả báo.

Người tu học Phật pháp, phải hiểu rõ nhân duyên quả báo cho rõ ràng, những gì mình tạo ra từ 3 nghiệp: Thân (giết, trộm, dâm). Miệng (nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, chửi mắng). Ý (tham, sân, si), đều gieo xuống "cái nghiệp" (gọi là nhân). Nếu ngược lại mười điều ác trên đây, gọi là 10 nghiệp thiện. Do vì mình tạo ra cái nghiệp không tốt trong nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ, rồi mình quên mất. Nên đời này "cái quả" nó đến tìm mình, nhưng mình không muốn nhận nó,

nên mình tìm cách "chạy trốn". Chạy trốn bằng cách nào? Tức là đi xem Thầy Bói, Tử Vi, Xem Tướng cát hung, Lắc Xăm, Bói Quẻ.... Nói chung rất nhiều cách, để mình tìm cách "Chạy trốn". Nhưng nhân gian có câu: "Chạy trời không khỏi nắng". Hoặc là "tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa". Nếu mà chạy trốn được, thì trên thế giới này làm gì có sự trả thù, chết chóc, tai hoạ .v.v...xảy ra hằng ngày. Cho nên trong Kinh Pháp Cú có câu rằng:

"Dù trên trời, dưới biển
Dù hang sâu núi thẳm
Không chỗ nào trên đời
Trốn được quả nghiệp ác".

Nghiệp báo không cách chi trốn được, dù có thần thông như Đức Phật, Ngài Mục Kiền Liên.... cũng không thể nào tránh được nghiệp báo của chính mình. Bởi vậy người hiểu Phật pháp, chúng ta không nên trốn tránh cái nghiệp của mình, mà mình cần phải đối diện với thật tế, vui vẻ chấp nhận trả nghiệp cũ.

Tại sao bao nhiêu người cùng sinh năm Tý, cùng sinh năm Sửu, cùng sinh năm Dần .v.v... cho đến cùng sinh năm Hợi, nhưng số phận của mỗi người khác nhau? Đâu phải người cùng năm Tý, cũng đều nghèo khổ hết đâu? Hoặc cũng đều giàu hết đâu? và những tuổi khác cũng thế. Mà có người thế này, người thế kia, đó là do phước nghiệp của mỗi người mỗi khác. Quá khứ tạo ra cái nghiệp khác nhau, nên bây giờ quả báo khác nhau. Khi nghiệp xấu nó đến, thì khiến cho mình xui xẻo, gặp nhiều chuyện không tốt. Bởi vì những kiếp trước, chúng ta đã từng làm những chuyện không tốt, nên bây giờ mới gặp những chuyện không tốt. Và ngược lại, chúng ta gặp những chuyện may mắn, những chuyện tốt lành, đó là vì trong quá khứ chúng ta đã từng làm những nghiệp tốt, nghiệp thiện, nên bây giờ gặt hái những quả báo tốt. Quả báo rất phân minh rõ ràng, không thiên vị một ai. Cũng giống như gieo hạt giống vậy:

"Gieo hạt dưa thì được quả dưa.
Gieo hạt cam thì được quả cam".

Cho nên, khi mình làm gì? Phải hết sức cẩn thận, từ lời nói, hành động, suy nghĩ của mình. Một khi đã nói ra, suy nghĩ, đã tạo ra, thì sau này sẽ có quả của nó. Cho nên có câu: "Bồ Tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả", là vậy. Vì Bồ Tát sợ mình gieo xuống cái nhân không tốt, nên Bồ Tát sợ nhân. Còn chúng sinh chúng ta thì ngược lại, lúc gieo nhân thì không sợ, muốn nói gì thì nói bừa, chửi mắng người này, nói xấu người kia, nói cho

"đã cái miệng", muốn làm gì thì làm, như giết người, trộm cắp, tà dâm, nói dối....không việc gì mà không làm. Tha hồ mà làm những điều không tốt, rồi khi chết đi, đầu thai trở lại thì bị quả báo. Lúc này thì họ mới tìm cách "chạy trốn" nợ cũ, bằng cách xem bói, xem tướng, lắc xăm, bói quẻ....mục đích muốn cho năm mới mọi sự đều như ý. Nhưng chuyện đời đâu có ai được mọi sự đều như ý của mình mãi mãi. Cũng có lúc này, lúc nợ, lúc tốt, lúc xấu.

Cái tuổi của mỗi người, chẳng qua là mình sinh ra năm đó, lấy tên tuổi con vật đó, cho dễ tính toán, để biết tuổi mà thôi. Chứ thật ra tuổi con nào cũng vậy thôi, quan trọng là phước nghiệp của mình. Nếu phước của mình nhiều, thì mình sẽ đầu thai vào nhà vua chúa, trưởng giả quyền quý cao sang, để hưởng phước. Còn nếu phước của mình ít, thì sinh vào nhà bình dân, đủ ăn đủ mặc; còn nếu phước của mình quá ít nữa, thì sẽ sinh vào nhà khổ sở, thiếu ăn thiếu mặc, bệnh tật triền miên...Cho nên phước nghiệp quyết định tất cả, không ai lựa chọn được.

Vậy năm mới mình phải làm gì, để "tránh" những điều xui xẻo, không may? Lúc trước mình không hiểu Phật pháp, thì hay đi Xem Bói, Xem Tướng, Lắc Xăm, Bói Quẻ .v.v... Bây giờ mình hiểu chút Phật pháp căn bản rồi, không cần nữa, mà phải cố gắng làm các điều thiện, làm điều tốt; không làm điều xấu, không làm điều bất thiện (từ lời nói, tư tưởng và hành động). Nhưng nếu có những nợ cũ đến đời, vui lòng trả cho xong, nợ mới không tạo nữa, thì sẽ không có chuyện xấu đến với mình. Cũng giống như vay nợ, mượn tiền thì phải trả, không trả thì nợ vẫn còn, đời này không trả, đời sau sẽ trả. Nghiệp cũng như thế, trả nghiệp cũ thì từ từ sẽ hết; không vay nghiệp mới thì tương lai sẽ tốt đẹp.

Hơn nữa có câu nói rằng: "Đức năn thắng số", mình có thể thay đổi được vận mạng của mình, nếu làm nhiều điều phước đức. Do đó, nếu mình hiểu rõ ràng luật nhân quả, thì đối với tuổi tác, năm này năm nọ, không còn quan trọng nữa. Mà quan trọng là mình đang làm những nghiệp gì? Thiện hay ác? Hy vọng mọi người cố gắng từ nay về sau làm toàn những việc thiện, có lợi cho người và mình, không làm việc ác nữa, thì trong tương lai, ngày nào, tháng nào, năm nào, mọi việc tốt đẹp như ý cũng đều đến với mình, nếu được như thế thì năm mới thật sự có ý nghĩa.

Hằng Lý

tam bộ nhất bái

Hằng Cự và Hằng Do

Tiếp theo kỳ trước

Ngày 2 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Hôm nay khi chúng tôi vừa đi qua khu phố nhỏ ở Mendocino, thì chủ bút tờ báo Mendocino Beacon tới nơi phỏng vấn. Đến trưa, Quả Đôn Schweig chuyển tặng chúng tôi cái lò SVEA của Craig và Sunny Bạch ở San Francisco. Chúng tôi cùng ăn trưa trên đỉnh dốc đá cao khoảng 100 feet (hơn 30 thước), dưới ánh nắng chan hòa tĩnh lặng.

Tâm hồn tôi như bồi hồi rung động mỗi khi nhìn những làn sóng mạnh mẽ đập dội lên những cồn đá đầy phún thạch lâu năm này. Tôi thường cảm thấy kính sợ trước cái quyền năng vô hạn, độc nhất của thiên nhiên. Không những chỉ ở đại dương, mà bất cứ ở nơi nào có sự biểu dương quyền lực vô hạn, đều làm tôi kính sợ cả. Tôi lớn lên được xã

hội dạy là xem thiên nhiên như những vật ở ngoài mình. Ở xã hội đã tập con người chỉ biết lợi dụng thiên nhiên và coi chúng như một đồ vật tách rời con người. Nhưng ngày nay phần lớn những ý tưởng đó đối với Phương Tây đang có một chuyển hướng, con người bắt đầu nhận thấy rằng thiên nhiên bên trong và thiên nhiên bên ngoài hoàn toàn chỉ là một, họ lại ít có hứng thú đến những sự việc có tính cách điều khiển bên ngoài, họ chỉ muốn an trú nơi không giao động (trung đế) mà thôi.

Để đạt tới nơi đó, theo truyền thống Phật Giáo có dạy về Tam "Vô Lậu" Học: Giới, Định, Huệ. Giới là đặt mình vào khuôn khổ kỷ luật, giống như xây đắp bờ đê bên con sông. Vì khi ta chặn giữ giòng nước đang cuộn chảy, thì lập tức năng lực của

giòng nước sẽ tăng gia, cũng như khi dứt bỏ được những tập khí xấu thì sẽ phát sanh nguồn năng lực tương đương với lòng kích động. Lúc đầu có khi giống như kẻ bệnh thần kinh trầm lặng, nhưng sau một thời gian dụng công thiền định, tinh thần sẽ trở nên sâu sắc thâm diệu.

Định còn gọi là sự tập trung, có nghĩa là giữ tâm không cho chạy ra khỏi các cửa của sáu thức: nhãn; nhĩ; tỷ; thiệt; thân và ý thức. Phương pháp này phải được thực hành trong mọi thời điểm, cách tốt nhất là ngồi trong tư thế kiết già. Huệ hay Huệ vô lậu sẽ phát sanh khi ta không còn bị

lúng túng hay rối loạn bởi những sự tình làm kích động, mà thường an trụ vững vàng trên mảnh đất bất động của tự tánh.

Ngày 3 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Do viết:

Thực hành chuyển hành hương là biểu hiện lối sống của người tu sĩ Phật Giáo. Nhiều tu viện ở các nước Á Châu đã được dựng lên để tiếp đón những tu sĩ du phương này, vì trong cuộc đời tu hành, những vị này ít ra họ cũng có nhiều năm đi du hành từ nơi này đến nơi khác để tham vấn học hỏi với những bậc cao tăng. Đó cũng là một phương cách luyện tập rất hay để đào tạo

tu sĩ, không những chỉ giúp cho các Ngài có cơ hội thăm viếng và chiêm bái những thánh tích, mà còn là dịp để học hỏi cách đối phó về vấn đề tự lực sinh tồn trong thế giới vô thường này. Rất dễ có tình trạng khi cư ngụ ở một nơi và vừa cảm thấy nơi đó an nhàn thoải mái, nhưng không lâu vô thường đến thì những gì mình chấp giữ cũng đều mất hết cả. Đó có thể là nguyên nhân đau khổ. Cho nên không tham luyện nơi nào, thì ta mới có thể tùy thuận lưu chuyển với những đổi thay. Được vậy mới là người biết chuẩn bị sẵn sàng trước những cái bất ngờ xảy ra, và ta mới có thể phát triển định lực dù trong cảnh động loạn.

Việc hành hương ở Mỹ trong thời đại tân tiến ngày nay, có nhiều khác biệt so với những chuyến hành hương của những vị tu sĩ ở Á Châu. Điểm



trước nhất, là việc xây cất tu viện và chùa chiền để tiếp rước Tu sĩ du phương chưa được phát triển ở Phương Tây. Vì thế chúng tôi phải lợi dụng phương kế kỹ thuật Ô cắm trại, để thuận tiện cho việc trú ngụ ở bất cứ nơi nào. Thứ nhì, đường xá đi lại tiện lợi, mặc dù có lúc con lộ không đủ rộng để cho chúng tôi và xe cộ. Nhưng nếu so sánh những chuyến hành hương ở Á Châu với những con đường nhỏ xíu, lún hõm, thì có lẽ chúng tôi được lợi thế hơn. Thứ ba, dân xứ này còn rất xa lạ với những tập tục của chúng tôi, cho nên chúng tôi phải mất rất nhiều thời gian để giải thích những thắc mắc về chuyến bái hương này. Về hình thức tuy có nhiều điểm khác biệt, nhưng những động cơ thúc đẩy để dẫn thân vào cuộc du hành thì đều giống nhau cả.

Hiện chúng tôi đang cắm lều trong đám cây rậm rạp, và đang tọa thiền cùng với những âm thanh làm việc đều đặn ngày đêm của xưởng cây gòn bên.

Ngày 4 Tháng 12 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Hôm nay thật là một ngày trọng đại khi chúng tôi lạy ngang qua thành phố Fort Bragg. Nào là tài xế, học sinh, trẻ con, các vị bô lão, mấy cậu hippy chơi chơi, những cô thiếu nữ, tất cả đều tụ họp đến xem chúng tôi. Vài ông say rượu chạy xe gắn máy (motorcycle), ngừng lại rồi bắt đầu kiểm chuyện sanh sự, nhưng hôm nay tôi cảm thấy khỏe khoắn quá, mà cũng không muốn dừng lại dù là bất cứ chuyện gì, cho nên tôi giao phó hết cho Thầy Hằng Do. Sau một lúc bị phiền phức bởi những câu hỏi với thái độ xác xược như:

"Tụi bây đang làm cái giống gì vậy hả? Tại sao vậy chớ?"

Thầy Hằng Do liền hỏi ngược lại: "Vậy mấy ông đang làm cái giống gì vậy hả? Tại sao chớ?" Rồi họ mới đành ngậm im.

Vào tới trung tâm thành phố, có Mục Sư đạo Thiên chúa đi về phía tôi và nói với giọng đầy bi ai:

"Ông đi đâu mà có vẻ chậm chạp khổ sở như thế vậy!"

Dù tôi đã cố giải thích về chuyến bái hương, nhưng ông ta chỉ một mực tỏ vẻ thương hại chúng tôi thôi! Khi ông bỏ đi, tôi mới ngẫm nghĩ về những lời nói đó. Thật ra không có gì là đau khổ cả, ông ta đề xướng như vậy chỉ vì thành kiến của ông ta thôi. Đúng ra thì cách lẽ lạy này lại còn

làm tăng thêm sự cường tráng, vì tôi chưa bao giờ cảm thấy thân thể mình được rắn chắc khỏe mạnh như lúc này. Sự khổ sở là của ông ấy chớ không phải của tôi.

Tôi rất thích những cuộc gặp gỡ như vậy. Khi chuyện mới xảy ra đôi khi tôi không nhận ra ngay, nhưng thường thì sau một lúc lễ lạy và suy ngẫm, tôi dần dần thấy rõ được vấn đề. Tôi ý thức được những gì mình đã nói đúng và những gì cần phải nói, rồi tôi tích tụ những ý tưởng đó để dành cho cuộc gặp gỡ sắp tới. Và đó là cách học hỏi về pháp "Bát Phong."

Bát Phong gồm: Được và Mất, Nhạo Báng và Ninh Bợ, Khen và Chê, Vui và Buồn. Tất cả chúng ta thường bị điều đứng bởi sự tấn công của những ngọn gió này. Mục đích tu tập định lực là để đối diện với chúng. Ví như việc chúng tôi làm đã có rất nhiều người tán dương, khen ngợi rằng chúng tôi như người quân tử, thánh nhân v.v... Nhưng cũng có số người khác lại bảo chúng tôi là đồ bị chạm thần kinh, là kẻ tôn sùng tà giáo. Nếu chúng tôi bị động vì những lời nói của nhóm người trước thì sẽ trở nên tự cao tự đại, còn như bị động vì những người thuộc nhóm sau thì sẽ buồn phiền chán nản. Cho nên chúng ta nên tập quán xét những lời nói đó như những ngôn từ vô nghĩa rỗng tuếch, và không gì tốt hơn là cứ tiếp tục theo "con đường chậm chạp và khổ sở" của chúng tôi.

Chúng tôi hiện đang dựng lều phía sau chiếc xe ủi đất, xe này trông có vẻ "chậm chạp và khổ sở" nằm trên ụ của công ty đá sỏi, thuộc phía bắc thành phố. (còn tiếp)

Thỉnh Kinh, nhận báo Phật Pháp

- Vừa qua đã in xong Kinh Hoa Nghiêm giảng giải của cố H.T Tuyên Hoá tập 9, tập 10, tập 11, tập 12, tập 13 và tập 14. Quý vị nào thỉnh Kinh xin liên lạc về Chùa.
- Quý Vị nào chưa có Báo Phật Pháp và thư mời lễ, muốn nhận xin liên lạc về Chùa.

Vie et œuvre prédicante du Vén. Maître Hsuan Hua

La suite

12. La grande vertu conquiert la perversité :

Pendant qu'il travaillait à l'Association de Conduites vertueuses, il arriva cet événement suivant : un jour, un des membres nommé Thái-Thục-Khôn soudain devint fou, se comportant comme s'il était possédé par un esprit, délirant, disant n'importe quoi. Il se nomma :

- « Je suis Hoàng-Đại-Thiên (le roi du grand Ciel). Puisque vous ne m'avez pas respecté, aujourd'hui, je viens pour vous enseigner à me respecter ».

A ce moment, monsieur Cảnh-Tú-Bân, chef du corps enseignant, se leva, monta sur l'estrade et essaya de le raisonner mais monsieur Thái ne voulait rien entendre, il se mit à l'insulter, à semer la pagaille. Ensuite, le chef du service de la justice intervint mais ce fut aussi inutile. Finalement, le directeur de l'Association se présenta. Il continua à l'insulter sans aucun respect. Finalement, le Vénérable s'avança et déclara :

- « Vous savez très bien que l'Association de Conduites vertueuses préconise le respect et l'observation des principes moraux dans le Ciel et sur la Terre. Si vous semiez la perturbation, le désordre dans l'Association, vous iriez à l'encontre de la doctrine céleste. C'est la raison pour laquelle, je suis obligé d'« agir à la place du roi céleste » pour vous punir, vous ne pourriez absolument pas vous enfuir.

A ces paroles, Thái-Thục-Khôn pâlit et trembla de peur.

- « C'est bon... C'est bon ! Je... m'en vais ».

A ce moment, le possédé voulait partir mais il n'arriva pas à soulever ses pieds. Effrayé, il tomba à genoux devant le Vénérable et l'implora :

- « Pitié ! Pardonnez-moi ! Je vous en prie ! Dorénavant, je n'oserai plus jamais causer des perturbations dans l'Association ».

Le voyant changé, le Vénérable lui dit :

- « Vous vous êtes repenti sincèrement, je vous pardonne, vous pouvez partir. Dorénavant, ne

recommencez plus sinon je ne vous pardonnerai pas ».

Après s'être prosterné plusieurs fois, l'esprit se releva et partit, Thái-Thục-Khôn se réveilla aussi. A partir de ce jour, aucun incident de ce genre ne se produit de nouveau.

13. Vivre son deuil à côté de la tombe de sa mère :

A 19 ans, sa mère tomba malade et ne pouvait plus bouger de son lit. Le Vénérable s'occupait d'elle, lavait ses vêtements, lui donnait à manger, prenait soin de tout, d'un cœur absolument pieux. Près de la ville vivait un renard fantôme doué de pouvoirs surnaturels qu'on surnommait HỒ-TIÊN (l'Ange Renard), capable de prendre n'importe quelle apparence. Lorsque les Japonais s'emparaient de la Mandchourie, HỒ-TIÊN s'opposait aux envahisseurs Japonais. Les soldats japonais avaient construit une énorme bassine électrique destinée à faire bouillir de l'huile, ils y transportaient des gens qu'ils avaient l'intention de tuer en les jetant dans la bassine, excellent moyen de les éliminer sans laisser de trace.

Voyant cette cruauté, HỒ-TIÊN se transforma en un vieil homme, entra dans le secteur. Les Japonais tirèrent sur lui des rafales de balles sans le toucher, non seulement il ne fut nullement blessé, mais il arriva à faire exploser leur énorme bassine d'huile. Beaucoup de Japonais y ont trouvé la mort, le reste a dû se retirer dans un autre endroit pour échapper à l'emprise des démons, disaient-ils.

On savait aussi que HỒ-TIÊN était capable de guérir plusieurs maladies. Celui ou celle qui voulait se faire soigner n'avait qu'à se rendre chez lui, posait un bol recouvert d'un morceau de tissu rouge et exprimait son vœu. Apprenant la nouvelle, le Vénérable se rendit aussi chez HỒ-TIÊN pour le solliciter de guérir sa mère. Il posa le bol recouvert du tissu rouge, s'agenouilla, le supplia de guérir sa mère, et attendit. Il restait agenouillé ainsi durant 3 jours et 3 nuits sans bouger, sans se relever, sans manger ni boire. Résultat, rien. Rien ne s'est passé. A la fin du 3^{ème} jour, découragé, il rentra chez lui, sa mère mourut quelque temps après.

C'était la 4^{ème} semaine du 3^{ème} mois lunaire. Des rafales de vent chaud du printemps soufflaient, faisaient fondre la neige. La route devenait

boueuse, glissante, difficile à circuler. Comme la sépulture de sa mère se trouvait assez loin, à plus de 10 miles, la veille des funérailles, toute la famille ainsi que ses amis s'inquiétaient : « Comment vont-ils faire pour transporter le cercueil jusqu'à la sépulture ? ». Le Vénérable, en silence, pria le roi Dragon céleste pour : « Qu'il fasse neiger ou que l'eau soit gelée ». Vers la fin de la nuit, le temps, tout d'un coup, changea, le vent du nord commença à souffler, la température se refroidit, et la neige tomba. Les villageois, voyant cela, savaient tout de suite que c'était la piété filiale du Vénérable qui avait ému le Ciel et la Terre. Il y avait une quarantaine de personnes qui assistaient à l'enterrement. Après les funérailles, tout le monde rentra chez soi. Lui seul restait auprès de la tombe de sa mère, continuait à pratiquer sa piété filiale.

Après le départ de tout le monde commencèrent les difficultés. Une journée passa, il était toujours en position assise, soudain arriva une troupe de loups, l'air effrayant, on disait qu'ils mangeaient de la viande humaine. Le Vénérable se dit : « Je dois considérer comme s'ils n'existaient pas. Même s'ils étaient méchants comme des tigres, je n'en aurais pas peur, car je suis en train de pratiquer la piété filiale envers ma mère, et même si je me faisais dévorer par ces bêtes sauvages, j'aurais fait un immense et honorable sacrifice ».

Les loups s'approchèrent de plus en plus, ventre contre terre, grognant, l'air terrifiant. Au début, ils étaient à trente pas. Ils grimpèrent, grimpèrent. Maintenant ils n'étaient plus qu'à 10 pas. Soudain, ils firent demi-tour et partirent. Si le Vénérable avait couru, il se serait déjà fait dévorer par ces loups ; comme il restait toujours assis, les bêtes pensaient que : « Cet homme ne nous dérange pas, c'est pourquoi ne le dérangeons pas ».

Les gens du village se faisaient souvent poursuivre par ces loups, mais jamais ceux qui rendaient visite au Vénérable.

Peu de temps après sa conversion, le Vénérable rendit visite à une personne de sa famille. Celui-ci croyait beaucoup en Hò-Tiên et l'invita chez lui pour lui faire offrande. Arrivé chez lui, voyant le Vénérable, Hò-Tiên tomba tout de suite à genoux devant lui, le sollicita de l'accepter comme disciple. Le Vénérable lui demanda :

- « Qui êtes-vous ? »

- « Je suis Hò-Tiên (l'Ange Renard) demeurant à Bôi-Âm-Hò »

- « C'est vrai ? Je me suis agenouillé devant chez vous 3 jours de suite, vous suppliant de guérir ma mère, mais vous avez refusé et aujourd'hui, vous voulez que je vous accepte comme disciple. Comment est-ce possible ? »

- « Non, cela ne s'est pas passé de cette façon. Ce n'était pas que je ne voulais pas soigner votre mère. Je voulais bien me rapprocher de vous mais à chaque fois, je n'arrivais pas à ouvrir mes yeux ; je voulais même prendre refuge auprès des 3 Joyaux avec vous mais je n'arrivais jamais à vous approcher ».

A entendre ces paroles, je suis sûr que vous vous demandez pourquoi, Hò-Tiên voulait donner des médicaments au Vénérable mais il n'arrivait pas à ouvrir ses yeux, si vous n'y comprenez pas, je n'ai aucune explication à vous donner. De même, quand vous dessinez une personne, vous dessinez les traits extérieurs mais vous ne pouvez pas dessiner son foie ni ses intestins. Pour savoir ce que voit Hò-Tiên, vous devriez pratiquer sérieusement et consciencieusement, alors, vous connaîtrez la réponse.

Le 8^{ème} jour du 4^{ème} mois lunaire, il se rendit à la pagode Tam-Duyên-Tự située près de la gare Thôn-Bình-Phông au Sud de la ville Hợp-Nhĩ-Tân (Harbin). Il se convertit officiellement, reçut les 10 préceptes du Shramanera (novice) auprès du Vénérable Thường-Trí. Après quoi il revint vivre auprès de la tombe de sa mère. Un fidèle bouddhiste se servait des pailles, des chaumes pour lui construire une petite cabane de 8 pas de long sur 5 pas de large, juste pour abriter une personne contre les intempéries. Mais que ce soit à l'intérieur ou à l'extérieur, et avec un seul vêtement déchiré, il a dû supporter le froid glacial de l'hiver et la chaleur brûlante de l'été de Mandchourie. Il pratiquait la piété filiale selon laquelle, d'après l'ancienne coutume, il devait surveiller la tombe de sa mère durant 3 ans, ne mangeait qu'un seul repas à midi, ne se couchait jamais pour dormir.

A côté de la tombe de sa mère, il lisait beaucoup de Sutras. D'abord il lisait le Sutra du merveilleux Dharma du Lotus (Diêu-Pháp-Liên-Hoa). Il en appréciait beaucoup la lecture. Il racontait : « Je récitais ce Sutra agenouillé durant 7 jours et 7 nuits de suite sans manger ni dormir à tel point que des gouttes de sang coulaient de mes yeux.

Ensuite, je lisais le Sutra du Surangama. Soudain, mon esprit s'éveilla impossible de décrire.

Il disait : « Pratiquer c'est tout simplement supporter ce que les autres ne peuvent pas supporter, faire ce que les autres ne peuvent pas faire, endurer ce que les autres ne peuvent pas endurer, manger ce que les autres ne peuvent pas manger. Purifier son esprit à tel point qu'il n'existe plus le moindre désir de nourriture ou de boisson. Vous dites que vous n'y arrivez pas, alors faites ce que vous pensez ne pas pouvoir faire, c'est la seule pratique la plus méritante. (à suivre)

Dans la malchance existe la grande chance

Vénérable Maître Hsuan Hua

Ecoutez, mes enfants ! De toute l'existence humaine, la meilleure période est celle qui précède les vingt premières années appelée « l'âge d'or ». Durant cette période, votre nature du Bouddha n'est pas encore perdue et votre nature originelle reste encore pure intacte. Durant cette période, si vous côtoyez les bons, vous serez les bons ; et si vous fréquentez les mauvais, forcément, vous serez les mauvais. Vous êtes facilement influencés par votre entourage. C'est pourquoi, il existe cette phrase : « Près du rouge, on en rougit, près de l'encre, on en noircit ».

Si vous rencontrez des bons enseignants, bons amis, vous acquérez de bonnes instructions qui vous procurent une bonne conduite vertueuse. Par contre, si vous tombez sur de mauvais enseignants, des gens qui n'observent pas les principes moraux ; subissant leur influence, vous vous comporterez comme eux. Savez-vous qu'un mauvais cheval nuit à un troupeau, devenu adulte, vous corrompez toute la société.

Retenez bien ceci ! Votre nature originelle est comparable à un bout de tissus parfaitement immaculé, si vous le teignez en vert, il sera vert, si vous le teignez en jaune, il sera jaune. Etant donné qu'en ce moment, vous faites de bonnes études dans de bonnes conditions, il est certain, dans l'avenir, que vous serez de bons et utiles citoyens, capables d'améliorer la société. Vous devriez vous oublier, sacrifier votre égoïsme étroit, limité,

pour réaliser votre « moi immense, illimité » afin de pouvoir vous occuper de toute l'humanité.

Ecoutez mes enfants ! La plupart d'entre vous viennent des pays étrangers (du Viêt-Nam, du Cambodge, ou d'autres pays du Sud-Est asiatique) vous avez dû subir combien de souffrances et de misères pour avoir quitté votre pays. Aujourd'hui, au milieu de cette atmosphère effervescente d'insécurité, vous avez la chance de pouvoir vous rendre à la Cité Des-Dix-Mille-Bouddhas, de pouvoir continuer à étudier en vue d'avoir un métier vous permettant de devenir de bons citoyens. On peut donc dire que dans le malheur, existe la grande chance, car l'objectif de l'école primaire Dục-Luong à la Cité consiste à former des gens honnêtes, à apprendre aux élèves ce que sont : la piété filiale, le respect envers ses maîtres, le choix des bons amis, la fidélité envers sa patrie. Tandis que le but du Collège Bôi-Đức vise à enseigner aux élèves la vertu et les quatre principes moraux suivants : le respect, la justice, l'intégrité, et la sagesse les aidant à devenir des hommes honnêtes, pleins de dignité et d'estime. C'est le but fondamental scolaire à la Cité-Des-Dix-Mille-Bouddhas.

Etant données les bonnes circonstances vous permettant de continuer vos études, vous devriez prendre en compte du temps précieux, de votre existence, ainsi que celle de tout être vivant et toute chose en ce monde. Ne laissez pas votre « âge d'or » passer inutilement. Ne vous plongez pas dans des romans sentimentaux, et ne vous plantez pas devant la télévision, mais investissez-vous dans vos études, plus précisément : servez-vous de la bouche pour lire, de l'esprit pour réfléchir, et ce, du matin au soir. Avec la bouche vous lisez un livre, avec votre esprit vous réfléchissez sur les doctrines contenues dans ce livre. Du matin au soir faites en sorte que votre esprit ne s'éloigne pas de ces doctrines. N'oubliez pas ce que vous avez appris dans les livres, ne serait-ce qu'une minute ou un quart d'heure. N'oubliez pas non plus de réviser les leçons que vous avez déjà apprises.

Dans le livre classique « Luận-Ngũ » il a été dit : « Réviser les anciennes leçons permet d'acquérir de nouvelles connaissances ». Actuellement, vous êtes en période d'études, d'apprentissages ; en dehors des tâches ménagères, investissez-vous consciencieusement dans vos études. Utilisez

bien votre temps ! Ne le gaspillez pas ! Les anciens avaient dit : « Un décimètre de temps vaut un décimètre d'or, mais avec un décimètre d'or il est difficile, parfois impossible d'acheter un décimètre de temps ». On dit aussi souvent : « Le temps c'est de l'argent ». Etant jeunes si vous ne vous efforcez pas, quand vous serez vieux, vous le regretterez, ce serait trop tard ! Vous êtes en « âge d'or » si vous n'en profitez pas pour étudier, vous le regretterez plus tard.

Ecoutez mes enfants ! En pleine jeunesse, vous avez dû quitter votre pays, affronter combien de dangers, braver combien d'obstacles, de misères, de séparations à la recherche de la liberté. Vous avez dû traverser tant de misères, subir tant de peines pour pouvoir arriver enfin à la terre promise. Ceci est le résultat de plusieurs vies antérieures de pratiques de bénédictions et de Sagesse ; et en même temps d'actes maléfaisants causant des souffrances à autrui. A cause de ces mauvaises graines, aujourd'hui, vous récoltez des malheurs. Tout cela c'est l'application de la loi des causes à conséquences, un noyau ne donne que des fruits de son espèce. Malgré votre très jeune âge, vous avez goûté toutes les saveurs des calamités de l'existence. Si vous continuez à fermer votre esprit Boddhi, à ne pas vous investir dans les études, dans l'avenir, vous serez condamnés à rester, à jamais, dans les ténèbres, au lieu de sortir dans la lumière éclatante. Avez-vous compris cela ?

Aujourd'hui, vous avez la possibilité de continuer à étudier, vous connaissez les six grandes idées maîtresses de la Cité qui sont : pas de rivalité, pas de cupidité, pas d'égoïsme, pas d'intéressement, pas de mensonges. Vous avez pénétré le sens du devoir d'un honnête homme. C'est une bonne occasion vous permettant de vous réformer, vous corriger, recommencer une nouvelle vie, construire un bel avenir plus brillant. Vous devriez comprendre l'importance de cette occasion. Saisissez-la ! Ne la laissez pas passer inutilement ! C'est votre seule chance dont dépend le bonheur de toute votre existence. A la Cité, en dehors des études, si vous vous efforcez de pratiquer la religion bouddhique qui consiste à : réciter du fond du coeur le nom du Bouddha, à vous prosterner, à méditer, vous obtiendrez des pouvoirs surnaturels tels que : la vue surnaturelle, l'ouïe surnaturelle, la connaissance surnaturelle du passé et du futur, d'être omniprésent, d'accomplir de multiples

transformations, enfin de vous libérer totalement de tout attachement de ce monde. Je vais aujourd'hui vous expliquer les quatre premiers pouvoirs, et les deux autres, je vous les expliquerai plus tard.

1. La vue surnaturelle : La capacité de voir clairement, sans inconvénient, tous les faits et gestes de chaque individu du monde humain ainsi que du monde céleste. Actuellement, en Chine, il existe beaucoup d'enfants qui sont capables de voir à travers les murs, capables de voir ce que vous tenez caché dans vos mains.

2. L'ouïe surnaturelle : Pouvoir d'entendre à distance, toutes les paroles d'êtres vivants même celles des habitants célestes, celles des Bouddhas et des Bodhisattvas. Actuellement, en Chine, il existe des enfants qui utilisent l'ouïe pour lire des caractères écrits sur des feuilles. Par exemple, on écrit quelques caractères sur une feuille de papier, puis on applique la feuille sur leurs oreilles. Ils écoutent un moment et connaissent le sens de ces caractères. Cent fois on les a testés, à chaque fois, il n'y a pas la moindre erreur, sans aucun doute. Tous ces pouvoirs résultent de bonnes causes qu'ils ont semées depuis plusieurs vies antérieures. Mais s'ils n'étaient pas guidés par des bons amis bouddhistes, dépassant leur enfance, ils perdraient tous ces pouvoirs.

3. Pouvoir surnaturel de lire dans la pensée des autres : Pouvoir de connaître clairement, et nettement tout ce à quoi pensent les autres.

4. Pouvoir surnaturel de connaître le passé et le futur de chaque personne : Le pouvoir surnaturel de connaître, d'une façon claire et nette, tous les bons ou mauvais karmas d'une personne. Si ces enfants acceptent de s'investir sérieusement dans la pratique, ils pourraient parvenir à l'immense Sagesse leur permettant d'obtenir le pouvoir surnaturel d'orateur. Il existe en Chine, des enfants possédant ces pouvoirs exceptionnels, mais, c'est dommage qu'il n'y ait personne qui s'en rend compte pour les exploiter. C'est la raison pour laquelle, tous ces génies sont oubliés, et ont disparu. Pour le Bouddhisme, c'est une grande perte, un véritable malheur ! Si nous prenions la peine de nous en occuper, d'aider ces jeunes prodiges à développer leurs pouvoirs, les gens auraient une autre vue à l'égard du Bouddhisme. Comme celui qui sort d'un

cauchemar et qui réalise que le Bouddhisme est effectivement une religion libératrice de toute l'humanité.

En ce moment, vous étudiez à la Cité-Des-Dix-Mille-Bouddhas, si vous preniez la peine de vous investir sérieusement et consciencieusement dans le Bouddhadharma, il est probable que vous auriez une chance d'obtenir tous ces pouvoirs. Ceci n'est pas de la superstition mais c'est la réalité. La télévision, le radar, le téléphone, l'ordinateur possèdent aussi des pouvoirs surnaturels, mais ceux-ci ont été inventés par l'homme. S'ils ont été acquis par la pratique de la Méditation, ils seraient de vrais pouvoirs surnaturels. Il suffit que vous le vouliez, vous pourriez alors y accéder.

Conférence du 05-03-1984

La méditation c'est un moyen d'Eveil

Vénérable Maître Hsuan Hua

Le Bouddhisme, après être transmis en Chine, est divisé en cinq branches : La Méditation; La Doctrine; Les Préceptes; La Terre Pure; Les Mantras.

Dans « La Méditation » on médite.

Dans « La Doctrine » on étudie les doctrines du Bouddha. Dans « Les Préceptes » on étudie et observe les préceptes établis par Bouddha.

Dans « La Terre Pure » on étudie le Royaume De La Terre Pure.

Dans « Les Mantras » on pratique les Mantras.

Actuellement, nous sommes dans un séminaire de Méditation, nous étudions et pratiquons uniquement les doctrines concernant la Méditation, quant aux autres branches nous ne les abordons pas.

« Thiên-Na » : terme sanskrit, veut dire : Dhyana : signifie : réfléchir, méditer sur un sujet, le premier et unique sujet. Quel sujet ?

Celui de la phrase : « Qui récite le nom du Bouddha ? ». C'est ainsi qu'on débute la Méditation. En réalité, réfléchir sur une phrase c'est aussi une illusion ; autrement dit, nous nous servons d'une illusion pour combattre les autres illusions. « Dĩ độc công độc » : on utilise une illusion pour détruire toutes les autres illusions. Réfléchir sur la

phrase débutante demande une période assez longue avant d'entrer dans la Méditation proprement dite, d'où la phrase suivante : « A force de réfléchir on parvient à la Méditation ». « Réfléchir » comme si vous preniez un vis et vous perforez un bout de bois. Tant que vous n'arrivez pas encore à perforer le bois vous persistez toujours, surtout n'abandonnez pas à mi-chemin, sinon, tous vos efforts antérieurs seraient perdus. Dans la pratique de la Méditation, le plus important c'est la persévérance, la patience. Au moment où plus rien n'existe, plus aucune illusion, apparaît alors immédiatement l'Eveil, d'où la phrase suivante : « Au bout d'une perche de cent mètres de haut, engagez encore un pas ». Cela veut dire : Après avoir grimpé, vous arrivez au bout d'une perche de cent mètres de haut, vous continuez à faire encore un pas. A ce moment là, « l'univers entier apparaît devant vous ». Néanmoins, pour y parvenir, vous devriez pratiquer sans relâche, à chaque instant, sans paresse, sans se laisser aller. Dans « Chủng Đạo Ca », il a été dit :

« Ayant bien compris la Méditation du Tatagatha Bien accompli les Six Paramitas, les dix mille conduites

Dans le rêve existent bien les six sentiers, Eveillé, plus rien, plus de grands mondes. »

C'est « l'Eveil Immédiat », c'est comprendre immédiatement une doctrine.

On dit que :

« La théorie peut se comprendre immédiatement
Mais la pratique s'acquiert lentement, petit -à-
petit »

En ce qui concerne la pratique, nous devons avancer pas-à-pas ; concernant la théorie, nous devons comprendre clairement et immédiatement. Eveillé immédiatement, nous allons directement au « puits » pour prendre de l'eau. Avant d'être éveillés, nous ne savions pas où se trouve le puits, nous entendions seulement le bruit de la corde qu'on employait pour tirer de l'eau du puits. (nous devions chercher, tâtonner pas-à-pas, avant de trouver le puits). Cet exemple expose clairement l'origine de « la nature du Bouddha ». Comment faire pour certifier « la nature du Bouddha ? » Pour cela, il n'existe pas d'autres moyens en dehors du fait de pratiquer la Méditation.

Pratiquer les Six Paramitas c'est la conduite d'un Bodhisattva.

Pratiquer la donation « sauve » la cupidité, la mesquinerie .

Observer les Préceptes « sauve » l'auto-destruction.

L'abnégation « sauve » la haine, la colère.

La progression « sauve » la paresse, le relâchement.

Le Dhyana « sauve » la perturbation mentale.

La Sagesse « sauve » l'ignorance, la stupidité.

Quand ces six Paramitas ont été parfaitement accomplis, on obtient l'Eveil. Il a été dit que :

« Nous vivons dans une suite de rêves »

« Dans une suite de rêves nous mourons »

Plongés dans nos rêves, nous vivons dans le luxe, nous possédons des trésors ; réveillés, rien, toujours la misère.

Jour après jour, nous vivons dans nos rêves sans nous en rendre compte. Il est regrettable que ce soit une suite de rêves. Dans nos rêves nous voyons clairement qu'il existe bien six mondes : monde céleste, monde humain, monde d'Azuras, d'animaux, d'esprits affamés, d'enfers. Eveillé, on se rend compte que même les trois mille grands mondes n'existent pas. Pourquoi ? Parce qu'on n'a plus d'attachement ; plus d'attachement, on revient à sa nature originelle. Comment pourrait-on encore posséder les formes du moi, d'autrui, d'être vivant, et du bénéficiaire ? Plus rien n'existerait. Ayant entendu ces paroles, il est probable que certains n'osent plus pratiquer la voie, car, induits en erreur, ils pensent : « Si c'était ainsi le but ultime de notre pratique, on n'aurait plus rien, plus d'être vivant, plus de moi, plus d'autrui, plus de bénéficiaire, alors qu'en serait-on ? Il n'y aurait plus rien à faire ! Serais-je alors au chômage ? Faut-il absolument que vous ayez du travail ? Alors continuez à agir à la folie ! Quand vous pratiquez la voie au point où n'existent plus ces quatre formes, vous aurez « balayé tout Dharma, dépossédé de toute forme » vous obtiendrez la Vraie Nature de toute chose. Aussi, on dit : « Aucun dharma concrétisé, dix mille dharmas volatilisés ». Prononcer ces pures paroles ne signifie pas que vous avez bien compris la doctrine, mais vous devez réellement et justement vivre cet état : « aucun dharma concrétisé, dix mille dharmas volatilisés », à ce moment-là, il n'y aurait plus de souffrances, mais que du bonheur !

L'homme du monde, s'il ne s'attache pas à la célébrité, il s'attache à l'intérêt, s'il ne s'attache pas à la fortune, il se passionne de beauté physique. Devant toutes ces choses, il serait aveuglé s'il ne les pénètre pas à fond, il lui serait incapable de s'en détacher. Même s'il veut bien y voir clair, et s'en détacher, il n'en a pas la volonté. Pourquoi n'y arrive-t-il pas ? Car, dans son âme existent un « démon » très rusé, et un « ver » bien futé. Ils sont en train de se livrer à leurs excentricités en lui. Résultat, ils vous font manquer plusieurs occasions, en présence du Bodhisattva Avalokitesvara, vous ne LE reconnaissez même pas, vous LE cherchez, alors qu'IL est en face de vous. C'est parce que vous êtes sous l'influence de vos folles illusions qui vous commandent et vous dirigent.

Le mot « tham » (pratiquer) dans « tham-thiên » (pratiquer la méditation) veut dire : observer, contempler, méditer. Méditer sur quoi ? Sur le Prajna (la Sagesse). Quelles que soient vos pensées, chassez-les hors de votre esprit, méditez sur vous-même pas sur les autres. Jetez un regard sur vous-même, observez si vous y êtes présent. Si vous l'êtes, vous pouvez alors pratiquer la Méditation, vous vous investissez dans la voie. Et si vous ne l'êtes pas, de toute évidence, vous êtes tourbillonnés par vos folles et troublantes illusions, plongeant votre esprit dans le flou et le vague. Votre corps reste dans la salle de méditation, mais votre esprit est déjà parti très loin jusqu'à New-York, ou en Italie. Partout où il est, il cherche toujours à s'approprier, à s'attacher. Résultat, il n'est jamais satisfait, jamais heureux.

Méditer sur la satisfaction, le bonheur, on est un Bodhisattva; alors que méditer sur l'insatisfaction, le malheur, on est un simple profane. Méditer sur la satisfaction, on est au Paradis ; tandis que : méditer sur l'insatisfaction, on est en enfer. Si on médite sur la satisfaction, notre esprit ne vagabonde pas ailleurs, nous pourrions alors réaliser notre « profond Prajna Paramita ». Dans la pratique de la méditation, quand votre corps reste dans la salle de méditation, votre esprit ne cesse d'observer, de réfléchir, sans interruption, vous aurez véritablement réalisé le profond Prajna, découvrir la vraie Sagesse. La Sagesse obtenue, vous parviendrez à l'autre rive, à la Libération.

La formule secrète de la Méditation c'est : « méditer le jour, méditer la nuit ». Méditer sur quoi ? Sur la phrase : « Qui récite le nom du Bouddha ? ». On médite aujourd'hui, on méditera demain. Jour après jour, dans la salle de méditation, on pratique le profond Prajna Paramita. Ce n'est pas en pratiquant seulement une courte durée, on pourrait goûter la saveur de la Méditation. Vous devriez vous y investir un très long temps pour l'obtenir. Ayant obtenu le profond Prajna Paramita, vous pourriez réaliser que les cinq Agrégats (Ngũ-Uân) sont vides. Les cinq Agrégats sont encore appelés : les cinq couvercles (Ngũ-âm).

« UÂN » veut dire : se réunir, se rassembler.
« ÂM » veut dire : recouvrir, cacher, dissimuler.

Pourquoi sommes-nous insatisfaits ? Pourquoi ne pourrions-nous pas nous libérer ? Parce que nous sommes recouverts par nos cinq « couvercles » suivants : la Forme, la Sensation, la Perception, (ou la Pensée), l'Impression et la Conscience.

1. Agrégat de la Forme (Sác-Uân) : Tout ce qui cause un obstacle, possède une apparence physique, donc, une forme. Tant que nous ne considérons pas « la forme » comme vide, elle nous embobine quand notre regard tombe sur un objet (ou une personne), quand nous entendons un son, nous sentons un parfum, une odeur, ou touchons un objet, à chaque fois, nous en serons embobinés. Si nous considérons nos cinq Agrégats comme vides, nous verrons qu'à l'intérieur pas de fond, à l'extérieur pas de forme physique de près ou de loin.

« La forme » désigne toutes sortes de beautés physiques, capables de sombrer les gens dans des passions troublantes, perturbantes, perdant toute faculté de jugement, agissant comme des non-voyants. Dans « Đạo-Đức-Kinh », il est écrit :

« Les cinq formes rendent les gens aveugles.

Les cinq sons rendent les gens sourds.

Les cinq saveurs rendent la langue insensible. »

Tous ces objets matériels vous embobinent, vous aveuglent par la conscience de l'Agrégat de la Forme. Si nous arrivions à combattre cette conscience, alors à ce moment-là, même les rivières et les montagnes, ainsi que les terres, les monuments, les bâtiments, les demeures seraient vides, il n'y auraient plus d'afflictions, plus d'ennuis. Tant que cet Agrégat de la Forme continue d'exister, tant qu'il ne s'est pas réduit au

Néant, nous tenons encore à nos attachements. Tant que nous nous attachons aux formes matérielles, physiques, nous ne pourrions pas nous débarrasser de nos vieilles connaissances (connaissances aveuglantes provenant de la vue). Celles-ci, en présence d'un objet (ou d'une personne), poussées par l'amour et la cupidité, se manifestent immédiatement. Or, tout ce monde matériel appartient à « La Forme ». Devant n'importe quelle situation, on a tendance à agir par cupidité ou par amour, donc on tient encore à ses attachements. Les vieilles connaissances aveuglantes se composent de quatre-vingt-huit catégories, si on arrivait à les détruire toutes, on certifierait le Fruit d'Arhat. En tant que pratiquants bouddhiques, nous devrions, tout d'abord, éliminer ces vieilles connaissances aveuglantes, ensuite éliminer les quatre-vingt-et-une catégories de connaissances erronées restantes dans les Trois Mondes (monde du Désir, monde de La Forme et monde Sans Forme). Les connaissances erronées se produisent quand on ignore la Vérité, d'où naît la discrimination ; on ne discerne pas clairement les principes moraux. Si on arrivait à éliminer toutes ces connaissances erronées, on certifierait le Fruit d'Arhat.

2. Agrégat de la Sensation : (Thọ-Uân)

« THỌ » : veut dire : recevoir, ensuite produire des sensations. Devant un objet, sans réfléchir, on reçoit, ensuite on éprouve des sensations. De même, quand on mange quelque chose, on sent que c'est délicieux, on l'apprécie : C'est une sensation. Porter une belle robe, on est gai : c'est aussi une sensation. Vivre dans une belle demeure, on s'y plaît, c'est aussi une sensation. S'asseoir dans une belle voiture, on se sent confortable, c'est aussi une sensation. Quand on entre en contact avec n'importe quel objet extérieur, produisant une sensation, tout cela s'appelle : Agrégat de la Sensation.

3. Agrégat de la Perception : (Trường-Uân) : signifie : la pensée, l'idée. Quand les cinq organes entrent en contact avec les cinq « poussières » (objets matériels du monde terrestre), toutes sortes d'illusions, de pensées apparaissent puis disparaissent. Tout cela nous porte à penser qu'elles constituent la suite des deux Agrégats de la « Forme » et de la « Sensation ».

4. Agrégat de l'Impression (Hành-Uân)

« HÀNH » veut dire : en perpétuel déplacement, le va-et-vient perpétuel, flotter éternellement à la dérive. Le mobile de toute bonne ou mauvaise action se trouve dans l'esprit ; seulement, à travers les actes et le comportement du corps, de la bouche et de la pensée, on voit que l'esprit a toujours été influencé par les illusions, et les connaissances erronées (tous ces actes font partie de l'Agrégat de l'Impression).

5. Agrégat de la Conscience (Thức-Uẩn)

« THỨC » veut dire : distinguer. Devant une présence physique, on ressent des sensations bien distinctes. Par exemple, devant la beauté, on éprouve du plaisir ; devant la laideur, des propos méchants on éprouve du dégoût, d'antipathie etc....

Si on arrivait à percer ces cinq Agrégats, on aurait franchi tous les malheurs, et écarté toutes les calamités. Pourquoi subissons-nous ces calamités ? Parce que nous n'avons pas encore éliminé nos deux genres d'attachements : attachement à notre égo et attachement à notre entourage, à tout Dharma. Dans le verset : « Chúng-Đạo-Ca », Vénérable Huyền-Giác a écrit :

« Les Cinq-Agrégats sont comme des nuages qui ne vont, ni ne viennent
Les Trois poisons (la Cupidité, la Haine, l'Ignorance) comme des écumes, des bulles d'air, qui apparaissent puis disparaissent instantanément »!

Les Cinq Agrégats, fondamentalement, sont dépourvus de vraie nature, ils ressemblent à une masse de nuages qui apparaissent puis disparaissent instantanément. Ne comprenant pas cette doctrine, nous nous laissons embobiner, aveugler sans aucune chance de nous en sortir, nous en libérer.

Un pratiquant bouddhiste se doit de détruire ces cinq Agrégats. Que ces nuages viennent ou qu'ils s'en aillent ! Ne vous en souciez pas ! N'y accordez aucune importance ! Ne vous y attachez pas ! Les Trois Poisons (Cupidité, Haine, Ignorance) semblables aux écumes d'eau, ne possèdent fondamentalement pas de vrai corps du Dharma. Ils naissent par eux-mêmes et meurent par eux-mêmes, vous feriez mieux de ne pas vous y fier, vous y attacher. Dans « Chúng-Đạo-Ca » il a été dit aussi :

« Ayant bien réalisé la Vraie-Nature, plus d'humain, plus de Dharma

En une fraction, vous vous débarrassez de votre Karma d'Enfer-Avichi.

Si je mentais pour tromper les êtres vivants, J'accepterais de me faire couper la langue durant une infinité de kalpas »!

La Vraie-Forme c'est aussi la Non-Forme. Cela veut dire que tout Dharma n'a fondamentalement pas de Forme, Il a une Forme, mais en même temps pas de Forme. Il n'est ni vrai, ni faux. Cela veut dire aussi : balayer tout, se débarrasser de toute forme, toute opinion. Cela veut dire aussi : revenir à l'origine, réaliser la vraie et pure nature. Parvenu à ce stade, il n'y aurait plus personne, plus de Dharma ; on oublie tout, plus d'autrui, plus de Dharma, plus rien. On aurait alors réalisé, la Vérité, et la Réalité de la Vraie-Forme. A ce moment-là, en une fraction de seconde, tous vos mauvais karmas accumulés depuis d'infinis kalpas antérieurs, pourraient être volatilisés. Vénérable Vĩnh-Gia a déclaré : « Si je mentais dans le but de tromper les êtres vivants ; avec ces mensonges, je jure volontiers de descendre en enfer pour me faire couper la langue, en guise de punition durant une infinité équivalente aux poussières de kalpas, et d'y subir d'infinies souffrances.

Etant présents dans la salle de Méditation vous devriez vous investir sincèrement, de tout coeur. De même, quand vous tissez de la soie, vous devriez être patient, tissez fil par fil, afin d'éviter d'emmêler les fils. Ne vous prenez pas pour des meilleurs intelligents, cherchant des raccourcis, des méthodes scientifiques pour vous éveiller, ce ne sont que des pensées délirantes. Si la science pouvait éveiller, les scientifiques ne se seraient pas engagés dans des situations sans issue, ils se seraient déjà tous éveillés depuis longtemps, et personne n'aurait pu se joindre à eux à l'Eveil.

Ne laissez pas vos pensées divaguer, vagabonder ailleurs ! Soyez sincères ! Méditez strictement selon les règles, et sur la phrase : « Qui récite le nom du Bouddha ? ». Vous avez mal au dos ? Supportez ! Vous souffrez du pied ? Supportez ! Endurez ! Un beau jour, vous vous Eveillerez. Ecoutez la phrase suivante :

« Sans traverser, une fois, le froid glacial pénétrant jusqu'aux os,
Comment les fleurs d'abricotiers auraient-elles pu dégager un parfum aussi exquis ? »

Faites attention ! Ne soyez pas trop intelligents ! Vous serez dupés par votre intelligence elle-même. Retenez bien ceci : « Une part de pratique consciencieuse c'est une part d'investissement ». Pratiquer la voie c'est s'investir entièrement, de tout cœur, pas de pures paroles, pas de méditation verbale. S'il n'y avait que : paroles sans pratiques, ce serait inutile ! La « méditation verbale », non seulement, n'est d'aucune utilité, mais au contraire, elle crée un obstacle sur le chemin de l'Eveil. On dit aussi : « Sans parler, on médite réellement ».

Une invocation fervente du Bouddha ressemble à une lumière illuminant le ciel et la terre, il n'y aurait pas de différence entre vous et les Bouddhas des dix directions, pendant trois générations. Pourtant, pourquoi sommes-nous incapables de réaliser : les Trois-Corps, les Quatre-Esprits, les Cinq-Vues, et les Six Pouvoirs Surnaturels ? Parce que nous autres, profanes, nous nourrissons beaucoup trop d'illusions dissimulant ainsi notre Sagesse, notre lumière. C'est pourquoi, nous restons toujours dans les ténèbres. Tout le long de la journée, nous ne cessons de poursuivre nos rêves, créant de mauvais karmas ; nous finirons, en conséquence, par récolter, un jour, des misères souffrances au sein du cycle de naissances et de morts.

Les Trois-Corps sont :

1. Le Corps-du-Dharma.
2. Le Corps-Illuminé.
3. Le Corps-Transformé.

Les Quatre-Sagesses sont :

1. Accomplissement absolu.
2. Observation absolue.
3. Egalité absolue.
4. Respect universel absolu.

Les cinq Yeux sont :

1. L'œil-de-chair.
2. L'œil céleste.
3. L'œil du Dharma.
4. L'œil de la Sagesse.
5. L'œil du Bouddha.

Les six pouvoirs surnaturels sont :

1. Pouvoir surnaturel de la vue.
2. Le pouvoir surnaturel de l'ouïe.
3. Le pouvoir surnaturel de lire dans la pensée des autres.
4. Le pouvoir surnaturel de connaître le passé, le présent, le futur de soi-même et des autres.

5. Le pouvoir surnaturel d'être présent partout, d'exécuter de multiples transformations à volonté.
6. Le pouvoir surnaturel de se libérer de tout attachement, tout désir et tout sentiment.

Quand vous vous êtes débarrassés de toute illusion, vous obtiendrez tous ces pouvoirs. Il ne s'agit pas d'une philosophie, ou d'un raisonnement mystérieux, inaccessible, mais d'une apparition naturelle, résultant d'une pratique sincère, de tout cœur. C'est simple ! Il n'y a rien d'étrange ! Depuis le commencement des temps, nous avons été aveuglés par notre ignorance (manque de lumière, de connaissances). N'ayant pas été guidés par les bons bouddhistes, nous ne savions pas comment « revenir à l'origine ». Nous pratiquons la Méditation afin d'éclairer notre esprit en vue de découvrir notre Vraie Nature, notre Vrai Visage originel. Si nous nous étions libérés, il n'y aurait plus de frontières, plus d'obstacles ; éloignés de toutes les folles illusions, nous parviendrions enfin au NIRVANA.

Séminaire de méditation décembre 1980

Les démons arrivent uniquement pour vous aider à pratiquer votre voie

Vénérable Maître Hsuan Hua

Auparavant : « Celui qui arrive à méditer, rien qu'un instant, mérite mieux que celui qui construit une infinité de stupas avec sept sortes de pierres précieuses ». Pourquoi ? Il arrive qu'une personne, assise dans la salle de Méditation, mais perdue dans les vagues pensées, se disait : « Méditer une minute, une seconde, mérite mieux que de construire des stupas avec des pierres précieuses. Elle s'est mise à penser, puis à repenser à cette phrase, elle est tellement préoccupée par cette idée qu'elle oublie de méditer, ne serait-ce qu'un petit instant, résultat, elle n'obtient aucun mérite, aucune bénédiction ! Pourquoi ? C'est comme si elle prend le doigt montrant la lune, pour la lune, elle ne voit que le doigt mais pas la lune, et pense qu'elle aurait une infinité de bénédictions ! Une infinité de bénédictions ? En réalité, elle s'assoit là avec une infinité d'illusions !

Je vous ai aussi dit que : « Je suis capable de répandre de la lumière éclatante illuminant tout l'univers ! Vous n'avez pas besoin d'y penser, ni d'en parler, mais vous devez seulement pratiquer. Si vous vous appliquiez à fond dans votre pratique du vrai Dhyana, vous pourriez aussi lancer de la lumière dans l'univers. Sans le vrai Dhyana, vous vous plongeriez dans vos pensées illusoire, aucune utilité ! Que du temps perdu ! Vous pensez, puis repensez, toutes ces pensées ne sont qu'illusions, vous vous éloignez du but d'une distance de quatre-vingt-quatre mille miles.

Quelqu'un d'autres pense : « Que puis-je faire pour obtenir le Dhyana ? Que puis-je faire pour obtenir l'Eveil ? Si vous persistez dans ces pensées, quoique vous fassiez, vous n'obtiendrez jamais le Dhyana, jamais l'Eveil. Pourquoi ? Parce que votre pratique est superficielle, ne se basant pas sur l'esprit de Sagesse. Vous vous tournez vers l'extérieur pour chercher, au lieu de diriger vos recherches vers l'intérieur, c'est pourquoi, vous ne trouverez jamais ce que vous cherchez.

Transformez-vous en médecins électro-thérapeutes et portez secours à ce monde ! Portez secours aux êtres vivants dans cet univers rempli de gaz toxiques ! Aidez les à devenir Bouddhas pour qu'ils puissent vivre dans un atmosphère sein et pur. Essayez et vous verrez !

Aujourd'hui, nous sommes au deuxième jour du Séminaire de Méditation, êtes-vous prêts « à vous lancer » ? « A vous lancer » sur le chemin de l'Eveil ? Sur le chemin du Boddhi ? Vous engagez-vous déjà dans la phrase : « Qui récite le nom du Bouddha ? ». Vous débarrassez-vous déjà de vos pensées illusoire ? Si vous n'avez pas encore commencé à vous concentrer sur la phrase : « Qui récite le nom du Bouddha ? », dépêchez-vous de pratiquer ! Pratiquez comme un « chat guettant une souris ». Patiemment, il attend que la souris sorte de sa cachette ; comme « une poule couvant ses œufs ». De toute son âme, elle pense à ses petits poussins qui vont éclore ; ou encore, comme « un dragon gardant la perle », diligemment, de tout cœur, il veille fermement sur la précieuse perle. Vous aussi, pratiquez à chaque instant, vous aurez une chance de réussir.

Nous pratiquons une voie qui consiste « à manger une fois par jour, jamais se coucher pour dormir », une voie ascétique, que je n'hésite pas à dire que

c'est la meilleure voie. Spécialement, durant le Séminaire de Méditation, nous méditons douze heures, nous marchons six heures. Cette pratique ascétique demande aux méditateurs une nourriture suffisante. C'est pourquoi, en Chine, chaque fois qu'il y a Séminaire de Méditation, le soir, chaque méditateur a droit à une brioche cuite à la vapeur (bánh-bao) ; ce qui fait plaisir à tout le monde. Ici ce coutume n'existe pas. Aussi à midi, je suggère que vous devez manger un peu plus que d'habitude pour avoir suffisamment de forces afin de courir et de marcher.

Selon les Préceptes instaurés par Bouddha, les moines mangent seulement une fois par jour, à midi. Plus tard, ce précepte a quelque peu modifié ; selon ce nouveau précepte, midi passé, les moines ne mangent rien. Mais le matin ils peuvent manger du riz mouillé au petit déjeuner. Comme le petit déjeuner n'a pas lieu après midi, donc, on n'enfreint pas le précepte.

Durant le séminaire, si vous ne mangez pas assez vous n'aurez pas assez de forces pour méditer, courir ou marcher, vous pourriez vous décourager, et vous régresser. Pourquoi ? Si vous continuez à méditer jusqu'à la nuit tombée, votre estomac se met à gargouiller, il vous reproche d'être trop égoïste, de ne penser qu'à pratiquer, qu'à vous concentrer sur votre Eveil, oubliant complètement son existence, ainsi que ses souffrances. Il vous demanderait quelle religion pratiquez-vous pour omettre la moindre compassion à son égard. En conséquence, il ne coopère plus avec vous, vous vous sentez découragés, démotivés et vous vous régressez, tous vos efforts antécédants seraient perdus. C'est pourquoi, durant le séminaire, vous devez manger suffisamment pour avoir la force de pratiquer afin d'avoir une chance de parvenir à la libération.

Aujourd'hui, je vais vous raconter l'histoire de « manger des brioches durant le séminaire ». C'est une histoire vraie, pas inventée. A la pagode Thiên-Đông située à Ninh-Ba, en Chine, vivait un moine-supérieur nommé Mât-Vân. C'était un moine vénérable, vertueux, doué d'une vue céleste. A la pagode vivait aussi un moine-gérant (Duy-Na). Celui-ci aussi était un moine vertueux. Néanmoins, la compassion du moine-gérant était immense, alors que celle du moine-supérieur est limitée, mesquine. Vénérable Mât-Vân était pourvu d'un tempérament d'un Mahasattva, ne se

souciant de personne ; tandis que Vénérable-gérant soutient la thèse d'un Boddhisattva, se préoccupant des autres. Comme leurs pensées se diffèrent, leurs comportements, leurs conduites se révèlent toujours incompatibles. Durant le Séminaire de Méditation, tous les participants étaient motivés, ils s'investissaient entièrement espérant ainsi obtenir la Libération. Une nuit, Vénérable-Gérant remarqua que ces derniers étaient fatigués, car ils avaient faim, incapables de méditer comme il le fallait. Il y en avait qui somnolaient, d'autres qui rêvassaient, et le reste, s'ils ne dormaient pas assis, ils « s'affaissaient ». Normalement, quand on médite dans la position assise, le dos droit, on mesure environ, trois mètres européens (mesure ancienne), mais quand on est affamé, l'estomac vide, on est incapable de garder la même posture, le dos courbé, on « s'affaisse » et ne mesure plus qu'un peu plus d'un mètre environ. De toute évidence, dans cet état, personne n'a plus la force de méditer. Touché par la compassion, et pour sauver la santé de toute l'Assemblée, Vénérable Duy-Na se mit à méditer, entra dans le Dhyana, se servit de son pouvoir surnaturel, entra dans la cuisine, (tout en gardant son corps immobile), prit le restant de riz cramé de la veille, le partagea à chacun des participants. Ceux-ci, à la sortie de la Méditation, virent sur leurs genoux un morceau de riz cramé, le mit furtivement dans la bouche. Le riz avalé, tout le monde reprit des forces. Personne ne se sentit plus fatigué en marchant, alors qu'auparavant, avec l'estomac vide, ils devaient s'asseoir de côté pour se reposer, tellement ils étaient fatigués.

Deux jours de suite, Vénérable Duy-Na apportait du riz cramé aux participants. Au troisième jour, il a été pris en flagrant délit, et a été chassé de la pagode.

L'incident s'est passé de la façon suivante : Dans la matinée du troisième jour, le chef de cuisine découvrit que le riz cramé de la veille a disparu, il croyait qu'il a été mangé par les souris. Comme il en était responsable, il alla voir le Vénérable supérieur pour lui demander conseil. Celui-ci lui dit : « Bien, il faut absolument qu'on attrape ces souris ». A la tombée de la nuit, il entra en Méditation et observa, finalement, découvrit que Vénérable Duy-Na dans sa Méditation, a volé ce riz cramé dans la cuisine. Profitant du fait que ce dernier entra dans sa Méditation, il prit son corps et le cacha sous une chaise. A la sortie du Dhyana,

Vénérable Duy-Na, ne retrouvant pas son corps, se mit à sa recherche, et finit par le retrouver sous une chaise. Il le retira. Juste à ce moment là, Vénérable Supérieur survint et lui demanda : « Qu'est-ce que vous faites ? En voilà une grosse souris ! Vous osez voler du riz cramé à la cuisine ! Savez-vous que vous avez transgressé les préceptes ? Quiconque enfreint les préceptes doit être chassé de la pagode ! Demain vous devrez partir ! Nous ne pouvons pas vous garder ! »

Vénérable Duy-Na répondit, toujours avec beaucoup de respect : « Vénérable, il est certain que je vais partir, j'accepte ma punition. Néanmoins, je voudrais vous solliciter une requête ».

Celui-ci répondit : « Vous allez partir, vous voulez encore solliciter une requête, dites la quand même ! »

Celui-ci lui dit : « Les méditateurs-novices doivent absolument se nourrir comme il faut pour avoir la force de méditer. S'ils ne mangent pas à leur faim, ils ne peuvent pas pratiquer. C'est la raison pour laquelle, j'ai volé du riz cramé de la veille, dans la cuisine, pour leur donner à manger, jamais pour moi. Avec votre immense compassion, je souhaite que vous donniez, le soir, à chacun deux brioches cuites à la vapeur. J'espère que vous acceptiez ma requête. Avant de partir, je me prosterne devant vous et vous fais mes adieux ; je m'en vais sans aucun souci ».

Le Vénérable supérieur réfléchit et trouva qu'il avait raison : « D'accord, j'accepte votre requête ». A partir de ce jour, à chaque Séminaire de Méditation, le soir, chaque participant a droit à deux brioches cuites à la vapeur.

Vénérable Duy-Na demanda au Vénérable supérieur : « Vénérable, où dois-je aller ? »

Celui-ci lui dit : « Rendez-vous à la province de Tú-Xuyên et construisez votre Boddhimandala (salle de cultes), Messieurs les protecteurs du Dharma de cette ville ont de bonnes affinités avec vous ».

Utilisant ses pouvoirs surnaturels de déplacements, il se rendit à la province de Tú-Xuyên. Voyant deux énormes canneliers très hauts, aux feuillages touffus, il s'y installa et commença à méditer. Le voyant assis au pied des

arbres, les protecteurs du Dharma et les Upasakas de la région, reconnurent en lui un véritable pratiquant bouddhiste, un moine hautement qualifié, vertueux, ils s'accordèrent à lui construire une pagode juste à cet endroit, entre ces deux canneliers et l'intitulèrent : « Song-Quê-Đường » (un Boddhimandala entre deux canneliers). C'était ici que Vénérable Duy-Na a prêché le Bouddhadharma et accepté des disciples. Plus tard beaucoup d'entre eux ont obtenu l'Eveil. Vénérable Duy-Na était devenu notre premier Patriarche.

On médite c'est comme si on boit de l'eau, on sent seul la température de cette eau. De même, qu'on réussisse ou pas, on est seul à s'en rendre compte. Celui ou celle qui a réussi dans sa pratique, doit continuer à s'efforcer et celui ou celle qui n'y arrive pas encore, ne vous découragez pas ! En participant au Séminaire de Méditation, vous devriez vous débarrasser de tout. Il existe cette phrase :

« Si vous arriviez à vous concentrer sur un sujet, vous pourriez vous débarrasser de tout ». Concentrer sur quoi ? Sur la phrase : « Qui récite le nom du Bouddha ? ». Vous débarrasser de quoi ? De toutes vos illusions, de toutes vos pensées troublantes et désordonnées pour qu'apparaisse la Sagesse. Si vous n'arriviez pas à vous débarrasser de toutes ces poussières, vos pratiques seraient inutiles, vous ne réussiriez jamais.

Durant ces sept prochains jours, investissez-vous totalement pour progresser, évitez la moindre paresse, le moindre doute. Unissez-vous dans la pratique. Pratiquez jusqu'au moment où vous avez la sensation que vous n'existez plus, que plus personne n'existe, à ce moment là vous vous éveillerez. Pratiquez jusqu'au moment où plus rien (ni forme, ni non-forme) n'existe, vous vous harmoniserez, accorderiez avec le Tatagatha. Si vous ne réaliseriez pas encore ce monde de « ni-forme, ni non-forme » vous devriez en avoir honte.

Pourquoi n'obtenez-vous pas de réponse dans vos pratiques ? A cause de vos vieilles habitudes ancrées profondément en vous depuis de multiples Kalpas ; c'est pourquoi, quand votre esprit veut vous diriger vers le chemin du Boddhi, votre corps refuse d'avancer, il veut reculer. Sachez aussi que plus ces habitudes sont profondes, plus vos karmas sont lourds, plus vous devriez vous débarrasser davantage de vos illusions. Et il n'est pas difficile

de vous en débarrasser, il suffit que vous vous oubliiez, pour que disparaissent immédiatement toutes vos illusions. Tant qu'existe encore votre « moi », vous ne pouvez pas vous oublier complètement.

Etant présents dans cette salle de Méditation, vous devez pratiquer de telle sorte que n'existent plus « le ciel en haut, l'humain au milieu, la terre en bas ». Plus de ciel, plus de terre, plus personne ; disparaissent également : l'Est, l'Ouest, le Nord et le Sud, plus aucune pensée, apparaît alors la Vraie Nature (Nature du Bouddha). Vous obtiendrez tout merveilleusement. Si durant toute la journée, vous nourrissiez des illusions votre pratique serait inutile, évidemment. C'est pourquoi, vous devriez pratiquer de telle sorte qu'il n'existe plus la moindre pensée pendant que vous marchez, vous vous couchez, vous vous asseyez ou vous vous tenez debout, vous ne vous rendez plus compte de vos faits et gestes :

« Toute la journée vous mangez du riz, mais (dans votre tête) vous n'en avez jamais mangé un grain »

« Toute la journée vous portez des vêtements, mais (dans votre tête) vous n'en avez jamais porté un fil »

A ce moment-là, avec le Vide vous formez « UN ». S'il en est ainsi, vous vous harmonisez, vous vous communiquez ensemble naturellement. Dans votre esprit, tout s'éclaircit. C'est ce qu'on appelle : « l'Eveil Immédiat ».

L'Eveil Immédiat résulte donc d'une pratique de longue haleine. Après une longue durée de pratiques, on arrive à un moment où tout s'harmonise, tout se communique, l'Eveil apparaît immédiatement. Comme les bébés, à force d'entendre tous les jours les gens parler, arrive un jour où il se met à parler naturellement. Quand ils commencent à prononcer le premier mot, c'est comme si nous, nous nous éveillons. De même, quand ils commencent le premier pas c'est comme si nous, nous nous éveillons. Comment font-ils pour arriver à faire le premier pas ? Parce que, tous les jours, ils regardent les gens marcher autour d'eux ; au fil du temps, ce spectacle se grave dans leur esprit, et un beau jour, naturellement, ils se mettent à marcher. Il en est de même pour notre pratique. Aujourd'hui, nous pratiquons, demain, nous pratiquerons, nous

continuons à pratiquer ainsi tous les jours, jusqu'au moment où n'existent plus la moindre illusion, la moindre pensée et un beau jour, nous nous Eveillerons.

L'apparition soudaine de l'Eveil résulte donc d'une pratique de longue durée ; on pratique à chaque minute, chaque seconde jusqu'à un beau jour, apparaît soudainement l'Eveil. Autrement dit, on s'éveille après avoir longuement pratiqué, parfois durant toute une existence.

Quelqu'un me demanda : « J'ai vu un Monsieur, il n'a pas beaucoup pratiqué, car il n'y a pas longtemps qu'il est arrivé au Centre, il est Eveillé. Je voudrais savoir pourquoi ? » Ceci est un cas spécial. Quoique durant cette vie, il ne pratique pas beaucoup, mais dans sa vie antérieure, je suis sûr qu'il avait déjà beaucoup pratiqué, qu'il s'était investi entièrement chaque minute, chaque seconde. Résultat, cette vie présente, une légère poussée suffit pour qu'il s'éveille.

« L'Eveil Immédiat » veut dire : s'éveiller immédiatement, soudainement, à condition d'avoir emmagasiné, stocké auparavant, de bonnes semences depuis plusieurs générations antérieures. Comme fait un agriculteur ; au printemps, il sème ; en été, il laboure ; en automne, il récolte. S'il n'a pas semé au printemps, comment peut-il récolter en automne ? Il existe une phrase disant :

« On récolte autant qu'on cultive ». En tant que moines, nous devons faire autant ; que nous soyons Eveillés ou non, nous devrions toujours nous efforcer de tout cœur, toujours persévérer, pour progresser. Espérons qu'à la dernière minute, nous réussirons à découvrir notre « visage originel ».

Pourquoi ne découvrons-nous pas notre « visage originel » ? Parce nous sauvegardons toujours notre « moi » ainsi que notre égoïsme. Si nous arrivions à nous débarrasser de ce « moi » et de cet égoïsme, nous pourrions découvrir notre « visage originel ».

A moins que vous ne vouliez pas découvrir votre « visage originel ». Dans ce cas, que vous pratiquiez ou non, cela ne pose aucun problème, car, vous n'en aurez aucune chance. Mais, en tant que moines, vous devriez absolument saisir cette chance. C'est la chance de savoir d'où on vient, et où on va ; savoir de quel endroit on vient et où on va après la mort. Si vous voulez savoir comment est votre « visage originel » vous ne devriez pas avoir peur des souffrances, des peines, des misères. Vous pourriez alors revenir à votre nature originelle et obtenir votre Corps Indestructible (comme du Diamant) du Vajra.

Que fait-on dans la salle de Méditation ? C'est l'endroit où on forge ce « Corps indestructible du Vajra ». Une fois, ce corps solidement forgé, il ne craint plus ni les misères, ni les souffrances. C'est pourquoi, si nous persistons à craindre les misères et les souffrances nous ne pourrions jamais réaliser notre « Corps Indestructible du Vajra ». Donc, ce « Corps Indestructible du Vajra » a été forgé précisément grâce à notre pratique. Et ce que nous sommes en train d'accomplir consiste à forger ce « Corps Indestructible comme du Diamant du Vajra » pour qu'il devienne solide, éternel, jamais désagrégé.

Ayant entendu ces paroles, certains pensent : « Si je pratique, ce n'est pas pour ce « sac de chairs puantes », mais pour le rendre indestructible ! A quoi cela servirait-il ? » Exact ! votre raisonnement est parfaitement juste. Néanmoins, ce Corps Indestructible dont je vous ai parlé n'est pas « ce sac de chairs puantes ». De quoi s'agit-il alors ? Il s'agit du « Corps Indestructible du Vajra » de notre Vraie Nature originelle, c'est aussi le Corps du Dharma et de la Sagesse et c'est précisément le Corps Indestructible du Vajra de notre vraie et pure nature originelle.

Retenez bien ceci : Il n'est pas facile de pratiquer la voie. Quand vous vous décidez de pratiquer, les démons viennent vous troubler, vous perturber. Ils viennent, non seulement, d'une direction, mais de toutes les directions ! Il existe des démons de maladies, d'afflictions, des



démons célestes, humains, ainsi que des démons monstrueux, terrifiants proprement dits. Ils viennent à l'improviste, sans prévenir, afin de vous perturber, ébranler votre foi, vous faire régresser sur votre chemin religieux. Ils se servent de tous les moyens pour vous amadouer, vous opprimer, ou vous menacer, afin de vous obliger à régresser, à perdre votre énergie méditative et enfin, à abandonner définitivement.

Quand vous pratiquez la Méditation à un niveau assez élevé, ils viennent immédiatement pour tester votre force méditative. Ils apparaissent sous l'apparence d'un homme ou d'une femme en beauté pour vous amadouer. Si vous arriviez à résister, vous franchiriez l'épreuve ; dans le cas contraire, vous succomberiez à son charme et vous plongeriez en enfer. Ceci est le point primordial, retenez le soigneusement ! Si jamais, vous faites un faux pas, vous trébucheriez, alors vous le regretteriez le restant de votre vie !

En présence de ces épreuves, en tant que pratiquants bouddhistes, nous devrions bien observer, bien examiner pour discerner le vrai du faux. Quelle méthode utilise-t-on ? C'est tout simple ! Il suffit de réciter : Namou-Bouddha-Amitaba (Nam Mô A-Di-Đà Phậ) sincèrement, de tout cœur, d'un esprit absolument concentré, dépourvu de toute illusion. Si l'apparition était fautive, elle disparaîtrait immédiatement. Mais si elle était authentique, plus vous récitez, plus elle apparaîtrait clairement. Celui qui pratique la Méditation, mais qui ne connaît pas cette méthode, perdrait parfois la raison, et pourrait devenir fou, toute sa carrière monacale serait perdue. Il y en a d'autres qui se croient appartenir au monde démoniaque, ils perdraient, à tout jamais, la chance de s'éveiller.

Quand j'étais jeune, j'ai entendu dire que : « Pratiquer la voie c'est rencontrer les démons ». Non seulement, je n'y croyais pas, mais j'étais fier en disant : « Je n'ai pas peur des fantômes, même les démons, quels qu'ils soient, je ne les crains

pas ! » Je les méprisais, je pensais que même en disant cela, il ne pourrait rien m'arriver. Qui aurait pu croire que peu de temps après, les démons étaient venus vraiment pour me perturber ? Quelle sorte de démons ? Le démon de la maladie. Cette fois-là, je tombais gravement malade, je restais dans le coma durant sept ou huit jours. Je me rendis compte que le fait que je n'arrivais pas à franchir l'épreuve, montre que ma pratique de la voie n'était pas suffisante. Je ne craignais aucun démon, que ce soient démons célestes ou hétérodoxes, excepté le démon de la maladie. Je n'arrivais pas à le maîtriser, encore moins à le supporter. Aussi, un pratiquant religieux ne doit pas se vanter, en disant qu'il ne craint rien. Autrement, les ennuis surgissent immédiatement et en grande quantité !

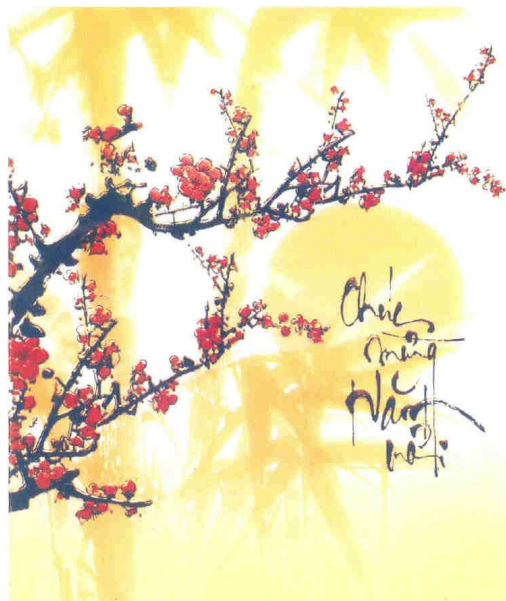
Que devrait-il faire ? Il devrait être humble et prudent, comme s'il marche sur le bord d'un ravin, ou sur une couche mince de glace. A chaque instant, il doit être très vigilant, toujours sur ses gardes. En somme « parler moins et méditer plus », c'est la base de la pratique.

Donc, si un pratiquant réussit dans sa carrière monacale, c'est grâce à qui ? C'est précisément grâce aux démons ! De même pour aiguïser un couteau, il faut le limer ; pour parvenir à la lumière de la Sagesse, un pratiquant bouddhique doit avoir besoin de l'aide des démons. C'est la raison pour laquelle, vous devriez considérer les démons comme les protecteurs du Dharma. Il existe aussi la phrase suivante :

« Devant une situation, si on comprend, on voit clair, on sort du monde profane »

« Devant une situation, si on est aveugle, on sombre en enfer »

Si vous avez la capacité d'Eveil, devant une situation, vous y verrez clair immédiatement, vous sortirez alors du monde profane. Tandis que si vous n'avez pas le potentiel d'Eveil, devant une situation, vous resterez dans les ténèbres, vous sombrerez alors en enfer. Un pratiquant bouddhique ne devrait pas craindre les démons, mais seulement qu'il n'a pas assez de force



méditative pour les affronter. Si les démons se présentent devant vous, c'est pour vous tester, tester votre pratique, votre force méditative. Si vous aviez suffisamment pratiqué, acquis suffisamment de force méditative, quels que soient les démons, ils n'arriveraient jamais à vous troubler.

Un pratiquant bouddhique devrait graver sur son front, entre les sourcils, ces mots : « Problèmes de vie et de mort », cherchant à chaque instant, comment faire pour mettre fin à la mort et à la renaissance. Vous devriez savoir qu'il n'y a rien qui soit plus important que le problème de la vie et de la mort. Tant que ce problème n'est pas résolu, vous ne saurez jamais d'où vous venez et où vous irez après la mort. C'est pourquoi, tant que vous ne comprenez pas exactement le problème de vie et de mort, vous devriez pratiquer de toutes vos forces, sinon, vous seriez entraînés éternellement dans ce cycle de morts et de réincarnations sans aucun espoir de vous en libérer.

Sur le chemin de la pratique, réfléchissez toujours sur le « problème de vie et de mort », considérez les démons comme les protecteurs du Dharma qui vous aident dans vos pratiques. Quiconque, en vous disant du mal, ou vous causant des ennuis, il vous apporte exactement son aide à votre pratique ; celui qui vous insulte, qui vous bat, apporte aussi son aide dans votre pratique. En résumé, quand surgissent des mauvaises circonstances, des obstacles, vous devriez vous en accommoder pour supporter. Considérez-les comme des amis qui viennent vous apporter leur aide. Ainsi, disparaissent immédiatement vos afflictions. Quand les afflictions disparaissent, apparaît la Sagesse. Doués d'une juste Sagesse, quoiqu'ils fassent, les démons n'arrivent jamais à vous troubler.

Pourquoi sommes-nous troublés par le monde démoniaque ? Parce que notre Sagesse n'est pas parfaitement accomplie. Comme elle n'est pas parfaite, devant un événement, nous resterons dans les ténèbres de l'ignorance, tout paraît flou dans

notre esprit. Alors surgissent : le moi, l'autrui, l'être vivant, le bénéficiaire, suivis ensuite de toutes sortes d'ennuis, d'afflictions. Si on possède réellement la Sagesse, tous ces problèmes n'auraient pas apparus !

Une prosternation tous les trois pas

Heng Cu et Heng Do

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

La suite

Le 21 Novembre 1973. Hằng Do écrit :

« **A**près avoir lu dix mille livres », vous devriez parcourir « dix mille miles de chemins ». C'est l'un des principaux proverbes fondamentaux des Chinois depuis le passé lointain. « Dix mille livres » veut dire : études théoriques, alors que : « dix mille miles » fait allusion au fait de pratiquer, d'agir pour obtenir, acquérir des expériences par soi-même. Ce proverbe veut nous dire qu'un pratiquant bouddhiste doit se concentrer sur les deux plans : théorie et pratique. Vous devriez comprendre clairement l'importance des relations réciproques entre eux. « Lire dix mille livres » pour examiner, étudier les doctrines du Bouddhadharma contenues dans les trois Recueils : Les Sutras, Les Lois, les Commentaires ; les discussions sur l'ensemble des Préceptes, du Dhyàna, de la Sagesse. Comprendre le Bouddhadharma, sans le pratiquer n'est pas véritablement comprendre ; de même pratiquer le Bouddhadharma sans le comprendre est tout à fait inutile. Si nous comprenons réellement, nous pourrons appliquer nos connaissances à la pratique, car si on acquiert des connaissances c'est pour les appliquer à la pratique, cette pratique sera alors toujours juste.

L'un des mérites de ce pèlerinage de prosternations c'est une occasion pour réaliser véritablement : un bout de chemin sur dix mille miles et la lecture de quelques uns parmi les dix



mille livres. Au moment où ce pèlerinage se terminera, ce sera aussi le moment où l'on appliquera les connaissances contenues dans ces quelques livres à la pratique dans les meilleures conditions ; en même temps on comprendra mieux le sens des caractères fondamentaux contenus dans ces livres. Par ailleurs, durant ce pèlerinage nous réalisons mieux que quoiqu'il en soit, nous ne devrions pas laisser passer cette occasion inespérée, autrement, nous aurions par nous mêmes cherché à lire les dix mille livres erronés, qui nous auraient égarés dans dix mille miles de mauvais chemins.

Le 22 Novembre 1973. Hằng Cự écrit :

Aujourd'hui, c'est la fête de Thanksgiving, Quà Đôn et la famille Quà Dung venaient nous rejoindre dans un jardin situé au bord de la route. Nous dégustions un repas excellent, bien meilleur que ceux que j'avais mangés auparavant quand j'appartenais encore au monde extérieur, c'est à dire : avec viande, poisson, œuf, ail et oignon. Exceptionnellement ce jour-là, selon la tradition, presque tout le monde mangeait de la dinde. C'est pourquoi, après le repas, nous nous partageons avec nos invités cette petite histoire suivante :

« Quelques années auparavant, quand j'étais encore fidèle pratiquant vivant encore au foyer familial, un jour, à la pagode on se préparait à la cérémonie annuelle de libération d'animaux. Durant cette cérémonie selon la tradition, beaucoup de pratiquants Bouddhistes achètent des animaux qui vont être tués pour servir de nourriture, les apportent à la pagode, où on leur récite les Mantras avant de les faire libérer dans les champs. Mais particulièrement, cette année là, Quà Qui et moi, nous avons décidé d'aller dans le Sud de San Francisco en voiture bien sûr, à cinquante miles pour acheter vingt-et-un pigeons, qui allaient servir de cibles pour une association de chasse. Je conduisais un Chevrolet d'année 1951, nous roulions jusqu'au bord de la mer. C'était un bel après midi du samedi, c'était la première fois que



nous sortions de la pagode après quelque semaines de pratiques. Arrivés au champ de tir, nous savions qu'il nous était impossible de transporter tous ces oiseaux, mais le vendeur d'oiseaux, les a tous fourrés dans un sac de toile en disant que bientôt ils « n'auront plus mal du tout ». Sur le chemin de retour à la pagode, vers la fin de l'après midi, si nous roulions d'un seul trait directement à la pagode, peut-être, tous ces oiseaux « n'auraient aucun mal ! » Mais, nous n'avions pas fait ainsi ; succombés par notre cupidité de gourmandise, en passant devant une boutique d'alimentation « La Honda ». D'habitude, Quà Qui et moi, nous ne dînons pas le soir comme les autres moines à la pagode, car cette abstention nous aide à mieux pratiquer notre médiation. Mais en voyant cette boutique, nous ne pouvions pas résister à la tentation, nous enfreignions les préceptes. Après avoir avalé voracement quelques livres de fromage, de pâtisseries, de boissons sucrées, des glaces et beaucoup d'autres âneries, nous nous rendîmes compte qu'il était tard, trop tard pour écouter la séance de prédication de notre Maître. Nous nous précipitâmes dans la voiture, roulâmes à toute vitesse à la pagode. Arrivés à la pagode, on nous

a appris que notre Maître avait reporté la séance de prédication pour nous attendre. Rongé de remords pour avoir péché, je me dépêchai de transporter le sac de pigeons au deuxième étage et les vida dans une chambre vide ; tous les oiseaux sortirent précipitamment et volèrent partout dans la chambre ; pas tous ; deux y sont restés car ils étaient morts ; Pitt! Pitt! Ils tombèrent sur le plancher.

Eh voilà ! Si nous n'avions pas été aussi gourmands, égoïstes, ces deux oiseaux ne seraient pas morts. C'est par nos fautes qu'ils sont morts ! »

Tout en pensant ainsi, je me mis à me consoler : « Tant mieux ! Au moins personne n'est au courant de cette histoire ». Je descendis dans la salle de conférences m'assis à côté de Quà Quy, lui recommandai en chuchotant dans ses

oreilles de ne raconter à notre Maître que la mort de ces deux oiseaux, et surtout pas un mot à propos de la boutique d'alimentation. A la fin de la causerie, Quã Quy, sur la pointe des pieds, s'avança doucement et lentement, les mains jointes devant la poitrine : « Maître, sur le chemin de retour à la pagode, deux oiseaux étaient morts. Qu'allons nous en faire ? ». Pour nous, ses quelques minutes parurent extrêmement pénibles, interminables. Se tournant vers Quã Quy, notre Maître lui dit comme s'il cria : « Eh bien, mangez-les ! ». Ces deux mots semblèrent hacher finement nos mensonges mi avoués mi cachés.

Tout le monde dans la salle croyait que notre Maître plaisantait, exceptés Quã Quy et moi, nous savions que notre Maître s'adressait à nous. Rongés de honte et de remords, le lendemain, rassemblant tous nos courages, nous nous présentâmes devant l'audience et avouâmes nos fautes. Bien sûr, nous n'avons pas mangé ces deux pigeons, mais nous les avons jetés dans la mer ; après cela nous avons jeûné trois jours pour payer notre faute. Cette histoire, je ne l'oublierai jamais, le restant de ma vie. Après avoir entendu cette histoire, Quã Đôn disait qu'il ne savait pas s'il fallait rire ou pleurer.

Ayant trouvé une partie d'un toit d'une maison, nous nous y abritons, il nous restait encore sept miles à parcourir pour arriver à ELK. J'allais me baigner à une cascade près d'ici. Quel froid glacial !

Le 23 Novembre 1973. Hằng Do écrit :

Aujourd'hui, aucun incident particulier ; à part quelques personnes qui s'arrêtaient pour discuter avec nous. La pluie tombait par petits coups. Il n'est pas facile de décrire ces jours paisibles ; néanmoins, ils sont tout aussi importants que les jours mouvementés. L'important c'est toujours

s'améliorer. L'amélioration est classée quatrième parmi les six Paramitas. L'amélioration (la perfection) Paramita signifie que : Une fois que vous avez trouvé la méthode, la branche qui vous convient vous devriez mettre toute votre volonté à la pratiquer. Par exemple, vous devriez jeter très loin votre regard sur l'utilité d'une Méditation régulière, assidue selon un emploi du temps stricte, fixé auparavant. Ce serait mieux que de pratiquer aujourd'hui très longtemps puis d'arrêter et de reprendre deux ou trois jours plus tard. En réalité, vous devriez exercer comme si pas à pas régulièrement, vous vous prosternez, vous progressant, vous avançant lentement mais sûrement. Néanmoins, ces pas qui avancent fortement pourraient s'affaiblir s'il y avait le moindre relâchement ne serait ce qu'un petit instant. L'amélioration ne veut pas dire : continuer à tourner en rond et perdre ainsi son énergie et sa force dans le délire mais l'amélioration c'est un investissement de longue haleine, elle sera une clé qui vous permettra d'ouvrir toutes les portes. Si vous observez les Préceptes, votre amélioration progresse de la même façon. Si nous dormirons moins nous saurons comment maîtriser cette énergie que nous venons de découvrir.

La route conduisant à l'intérieur du territoire était tortueuse à cause des côtes en bordure des montagnes et des baies d'Océan Pacifique. Elle était coupée sur une distance assez longue laissant place au torrent ELK qui se jetait dans l'océan. Après avoir traversé le torrent nous reprenions la route toujours tortueuse jusqu'à l'océan. Voyant une petite cabane, quoique sans porte, ni fenêtre mais le toit encore acceptable, nous y emménagions, y passions une nuit au sec et au chaud. (à suivre)

**Ủng hộ Báo Phật Pháp dài hạn, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp
Je fait un don pour la revue Bouddhadharma.**

- Họ và Tên/Nom et prénom :
- Địa Chi/Adresse :
- Điện Thoại/Téléphone :
- Cúng dường ủng hộ tùy hỷ :
- Votre don :



Cung nghinh xá lợi Phật 10/2011





Chùa/Pagode Kim Quang
 75, Allée Circulaire
 93600 Aulnay Sous Bois-France
 Tel./Fax : 01.48.69.01.24
 e-mail: kimquangtu@hotmail.com
 website : chuakimquang.com



Phật Pháp/Bouddhadharma 41

- Tờ Phật Pháp/La revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ vào những ngày lễ lớn trong năm/Edition les grandes fêtes dans une année.
- Chủ Nhiệm: Vén. Thích Minh Định.
- Những bài dịch tiếng Pháp và đánh máy : Cô Lý Thị Minh Nguyệt.
- Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, cô Giác Vân, cô Diệu Hải, cô Giác Hào, cô Nisha, cô Vi, cô Hồng, cô Yên, Bé Huyền Trân, Bé Sylvie, cô Đồng Thu, anh chị Phát, cô Giác Thủy, cô Vân, cô Nuôi, cô Liên, Chú Thiện, Chú Giác Đạo, Chú Phát, Chú Giác Luân, Cô Chú Giác Lộc....
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng Tuyên Hoá, để chúng ta nghiên cứu, tu học, lợi mình, lợi người.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, là góp phần nhỏ vào việc truyền bá Phật pháp, công đức vô lượng.
- Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang
 75, Allée Circulaire
 93600 Aulnay Sous Bois-France
 Tel./fax : 01.48.69.01.24
 e-mail: kimquangtu@hotmail.com
 website: chuakimquang.com

Trong số này/Sommaire

Lá thư xuân	3
Kinh Hoa Nghiêm giảng giải	4
Kinh Pháp Hoa giảng giải	6
Chú Lăng Nghiêm giảng giải	8
Chú Đại Bi giảng giải	10
Kinh Bát Nhã	11
Pháp ngữ thiền sư Hư Vân	13
Hám Sơn đại sư tự truyện	16
Cuộc đời H. T Tuyên Hoá	18
Tu hành cần phải nhẫn nại	21
Tham thiền là phương pháp khai ngộ	23
Ma tới để giúp quý vị tu đạo	26
Năm mới tuổi nào tốt, tuổi nào xấu?	30
Tam bộ nhất bái	32
Vie et oeuvre prédicante du Vén...	34
Dans la malchance existe	36
La méditation c'est un moyen d'éveil	38
Les démons arrivent uniquement ...	42
Une prosternation tous les trois pas	48



Chùa Kim Quang

❖ Lễ đón giao thừa: Đêm 30 tháng chạp âm lịch, tức tối Chủ Nhật 22/01/2012

- 21 h 00 : Trà đàm.
- 23 h 00 : tụng Kinh và rước Vía Di Lặc.
- 00 h 00 : Nói về ý nghĩa xuân trong cửa Phật.
- 00 h 15 : Phát lộc và lì xì đầu năm.

❖ Tết Nguyên Đán : Mồng Một đến mồng Bảy Tết, tức thứ hai 23/01 đến chủ nhật 29/01/2012

Mồng Một Tết thứ hai 23/01/2012.

- 09 h 30 : Phát lộc, lì xì đầu năm.
- 10 h 15 : tụng Kinh Phổ Môn, cầu thể giới hoà bình, chúng sinh an lạc.
- 11 h 00 : Khai thị, chúc Tết đầu năm.
- 11 h 50 : Thọ trai.

Mồng bảy Tết chủ nhật 29/01/2012.

- 10 h 00 : tụng Kinh Phổ Môn cầu an đầu năm.
- 11 h 00 : Khai thị nhân ngày đầu năm mới.
- 12 h 00 : Thọ trai.
- 13 h 30 : **Văn Nghệ mừng Xuân Nhâm Thìn**, do GDPT Kim Quang và các anh em nghệ sĩ phát tâm góp phần văn nghệ vui xuân đầu năm mới.
- 18 h 00 : Hoàn mãn.

❖ Lễ Thượng Nguyên sẽ tổ chức vào ngày chủ nhật 12/02/2012, tức ngày 21 tháng Giêng ÂL.